

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐIỂM TIN

KINH TẾ - XÃ HỘI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tháng 02 và 02 tháng đầu năm 2024



| | |
|----------------------|---|
| TỔNG QUAN | Những nét chính kinh tế - xã hội Thành phố1 |
| | Tổng quan các chỉ số vĩ mô3 |

**KINH TẾ
VĨ MÔ**

| | |
|-------------------------------------|---|
| <input checked="" type="checkbox"/> | Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn4 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Huy động và dư nợ tín dụng.....7 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Hoạt động chứng khoán8 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Doanh nghiệp trong nước9 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Dự án FDI đăng ký mới11 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Giải ngân vốn đầu tư công12 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Chỉ số giá tiêu dùng13 |

**TÌNH
HÌNH
MỘT SỐ
NGÀNH,
LĨNH
VỰC**

| | |
|-------------------------------------|---|
| <input checked="" type="checkbox"/> | Nông nghiệp và thủy sản17 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Chỉ số sản xuất công nghiệp18 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ23 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Xuất, nhập khẩu hàng hóa27 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Vận tải hành khách và hàng hóa.....30 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Vấn đề văn hóa - xã hội31 |

PHỤ LỤC

| | |
|-------------------------------------|---|
| <input checked="" type="checkbox"/> | Nhóm giải pháp thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế.....33 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Chỉ số phát triển GRDP quý I năm 2023.....35 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Chỉ số phát triển GRDP quý II năm 202336 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Chỉ số phát triển GRDP 6 tháng đầu năm 202337 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Chỉ số phát triển GRDP quý III năm 202338 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Chỉ số phát triển GRDP 9 tháng đầu năm 202339 |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Chỉ số phát triển GRDP năm 202340 |

1. Sản xuất công nghiệp chưa được cải thiện

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 02 tháng đầu năm 2024 tăng 4,3% so với cùng kỳ. Hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn: Chỉ số IIP 02 tháng đầu năm 2024 chỉ tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2019 (*cho thấy mức độ phục hồi sản xuất công nghiệp là rất chậm*), có 09/30 ngành cấp II có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm so với cùng kỳ; Hoạt động chế biến, chế tạo là trụ cột của ngành công nghiệp Thành phố nhưng chỉ tăng 4,1% so với cùng kỳ (*thấp hơn 0,2 điểm % so với IIP toàn ngành*); Chỉ số tiêu thụ của ngành chế biến chế tạo chỉ tăng 7,5% nhưng tồn kho lại tăng 24,6% và lao động lại giảm 6% so với cùng kỳ.

2. Sức mua của thị trường trong nước vẫn tăng trưởng chậm

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 02 tháng đầu năm 2024 tăng 14,8% so với cùng kỳ (*bình quân 02 tháng đầu năm 2019-2024 chỉ tăng 4,2%/năm, trong khi CPI tăng 3%/năm, nghĩa là doanh thu sau khi trừ lạm phát tăng không đáng kể*). Trong đó: Doanh thu bán lẻ tăng 10% so với cùng kỳ (*bình quân 02 tháng đầu năm 2019-2024 chỉ tăng 0,5%/năm, thấp hơn mức tăng trước khi xảy ra đại dịch Covid-19*); Doanh thu dịch vụ, lưu trú và ăn uống tăng 13,6% so với cùng kỳ (*việc siết chặt kiểm tra về vi phạm nồng độ cồn đã ảnh hưởng đến doanh thu ăn uống trên địa bàn*); Doanh thu dịch vụ lữ hành tăng 31,6% (*tốc độ tăng bình quân của 02 tháng đầu năm 2019-2024 chỉ tăng 0,7%/năm*).

3. Xuất nhập khẩu tín hiệu tích cực chưa rõ ràng

Kim ngạch xuất khẩu qua cảng Thành phố trong 02 tháng đầu năm 2024 đạt 6,3 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ và tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Giá trị nhập khẩu qua cảng Thành phố đạt 8,5 tỷ USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2019.

4. Chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 02 tháng đầu năm 2024 tăng 3,01% so với cùng kỳ, thấp hơn 1,78 điểm % so với CPI cùng kỳ năm 2023 và thấp hơn 0,66 điểm % so với CPI cả nước (*cả nước tăng 3,67%*). Trong đó, 01/11 nhóm hàng hóa giảm và 10/11 nhóm còn lại tăng so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ 02 tháng đầu năm 2024 tăng 3,8% so với cùng kỳ, đây là yếu tố bất lợi đối với nền kinh tế nhập siêu như Thành phố.

5. Đẩy nhanh
tiến độ giải
ngân vốn đầu
tư công

Tính đến ngày 01/3/2024, Thành phố đã giải ngân là 1.641,3 tỷ đồng, đạt 2,1% so với Kế hoạch vốn Thủ tướng giao năm 2024 và gấp 4,4 lần so với cùng kỳ.

Thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng, chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư theo từng tuần, từng tháng và đặt mục tiêu giải ngân trong quý I năm 2024 từ 10% - 12% theo Kế hoạch vốn Thủ tướng giao.

6. Môi trường
kinh doanh
trong nước
chưa được cải
thiện rõ nét

Trong 02 tháng đầu năm 2024, Thành phố có 10.553 doanh nghiệp tham gia vào thị trường nhưng có 14.703 doanh nghiệp rút khỏi thị trường (*Nghĩa là, cứ 10 doanh nghiệp tham gia thì có 14 doanh nghiệp rút khỏi thị trường*).

Trong 02 tháng đầu năm 2024 đã cấp phép 144 dự án FDI, số dự án tăng 42,6% so với cùng kỳ. Tuy nhiên quy mô vốn hiện khá thấp khi đạt 0,24 triệu USD/dự án, chỉ đạt 24,4% so với quy mô cùng kỳ (*02 tháng đầu năm 2024 vốn đạt 0,97 triệu USD/dự án*). Trong đó, 138/144 dự án FDI đều đến từ khu vực Thương mại dịch vụ, cho thấy Thành phố có dư địa phát triển các ngành thương mại, dịch vụ và thu hút nhà đầu tư nước ngoài.

7. Hoạt động
bất động sản
ấm dần

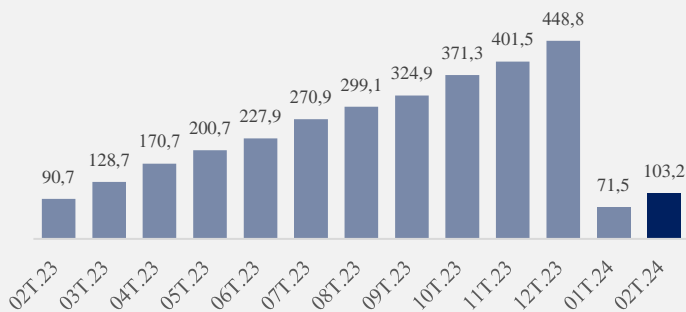
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản 02 tháng đầu năm 2024 tăng 20,1% so với cùng kỳ, hoạt động bất động sản ấm dần do tác động chính sách hỗ trợ, thúc đẩy thị trường bất động sản. Bên cạnh đó, thu ngân sách từ nhà, đất tăng 30,8% so với cùng kỳ.

8. Thu ngân
sách nhà nước
tăng trở lại

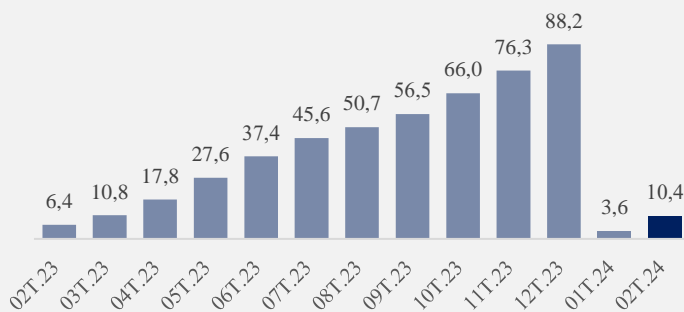
Tổng thu ngân sách nhà nước 02 tháng đầu năm 2024 ước tăng 13,7% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa tăng 28,1% so với cùng kỳ (*chủ yếu nguồn thu chính thức trong tháng 01 năm 2024 tăng*); thu từ dầu thô giảm 16,9% và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu giảm 25,4%. Nguồn thu tăng sẽ góp phần tạo nguồn lực cho Thành phố.

Bên cạnh đó chi ngân sách nhà nước trong 02 tháng đầu năm 2024 tăng 61,6% so với cùng kỳ, trong đó chi thường xuyên tăng 5,9%. Chi ngân sách tăng sẽ góp phần thúc đẩy tăng cầu nội địa và tăng trưởng kinh tế.

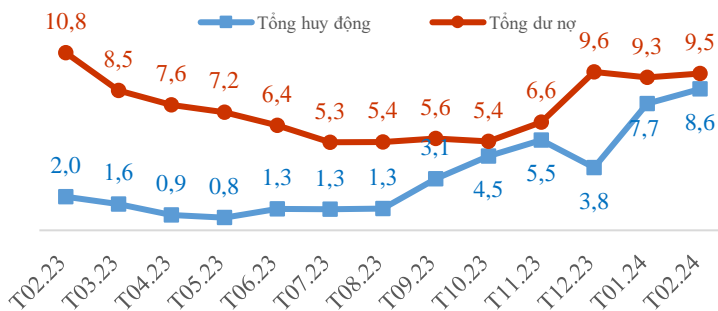
Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



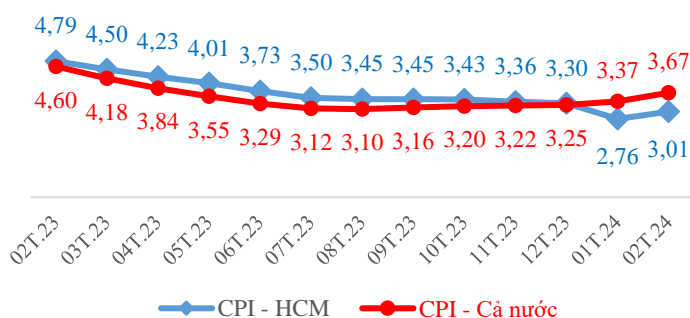
Tổng chi ngân sách trừ tạm ứng
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



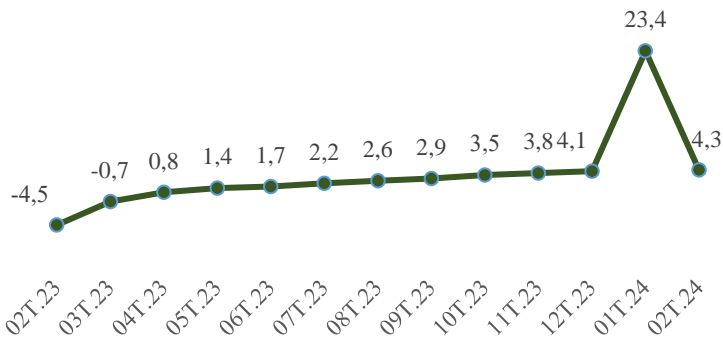
Tốc độ tăng vốn huy động, dư nợ tín dụng
so với cùng kỳ (%)



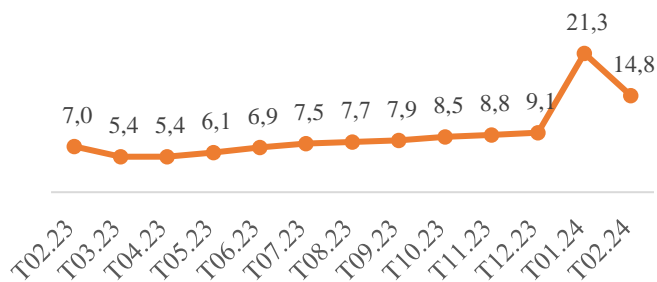
CPI bình quân của TP. HCM và Cả nước
(lũy kế, %)



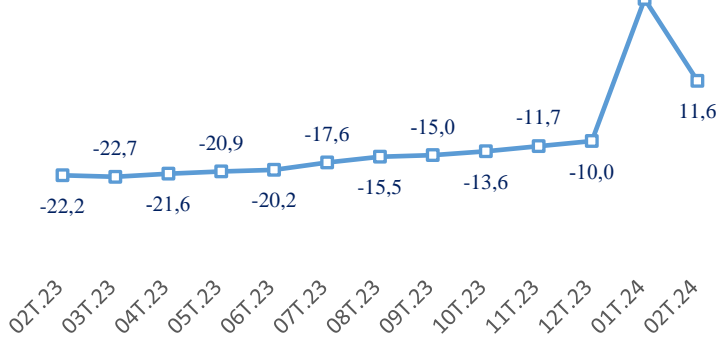
IIP so với cùng kỳ (lũy kế, %)



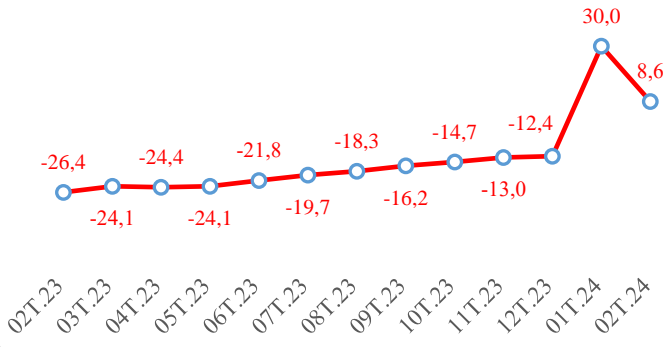
Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá và
doanh thu dịch vụ so với cùng k
(lũy kế, %)



Giá trị xuất khẩu hàng hóa
so với cùng kỳ (lũy kế, %)



Giá trị nhập khẩu hàng hóa
so với cùng kỳ (lũy kế, %)

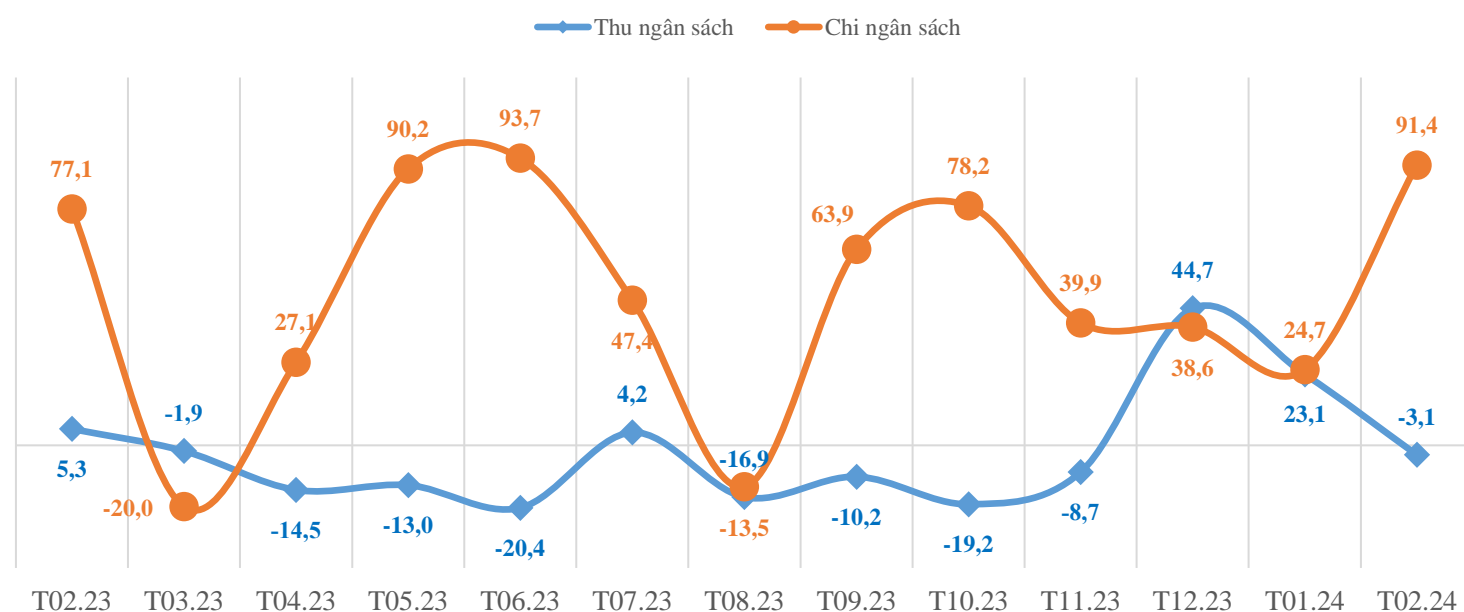


Nguồn: Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh

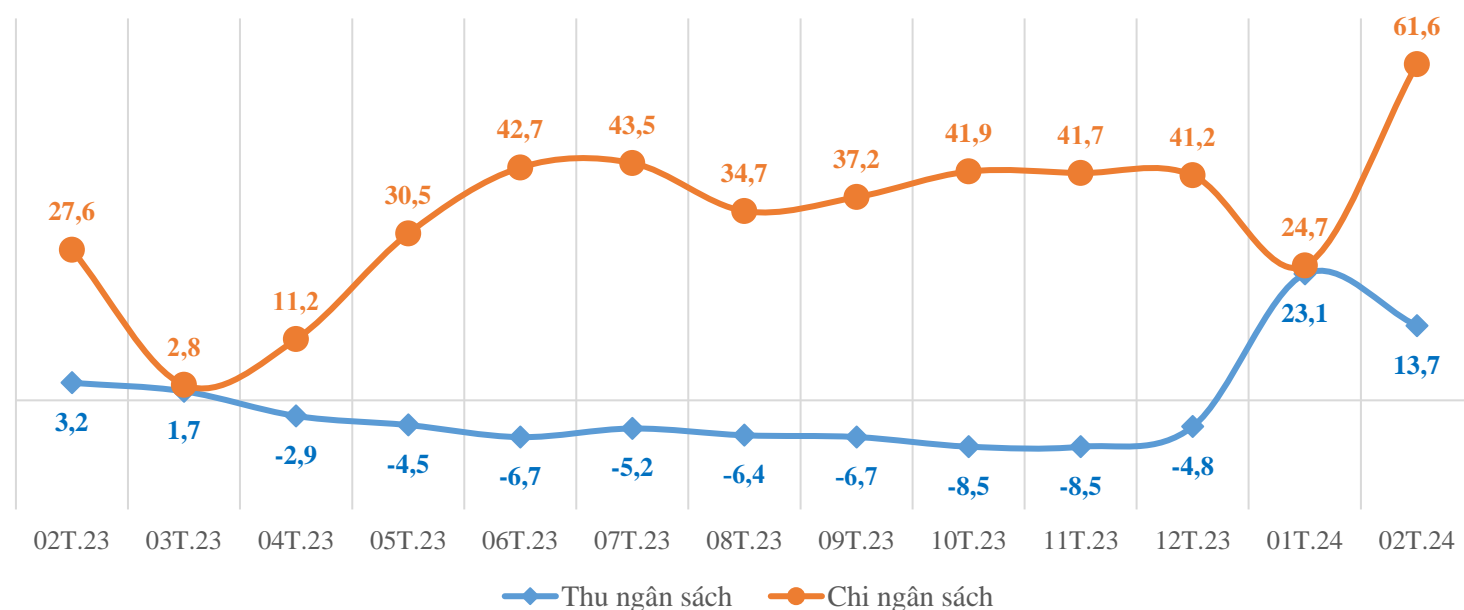
Tổng thu ngân sách nhà nước 02 tháng đầu năm 2024 ước tăng 13,7% so với cùng kỳ, cụ thể: Thu nội địa ước tăng 28,1% so với cùng kỳ, trong đó thu từ khu vực kinh tế tăng 25,4% (*thu từ doanh nghiệp nhà nước tăng 14,8%, khu vực ngoài nhà nước tăng 28%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 26,1%*); thu từ dầu thô giảm 16,9% và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu giảm 25,4%.

Chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 02 tháng đầu năm 2024 ước tăng 61,6% so với cùng kỳ, trong đó chi thường xuyên ước tăng 5,9% so với cùng kỳ.

Tốc độ tăng thu, chi ngân sách so với cùng kỳ (theo tháng, %)



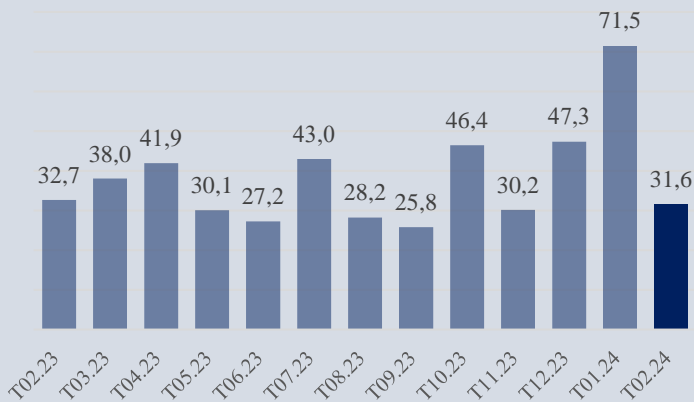
Tốc độ tăng thu, chi ngân sách so với cùng kỳ (lũy kế, %)



13,7%

**Thu ngân sách
lũy kế so với cùng kỳ**

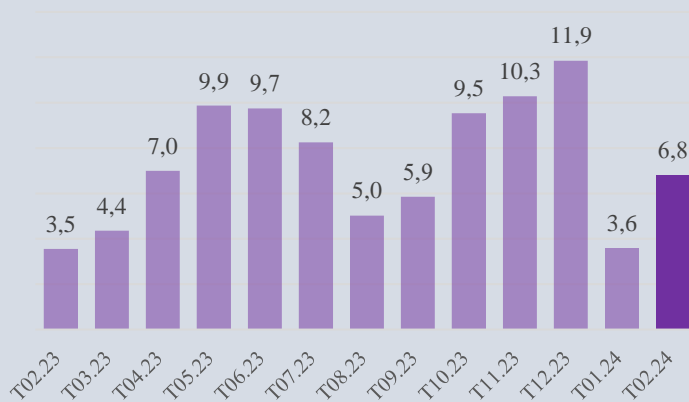
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)**



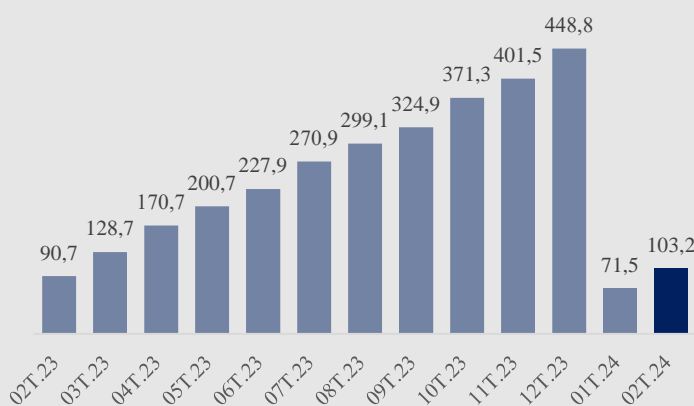
61,6%

**Chi ngân sách (trừ tạm ứng)
lũy kế so với cùng kỳ**

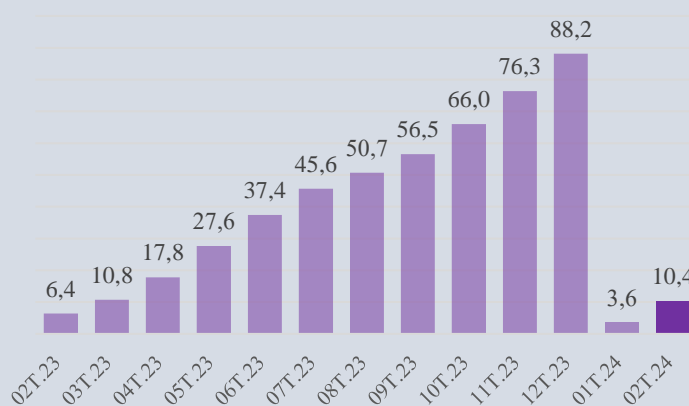
**Tổng chi ngân sách trừ tạm ứng
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)**



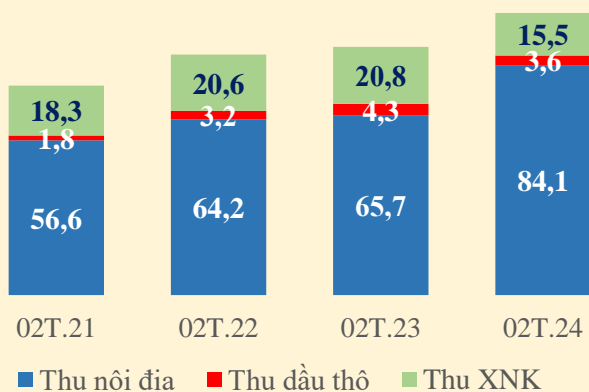
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



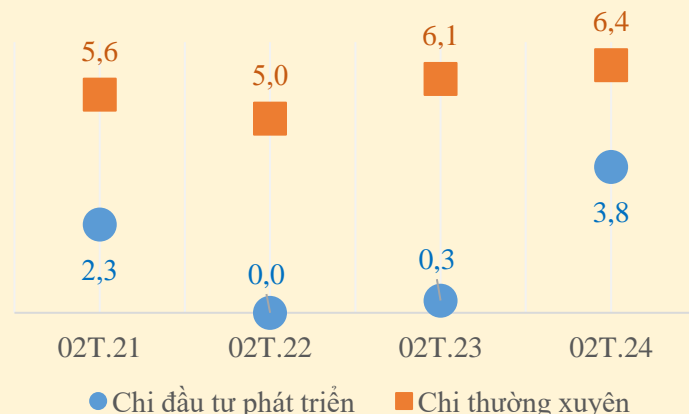
**Tổng chi ngân sách trừ tạm ứng
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



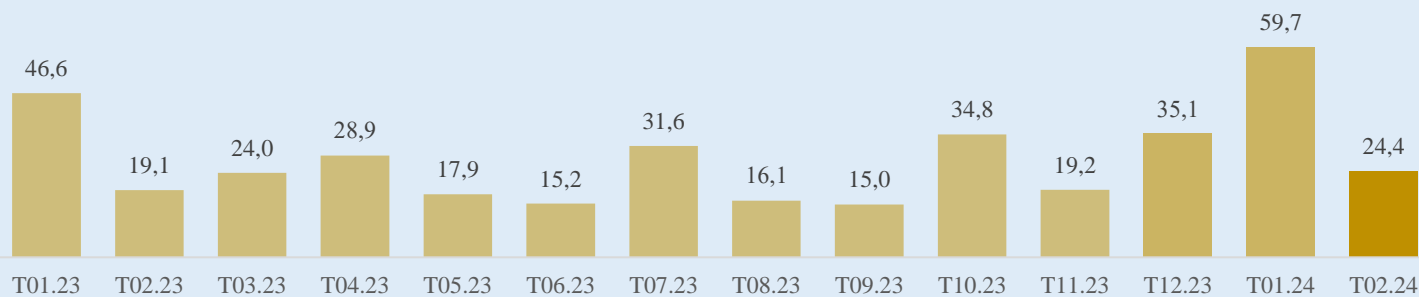
**Thu ngân sách các khu vực
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



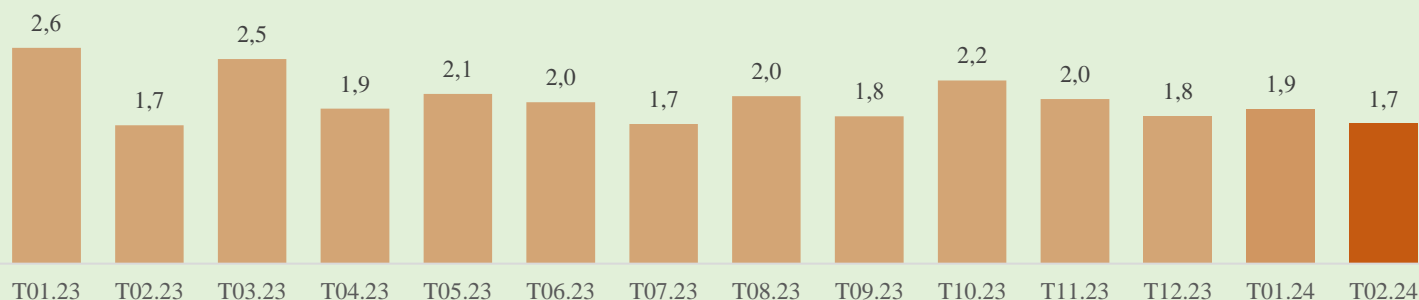
**Chi ngân sách theo lĩnh vực
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



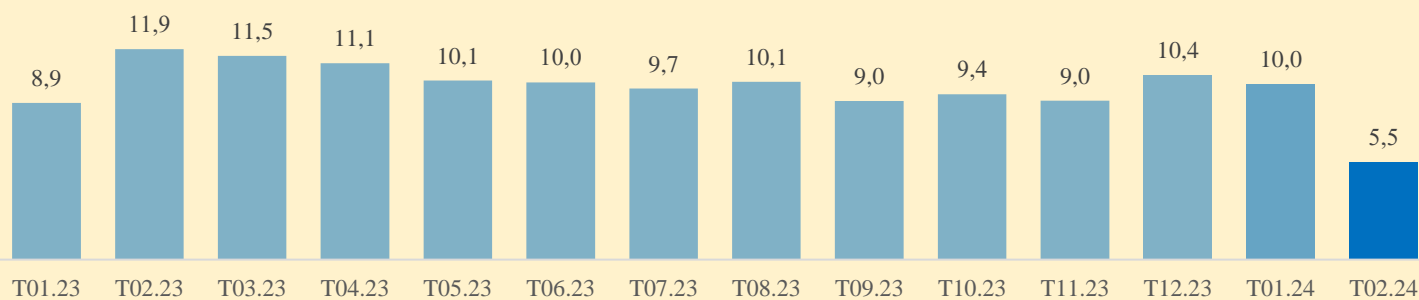
Tổng thu ngân sách nhà nước từ thu nội địa (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



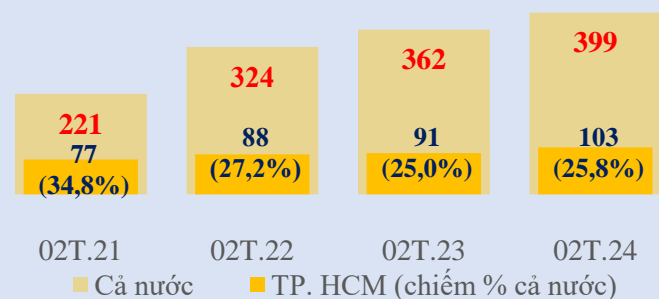
Tổng thu ngân sách nhà nước từ dầu thô (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



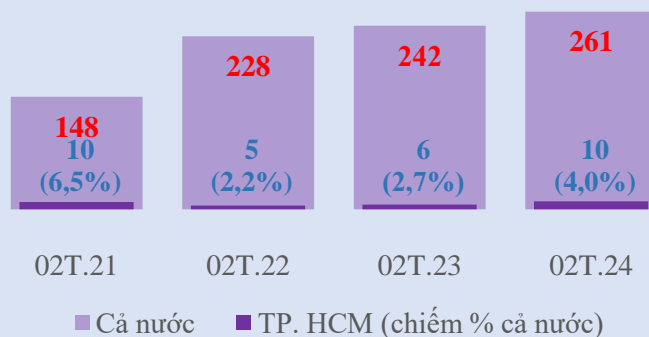
Tổng thu ngân sách nhà nước từ xuất nhập khẩu (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Thu ngân sách nhà nước TP.HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Chi ngân sách nhà nước TP.HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Tỷ giá USD/VNĐ, giá vàng trong tháng có diễn biến tăng so với cuối năm 2023 tuy nhiên hoạt động ngoại hối, tỷ giá vẫn được duy trì ổn định và diễn biến theo đúng định hướng của Ngân hàng Nhà nước, đặc biệt trong thời gian cao điểm Tết Nguyên đán. Mặt bằng lãi suất huy động bằng VNĐ tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần giảm 0,2%-0,3%/năm tùy kỳ hạn so với cuối năm 2023 và lãi suất cho vay bằng VNĐ giảm 0,1%-0,7%/năm.

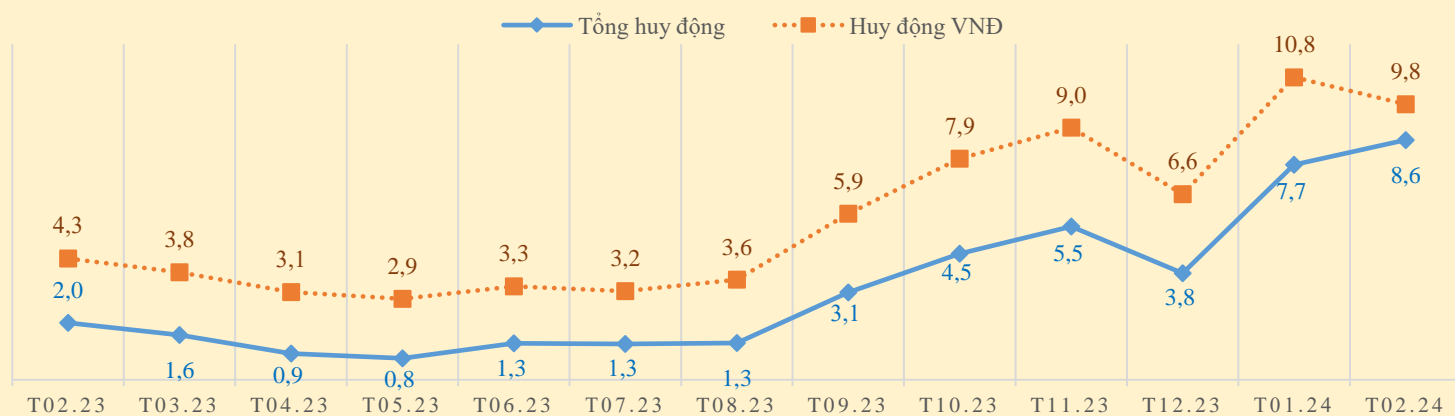
Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tăng 8,6% và dự nợ tăng 9,8% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dự nợ tín dụng trên địa bàn TP. HCM (theo tháng, nghìn tỷ đồng)

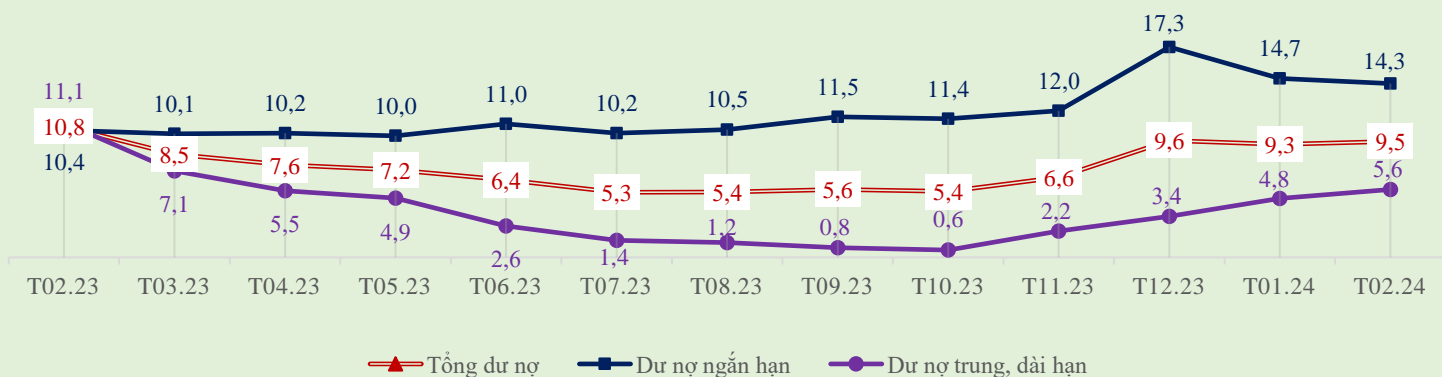
| | | |
|-------|--------|-------|
| 3.508 | T02.24 | 3.530 |
| 3.494 | T01.24 | 3.508 |
| 3.541 | T12.23 | 3.541 |
| 3.428 | T11.23 | 3.402 |
| 3.387 | T10.23 | 3.375 |
| 3.370 | T09.23 | 3.355 |
| 3.295 | T08.23 | 3.323 |
| 3.275 | T07.23 | 3.301 |
| 3.294 | T06.23 | 3.316 |
| 3.262 | T05.23 | 3.305 |
| 3.246 | T04.23 | 3.282 |
| 3.258 | T03.23 | 3.267 |
| 3.231 | T02.23 | 3.223 |

■ Tổng vốn huy động ■ Tổng dự nợ tín dụng

Tốc độ tăng tổng vốn huy động so với cùng kỳ (theo tháng, %)



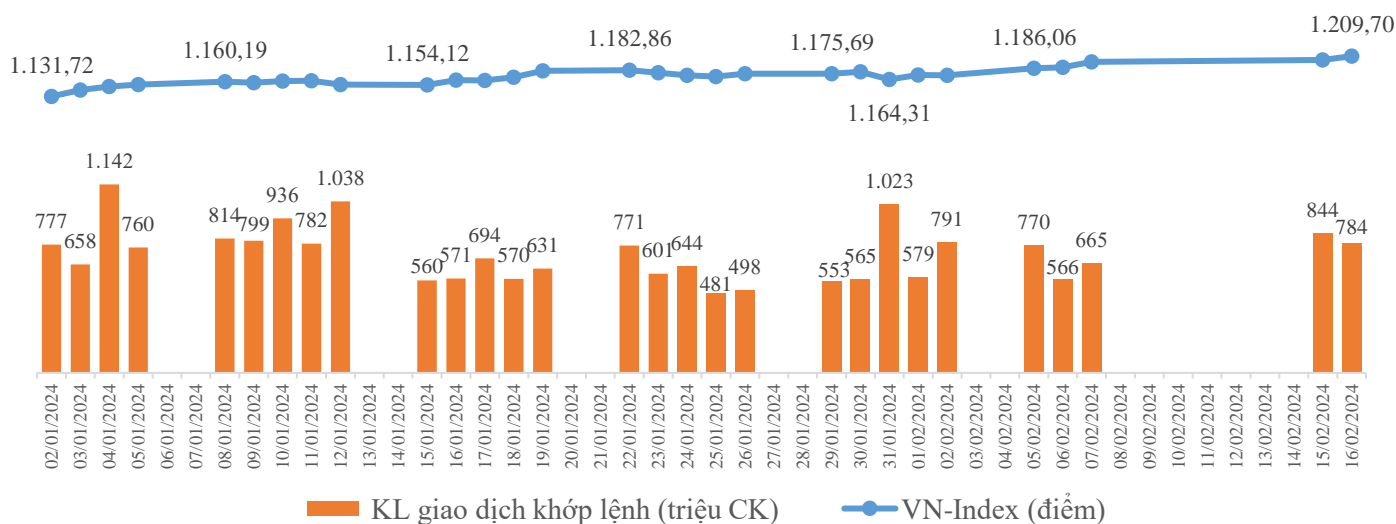
Tốc độ tăng dự nợ tín dụng so với cùng kỳ (theo tháng, %)



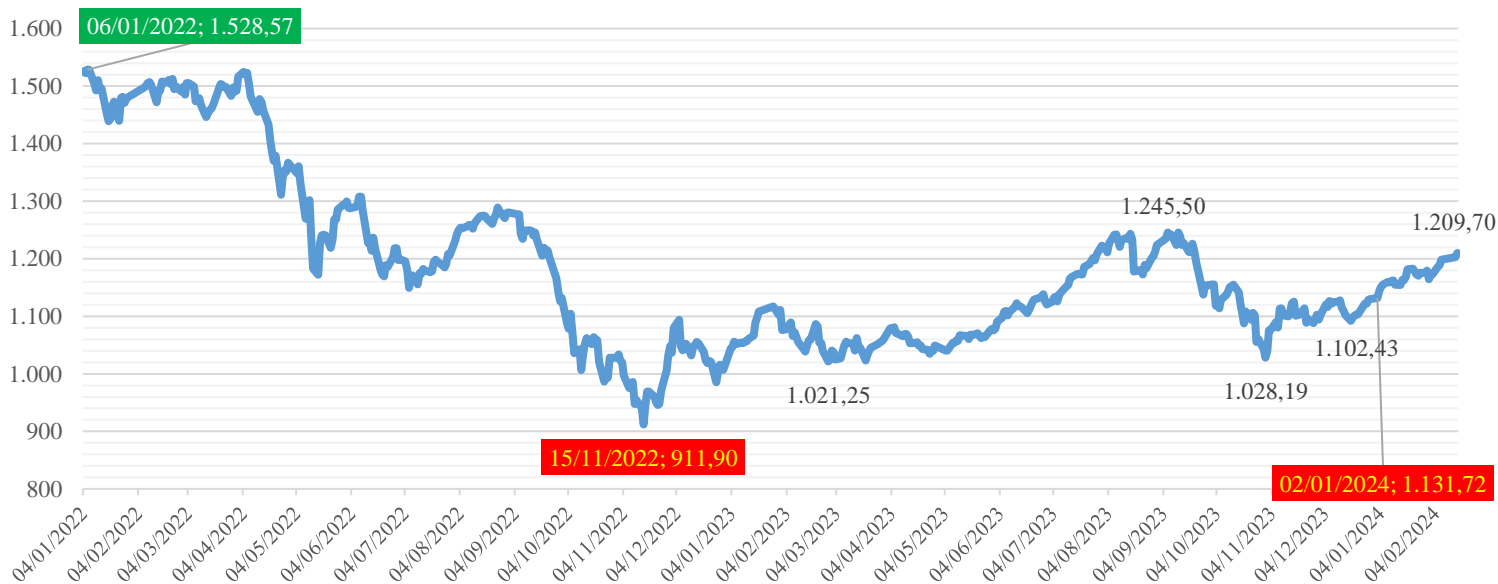
Trong tháng 01 năm 2024, tổng khối lượng giao dịch trên sàn Hose tăng 10,3% về khối lượng và tăng 8,3% về giá trị so với tháng trước.

Trong tháng 01 năm 2024, chỉ số VN-Index có 22 phiên giao dịch thì 14 phiên tăng điểm và 08 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch đầu năm 2024, VN-Index đạt 1.131,72 điểm, tăng 0,16% so với ngày 29/12/2023, những ngày tiếp theo thị trường có diễn biến khởi sắc khi VN-Index liên tục tăng và đạt 1.182,86 điểm vào ngày 22/01/2024, các phiên giao dịch tiếp theo có xu hướng giảm nhẹ và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng khi VN-Index đạt 1.164,31 điểm, tăng 2,9% so với phiên đầu tháng; giá trị vốn hóa thị trường tương đương 2,9 lần quy mô GRDP Thành phố năm 2023.

**Khối lượng giao dịch khớp lệnh và Chỉ số VN-Index trên sàn Hose
(Tháng 01/2024 và có đến 16/02/2024)**



Chỉ số VN-Index năm 2023 và có đến ngày 16/02/2024

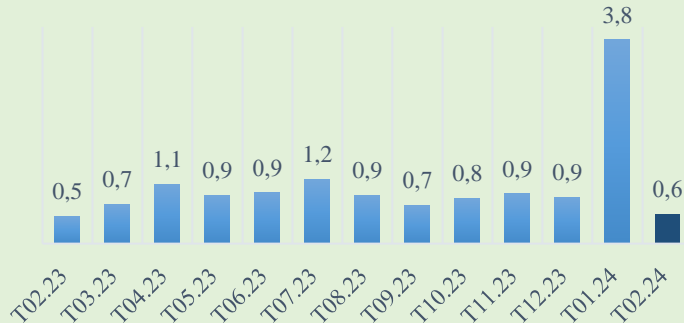


Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/02/2024, Thành phố cấp phép 6.283 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 56.851 tỷ đồng, tăng 18,2% về giấy phép và tăng 44,4% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, doanh nghiệp cấp phép ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có 16 doanh nghiệp, giảm 11,1% về cấp phép và giảm 33,2% về vốn so với cùng kỳ; ngành công nghiệp, xây dựng có 1.117 doanh nghiệp tăng 13,6% về cấp phép và tăng 8,8% về vốn; ngành thương mại, dịch vụ có 5.150 doanh nghiệp tăng 19,4% về cấp phép và tăng 54,9% về vốn.

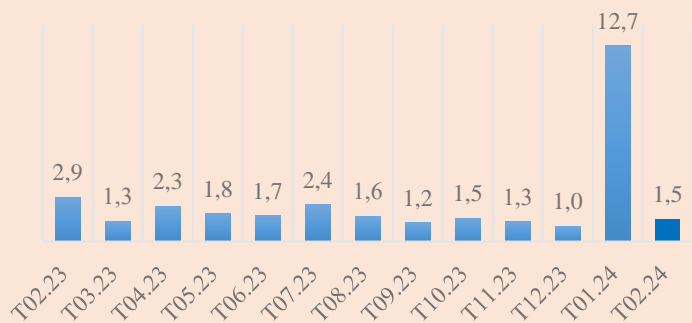
Số DN thành lập mới
(theo tháng, nghìn DN)



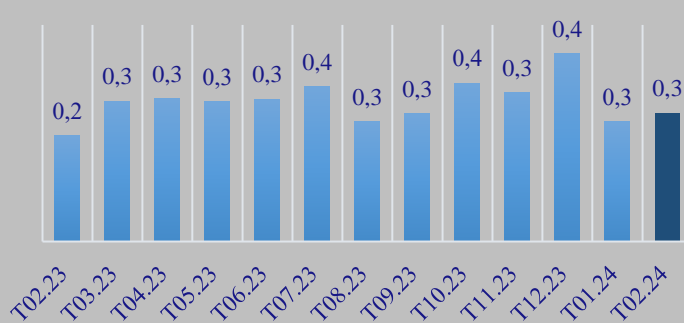
Số DN quay lại hoạt động
(theo tháng, nghìn DN)



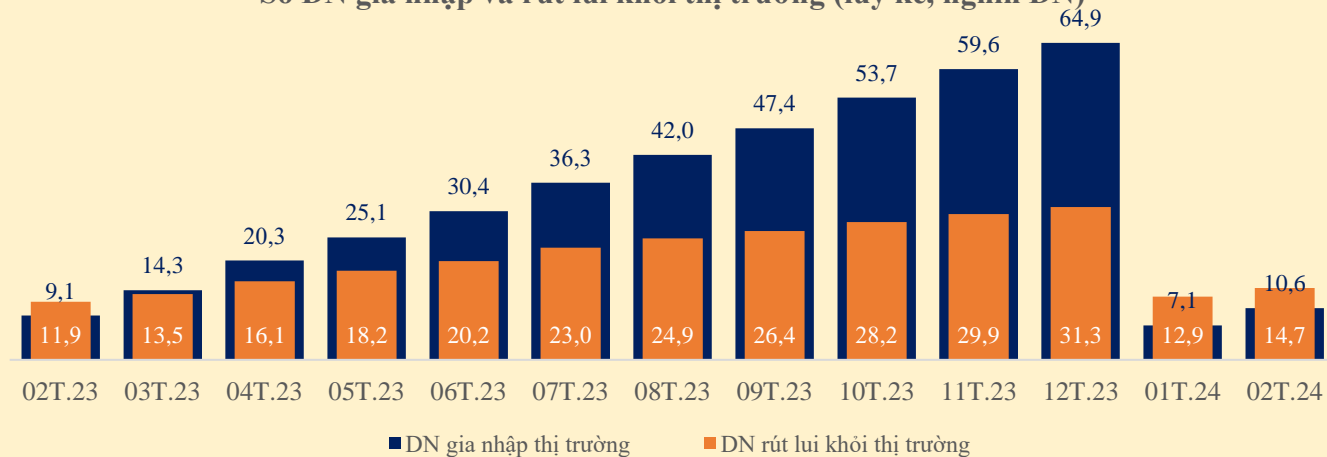
Số DN tạm ngưng có thời hạn
(theo tháng, nghìn DN)



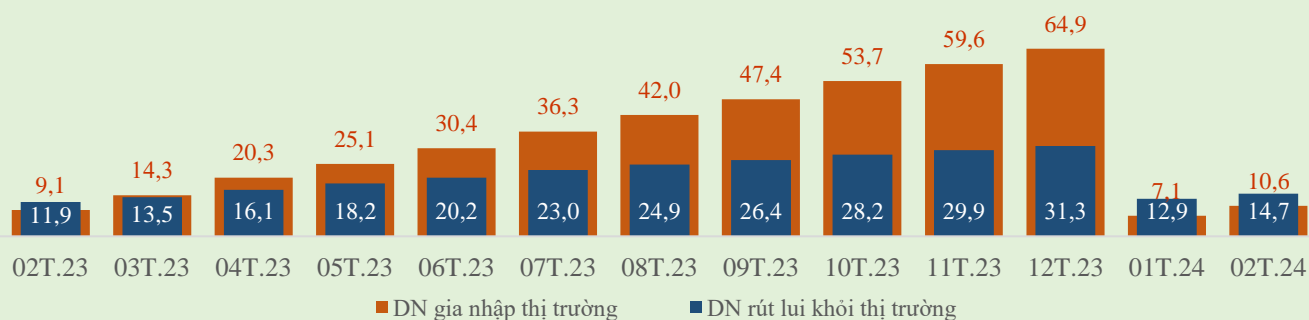
Số DN chờ giải thể/giải thể
(theo tháng, nghìn DN)



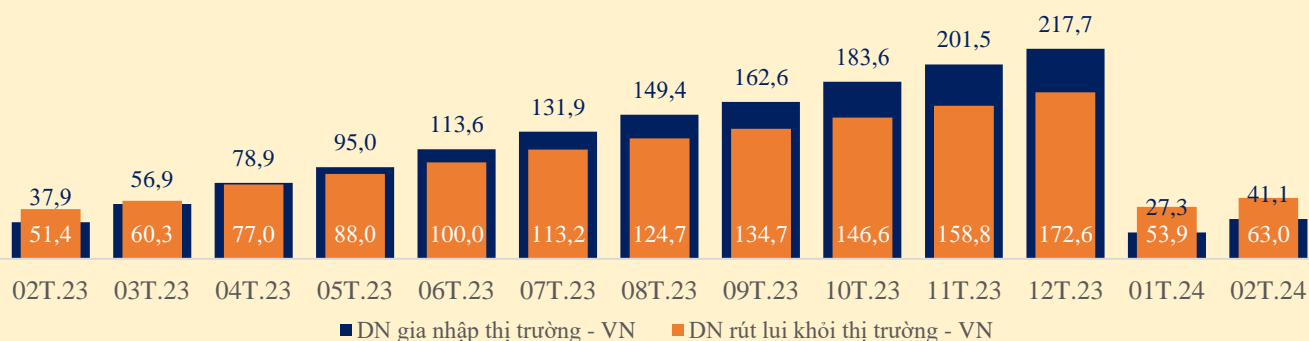
Số DN gia nhập và rút lui khỏi thị trường (lũy kế, nghìn DN)



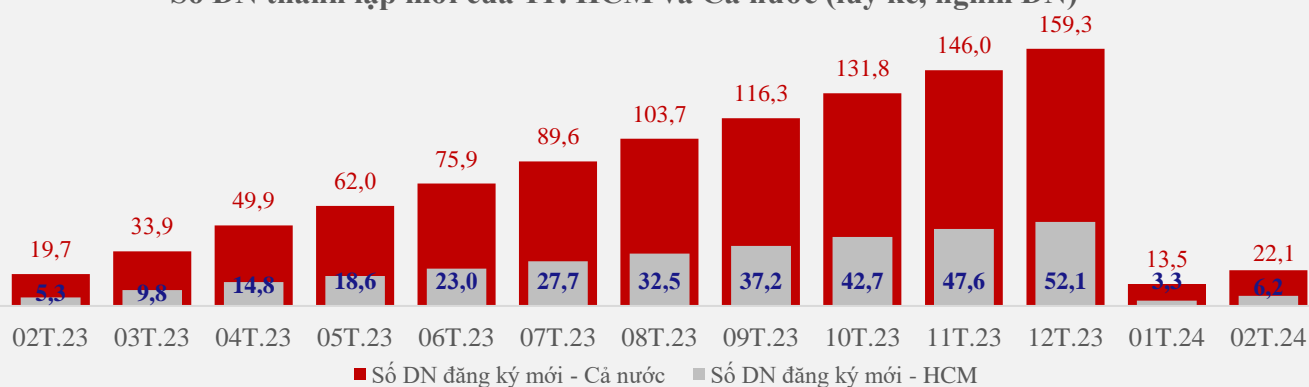
Số DN gia nhập và rút lui khỏi thị trường TP. HCM (lũy kế, nghìn DN)



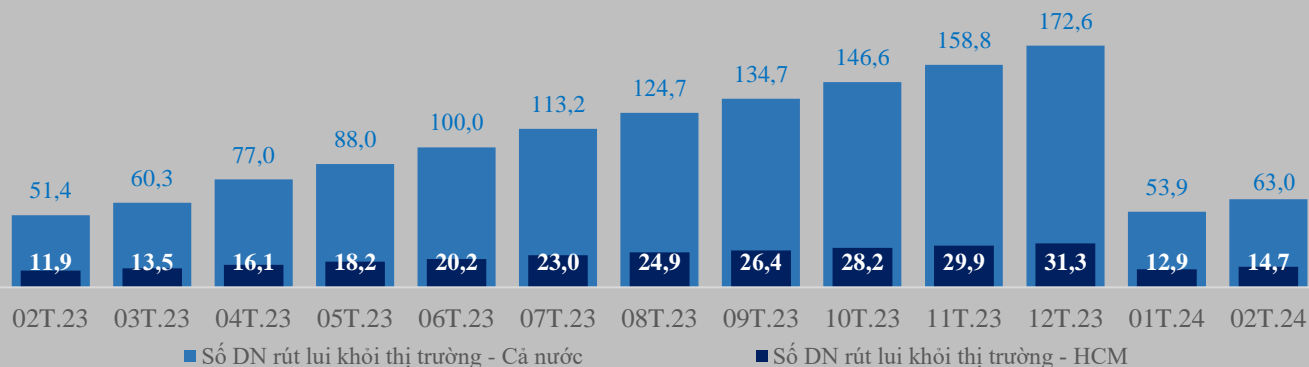
Số DN gia nhập và rút lui khỏi thị trường Cả nước (lũy kế, nghìn DN)



Số DN thành lập mới của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn DN)

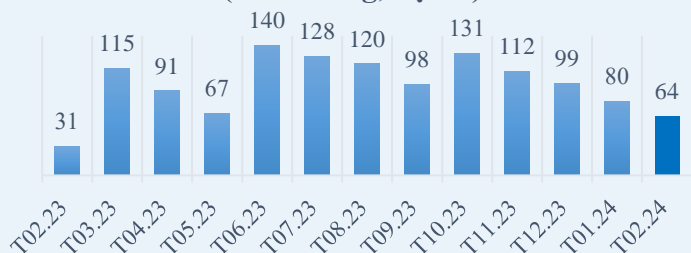


Số DN rút lui khỏi thị trường của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn DN)

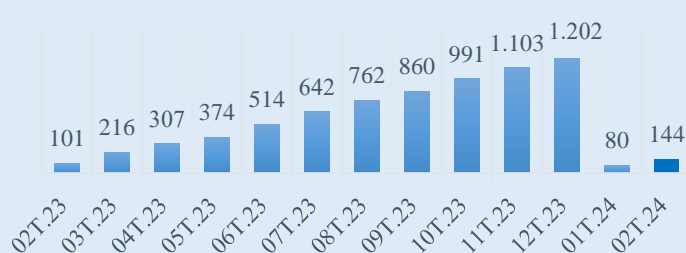


Trong 02 tháng đầu năm 2024, Thành phố đã cấp mới 144 dự án FDI, tăng 42,6% và vốn đăng ký mới đạt 34,0 triệu USD, bằng 34,8% so với cùng kỳ. Ngoài ra, có 30 dự án điều chỉnh vốn đăng ký với vốn điều chỉnh đạt 42,3 triệu USD, giảm 11,1% so với cùng kỳ; có 261 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện góp vốn/mua cổ phần/mua lại phần góp vốn với 119,2 triệu USD, bằng 63,7% so với cùng kỳ.

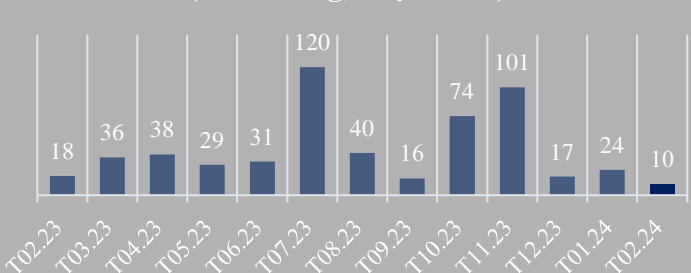
Số dự án FDI cấp mới
(theo tháng, dự án)



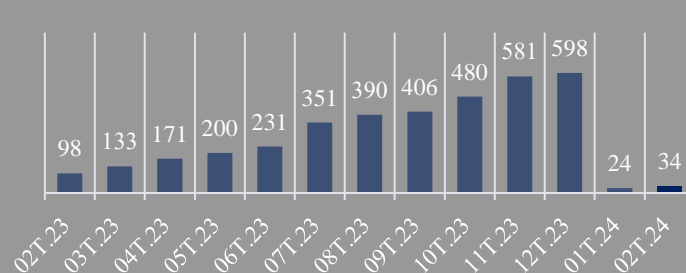
Số dự án FDI cấp mới
(lũy kế, dự án)



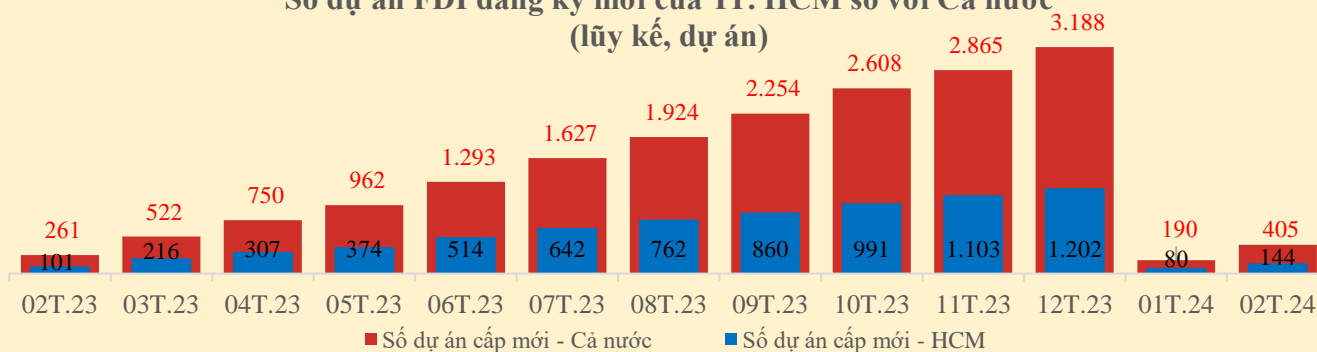
Vốn FDI đăng ký mới
(theo tháng, triệu USD)



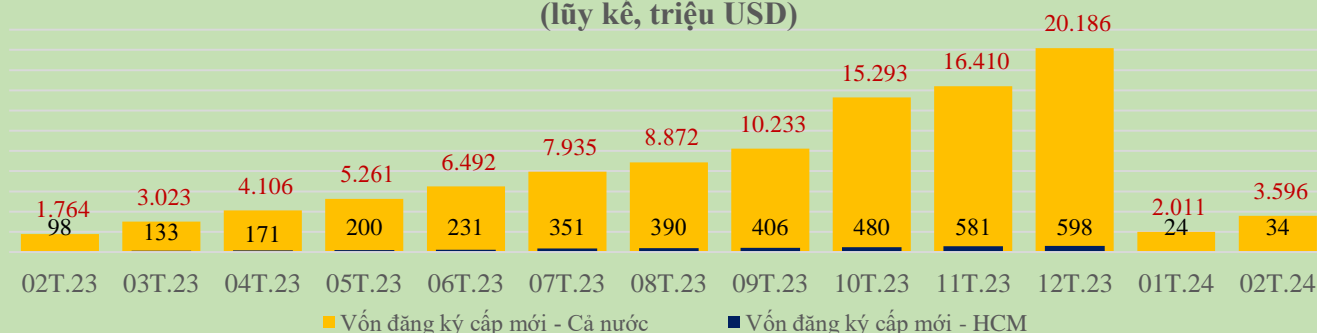
Vốn FDI đăng ký mới
(lũy kế, triệu USD)



Số dự án FDI đăng ký mới của TP. HCM so với Cả nước
(lũy kế, dự án)



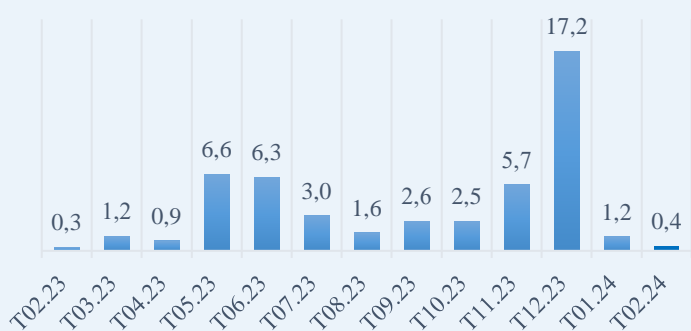
Vốn FDI đăng ký mới của TP. HCM so với Cả nước
(lũy kế, triệu USD)



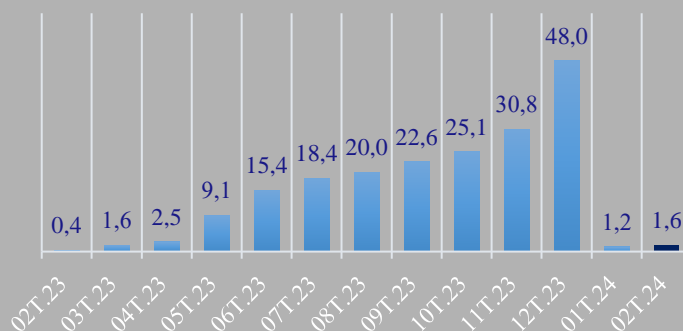
Vốn đầu tư công năm 2024 Thành phố được giao là 79.376,2 tỷ đồng. Tính đến ngày 01/3/2024, Thành phố đã giải ngân là 1.641,3 tỷ đồng theo Kế hoạch vốn của năm 2024, đạt 2,1% so với Kế hoạch Thủ tướng giao và gấp 4,4 lần so với cùng kỳ.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm: Dự án đường sắt Bến Thành – Suối Tiên đã hoàn thành 97% khối lượng và chạy thử nghiệm liên tục 17 đoàn tàu; Dự án đường sắt Bến Thành - Tham Lương đã bàn giao mặt bằng đạt 87%; Dự án Thành phần 2 (Vành đai 3 Thành phố) bồi thường mặt bằng đạt 97%; Dự án Thành phần 1 (Vành đai 3 Thành phố) đã triển khai 10 gói thầu xây lắp và 04 gói thầu đã được khởi công.

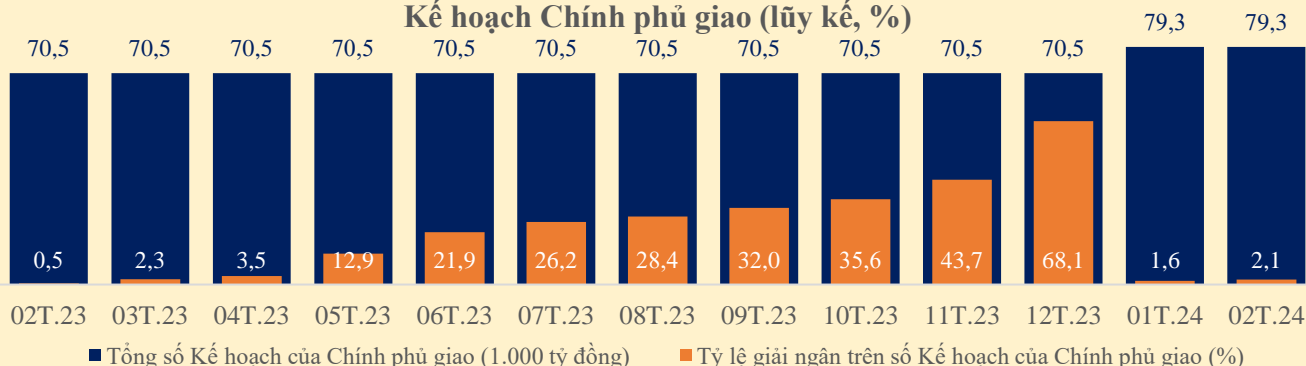
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



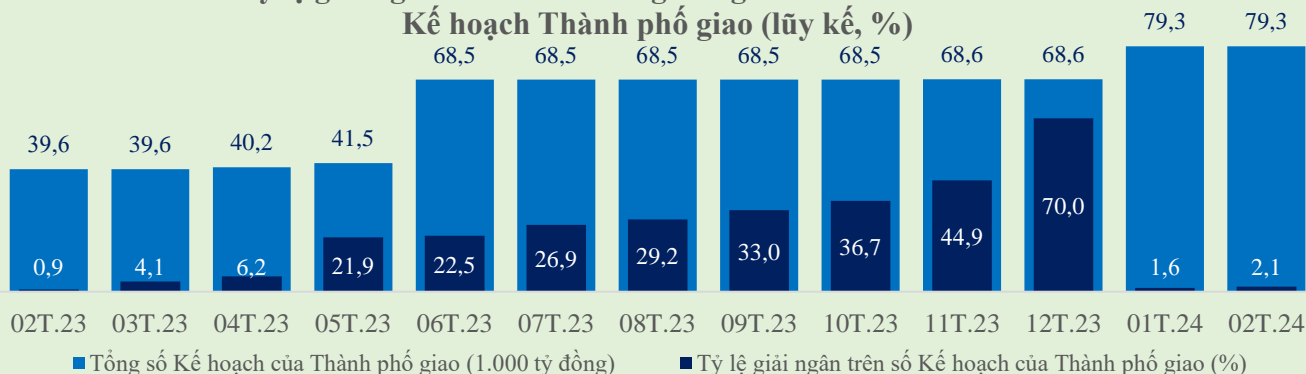
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước so với Kế hoạch Chính phủ giao (lũy kế, %)



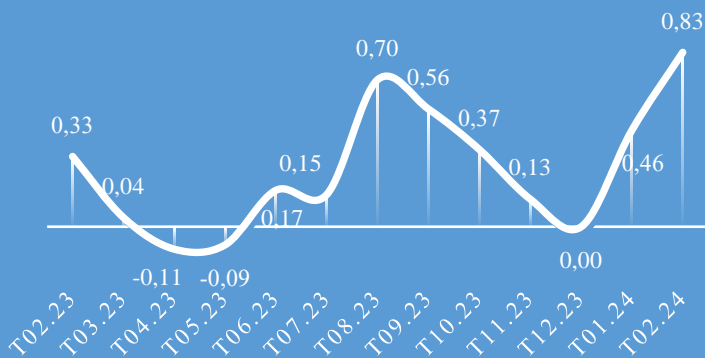
Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước so với Kế hoạch Thành phố giao (lũy kế, %)



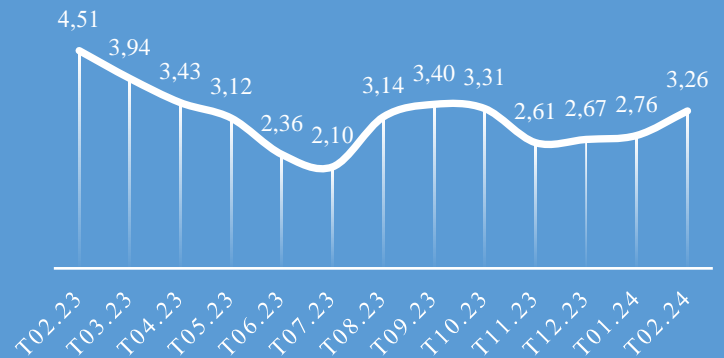
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02 năm 2024 tăng 0,83% so với tháng trước (*đây là mức tăng cao nhất kể từ tháng 6/2022 đến nay*). Trong đó, 02/11 nhóm hàng hóa giảm so với tháng trước gồm bưu chính viễn thông giảm 0,83% và giáo dục giảm 0,02%; 09/11 nhóm còn lại đều tăng, tăng cao nhất là nhóm giao thông tăng 3,26%. Riêng giá vàng, đô la Mỹ tăng lần lượt 1,84%, 0,43% so với tháng trước.

Bình quân 02 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,01% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm bưu chính viễn thông giảm 3,81%, các nhóm còn lại tăng và tăng cao nhất là nhóm thuốc và dịch vụ y tế với mức tăng 7,75%. Riêng giá vàng, đô la Mỹ tăng lần lượt 14,38%, 3,8% so với cùng kỳ.

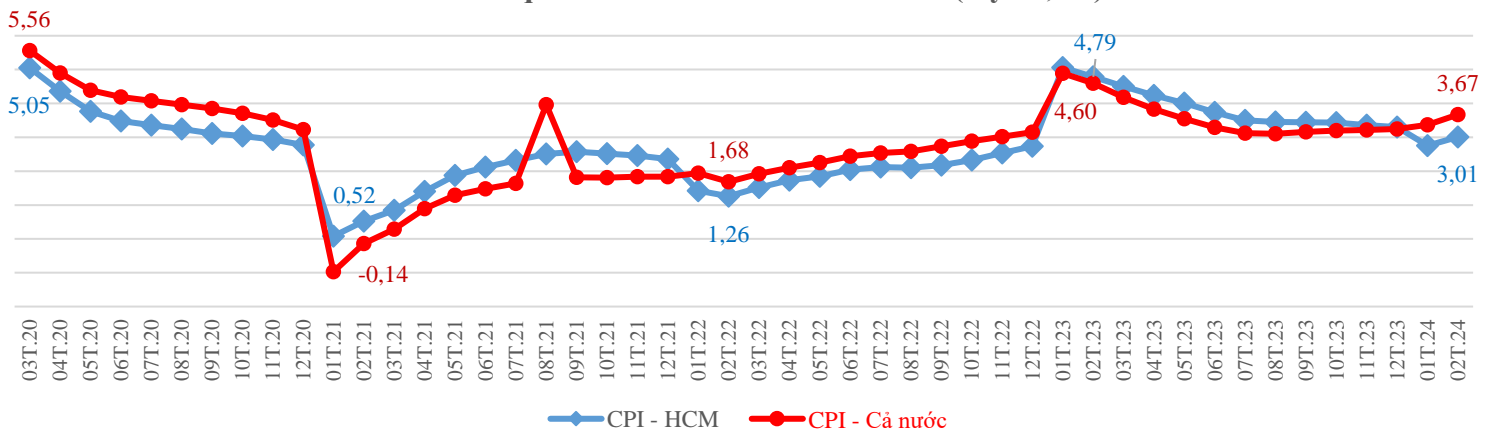
CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



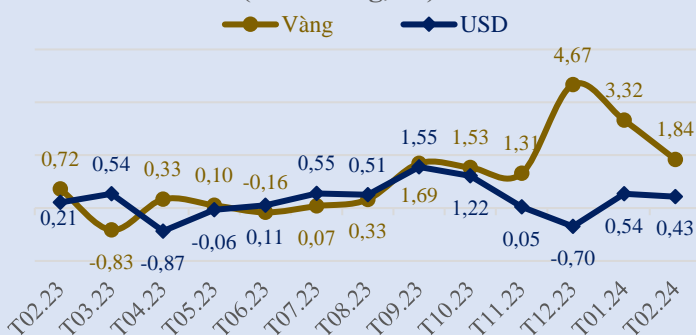
CPI so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



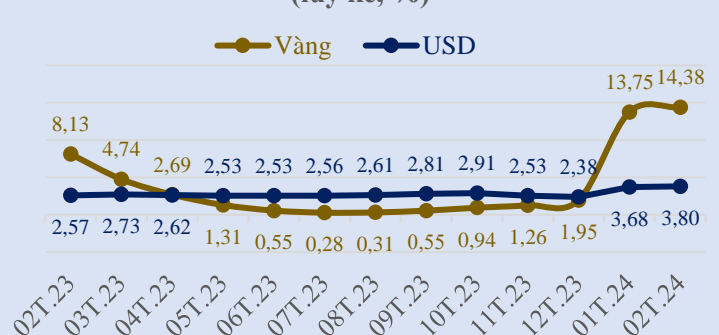
CPI bình quân của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, %)



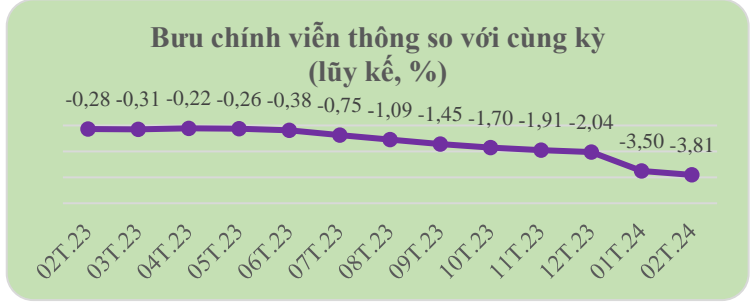
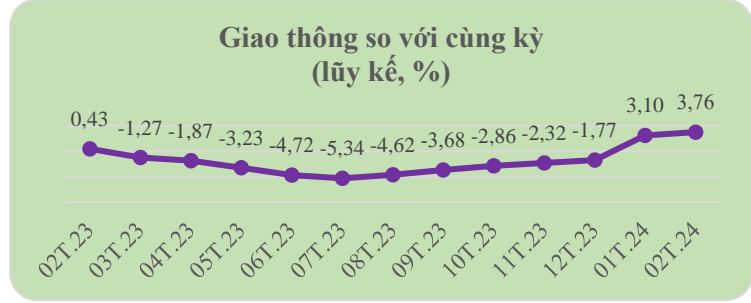
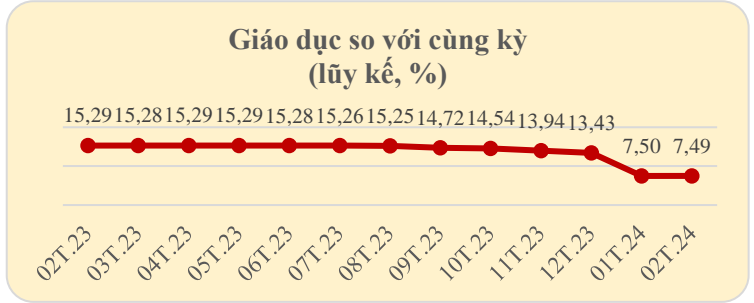
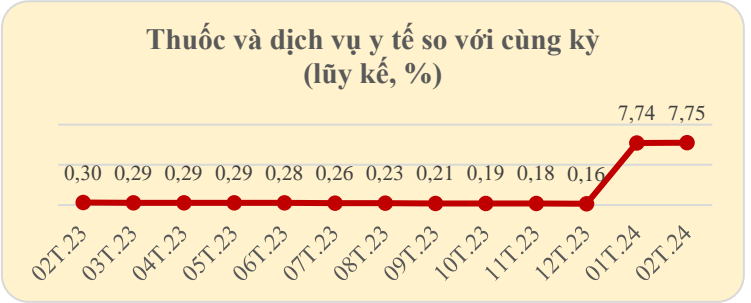
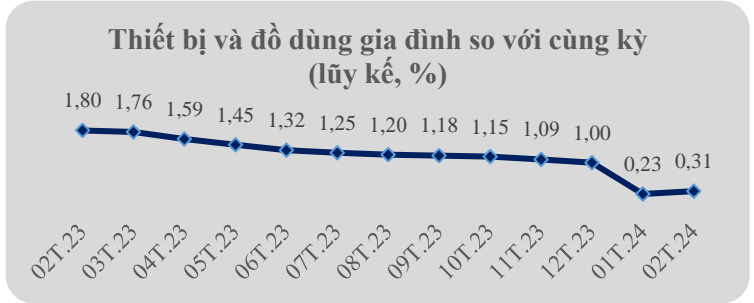
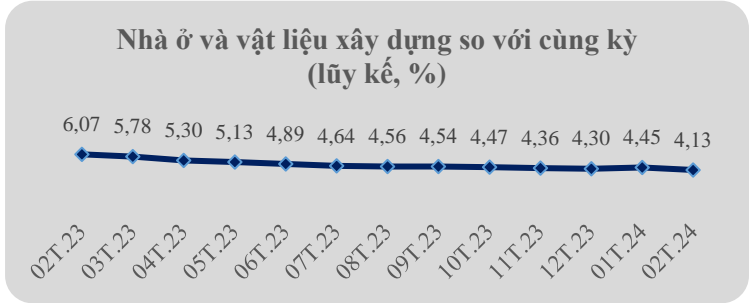
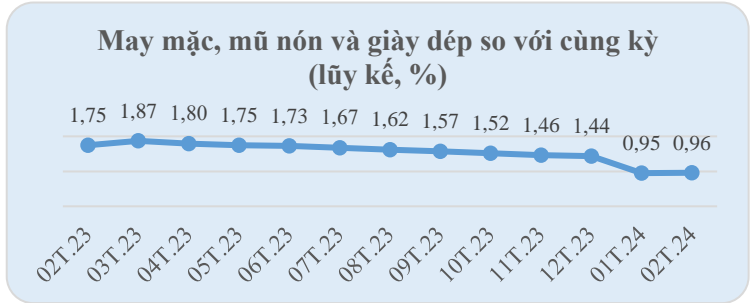
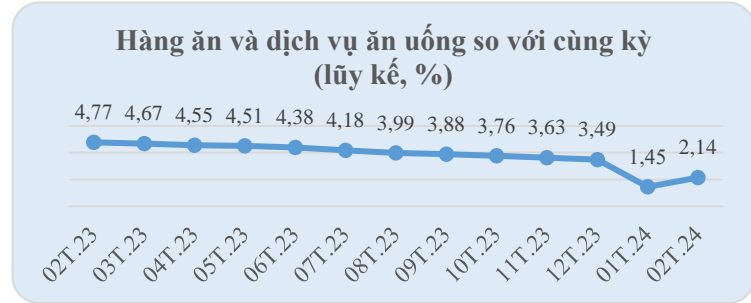
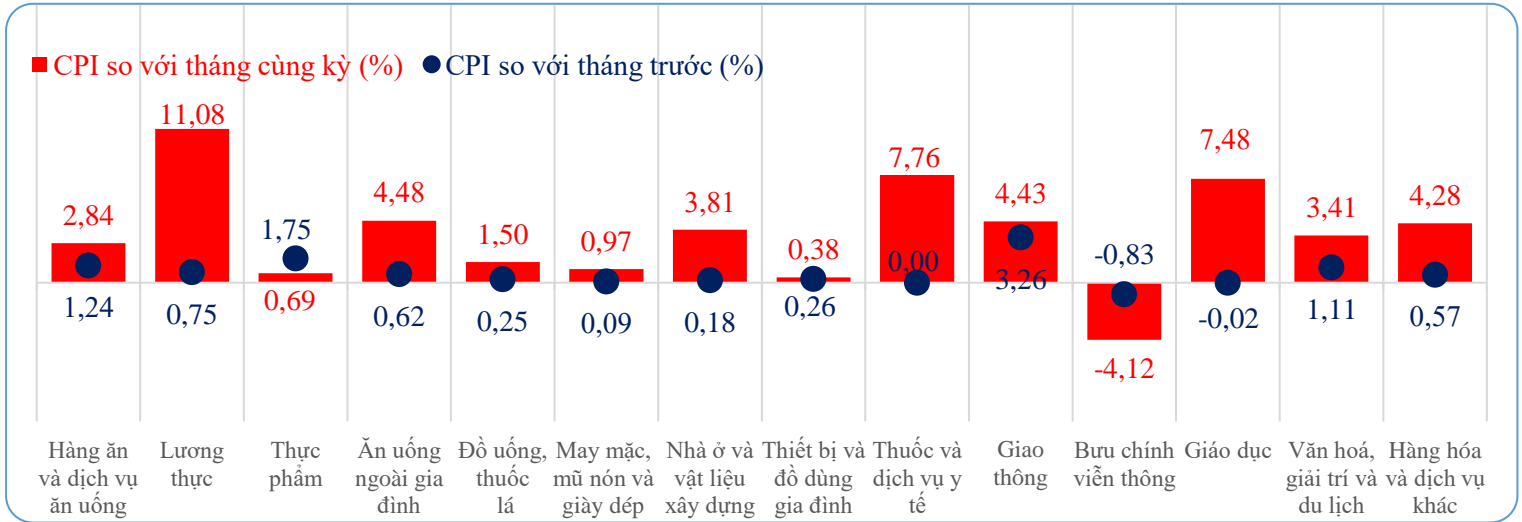
Giá vàng & USD so với tháng trước (theo tháng, %)



Giá vàng & USD lũy kế so với cùng kỳ (lũy kế, %)

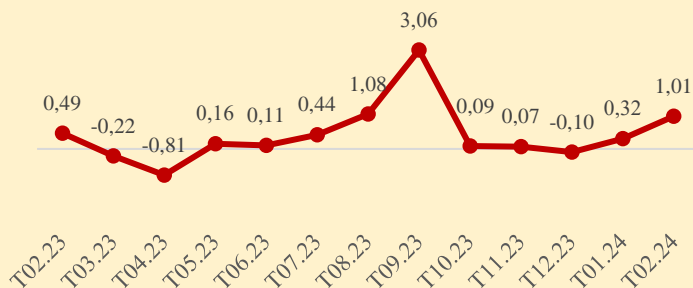
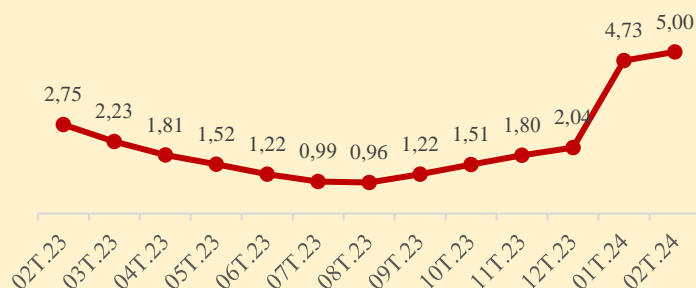
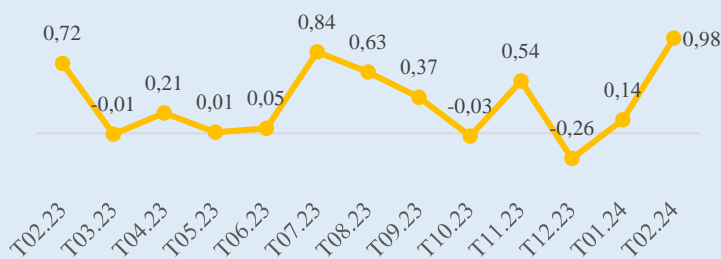
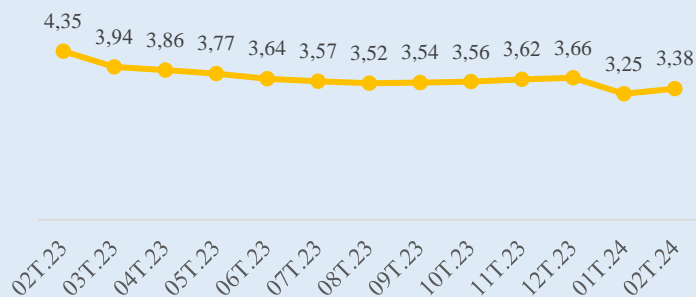
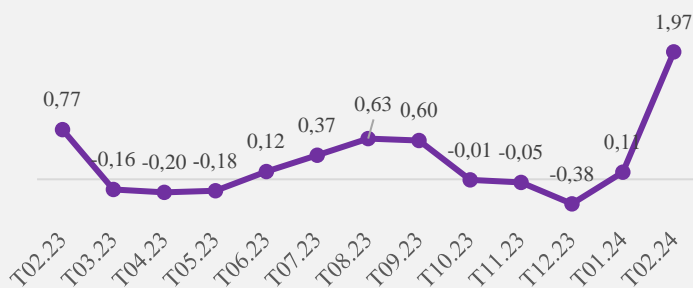
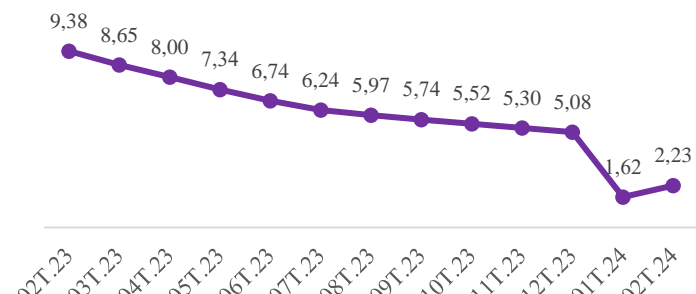
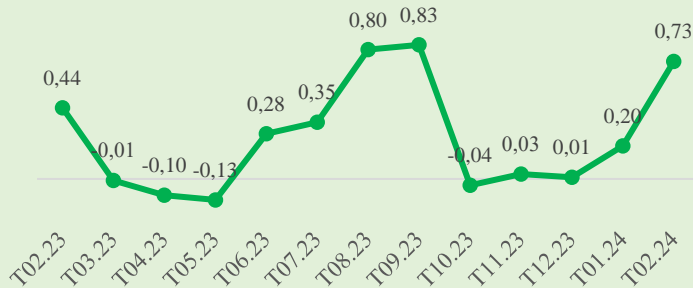
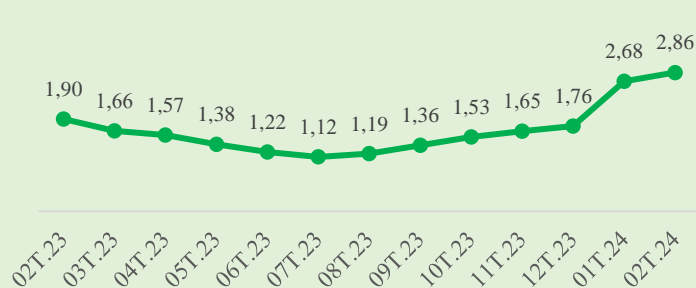


Chỉ số giá tiêu dùng CPI - theo các nhóm hàng



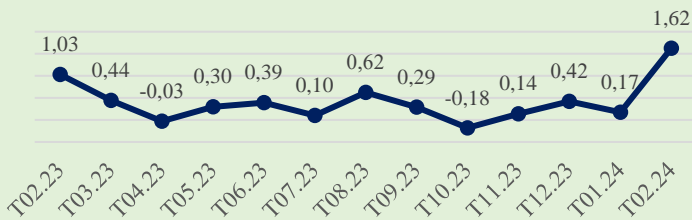
Nguồn: Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh

Chỉ số giá tiêu dùng CPI của các Thành phố trực thuộc Trung ương

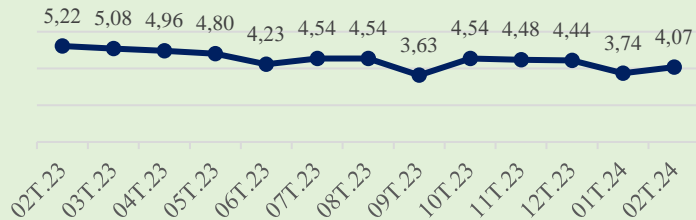
Hà Nội: CPI so với tháng trước
(theo tháng, %)**Hà Nội: CPI lũy kế so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)**Hải Phòng: CPI so với tháng trước**
(theo tháng, %)**Hải Phòng: CPI lũy kế so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)**Đà Nẵng: CPI so với tháng trước**
(theo tháng, %)**Đà Nẵng: CPI lũy kế so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)**Cần Thơ: CPI so với tháng trước**
(theo tháng, %)**Cần Thơ: CPI lũy kế so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ

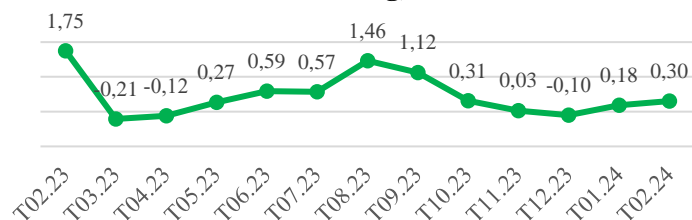
Bình Phước: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



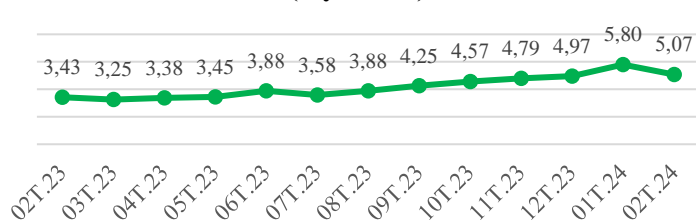
Bình Phước: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)



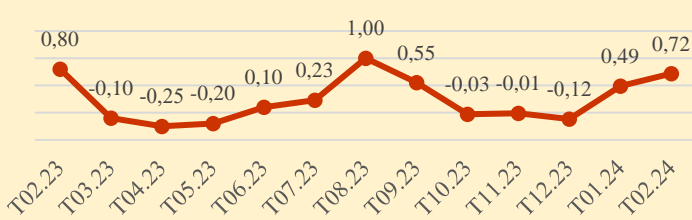
Tây Ninh: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



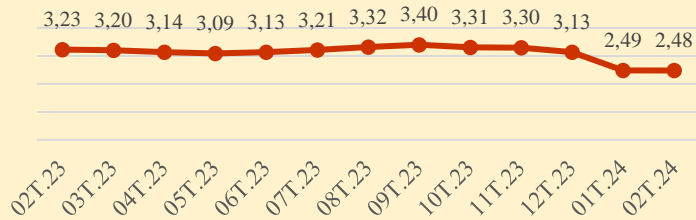
Tây Ninh: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)



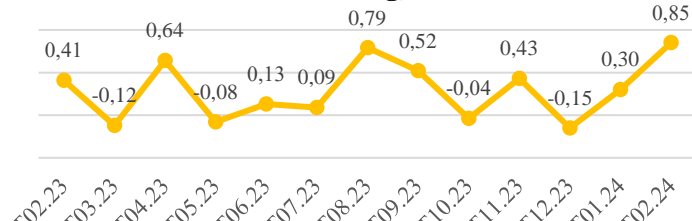
Bình Dương: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



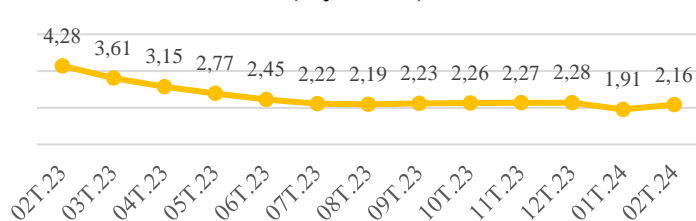
Bình Dương: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)



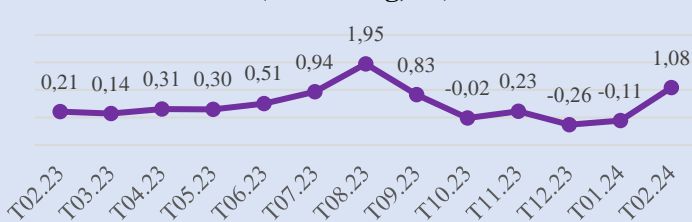
Đồng Nai: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



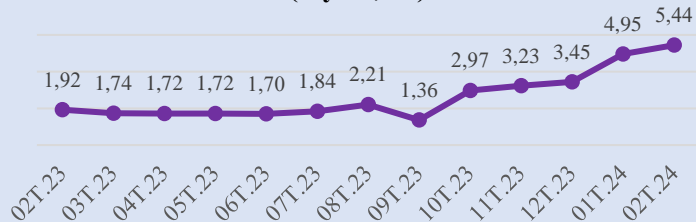
Đồng Nai: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)



Bà Rịa-Vũng Tàu: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



Bà Rịa-Vũng Tàu: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)

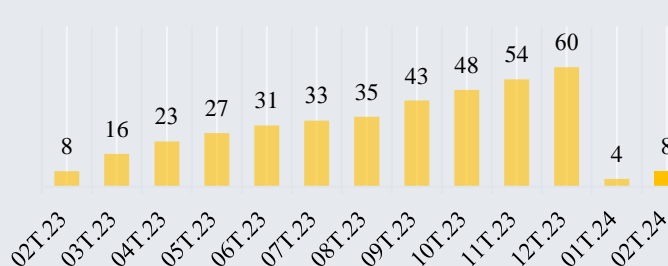


Diện tích gieo trồng lúa vụ Đông xuân tăng 2,6% so với cùng kỳ, tổng đàn chăn nuôi tiếp tục được duy trì và sản phẩm chăn nuôi tạo ra tương đương so với cùng kỳ. Sản lượng thủy sản trong tháng ước giảm 2,6% so với cùng kỳ, trong đó diện tích nuôi tôm sú tương đương so với cùng kỳ và diện tích tôm thẻ chân trắng tăng 15,9%.

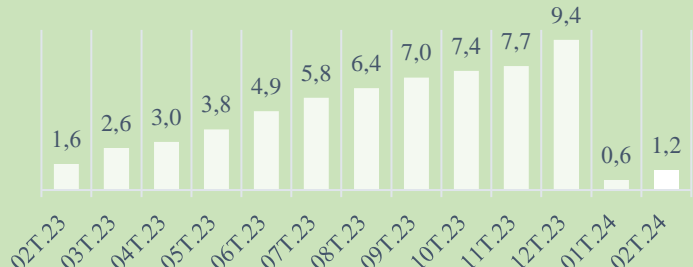
Sản lượng thịt trâu hơi
(lũy kế, nghìn tấn)



Sản lượng thịt lợn hơi
(lũy kế, nghìn tấn)



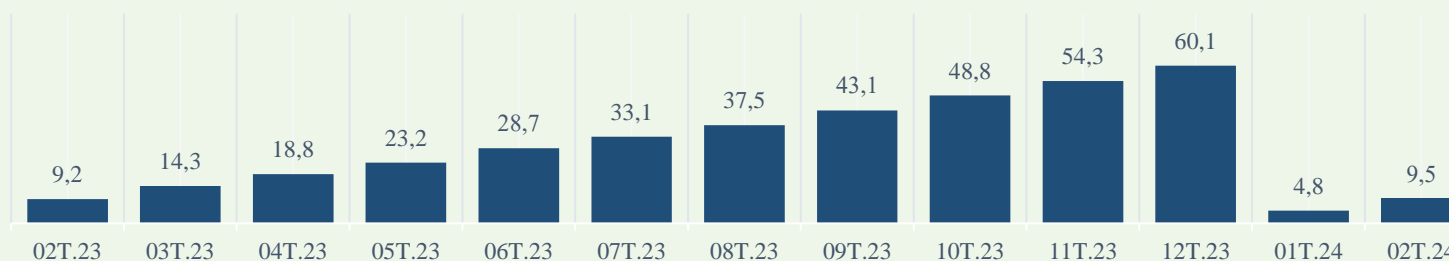
Sản lượng thịt bò hơi
(lũy kế, nghìn tấn)



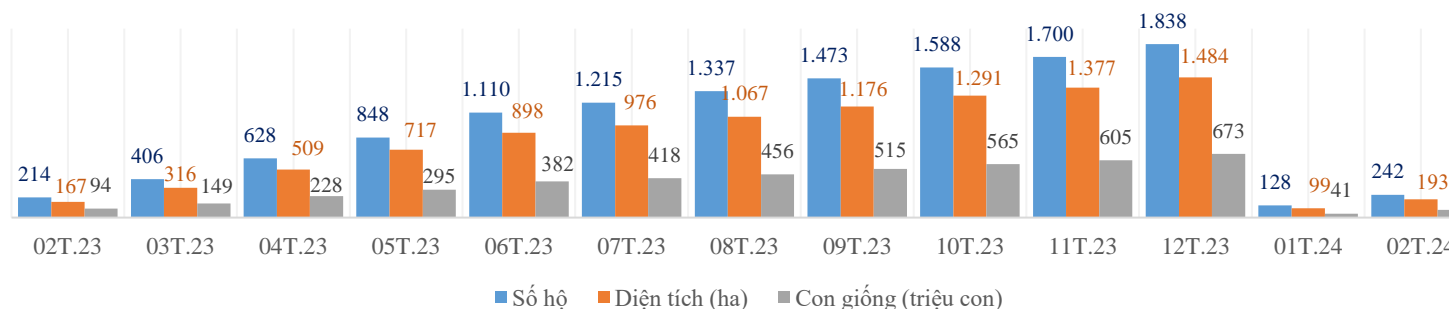
Sản lượng sữa bò tươi
(lũy kế, nghìn tấn)



Tổng sản lượng thủy sản
(lũy kế, nghìn tấn)



Số lượng hộ, diện tích và con giống tôm thẻ chân trắng thả nuôi
(lũy kế)

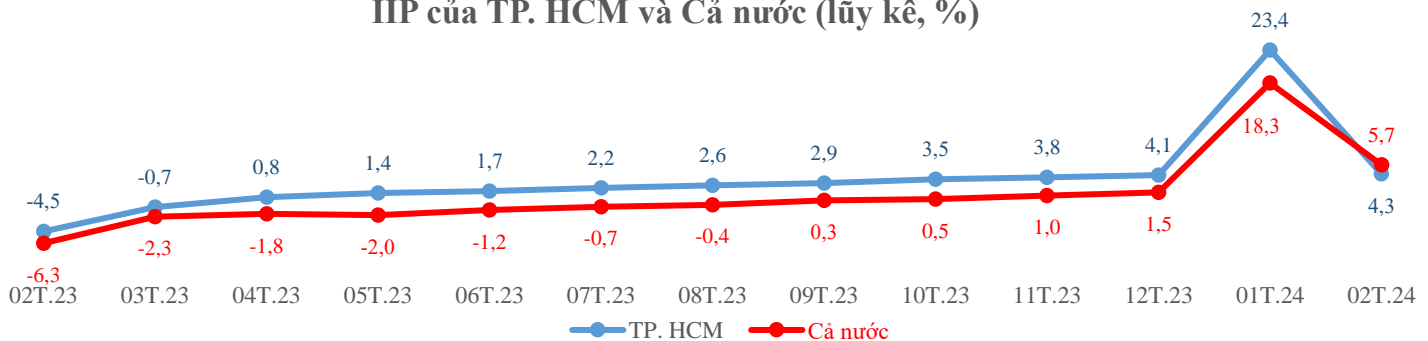


Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02 năm 2024 ước tính giảm 24,3% so với tháng trước. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 24,8%; sản xuất và phân phối điện giảm 14,9%; cung cấp nước và xử lý nước thải giảm 10,4%.

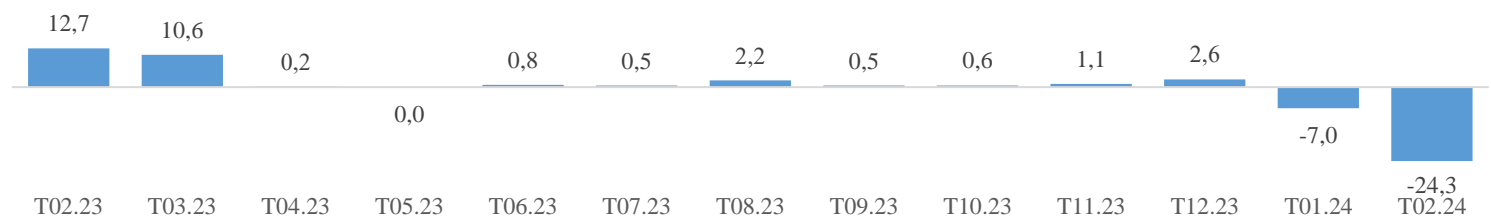
Tính chung 02 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 4,3% so với cùng kỳ. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,1% (riêng 04 ngành công nghiệp trọng điểm tăng 6,3%, 03 ngành công nghiệp truyền thống tăng 1,4%); sản xuất và phân phối điện tăng 14,2%; cung cấp nước và xử lý nước thải tăng 0,5%.

Hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm hơn 90% giá trị toàn ngành công nghiệp) trong 02 tháng đầu năm 2024 vẫn còn nhiều khó khăn khi chỉ số sản xuất chỉ tăng 4,1% so với cùng kỳ, chỉ số tiêu thụ tăng 7,5%, trong khi chỉ số tồn kho tăng 24,6% và lao động giảm 6,0%.

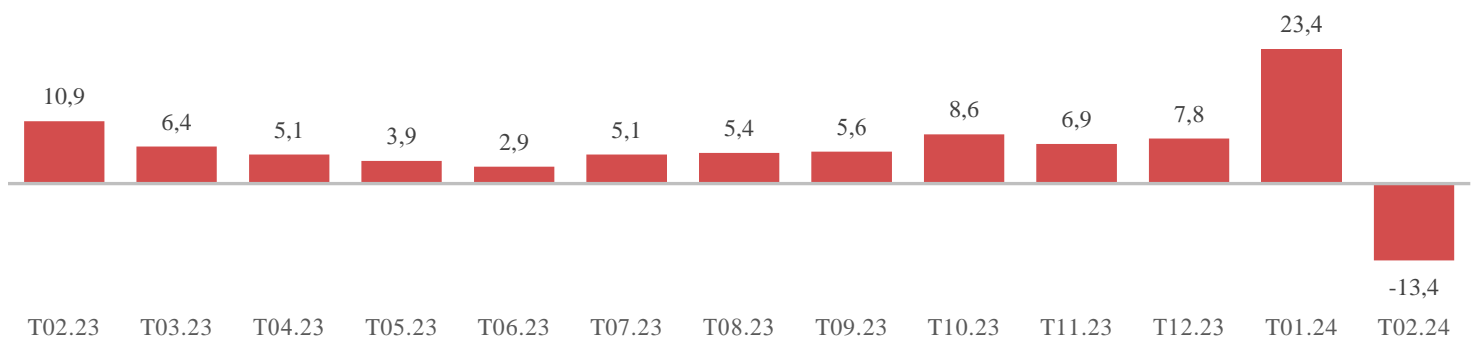
IIP của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, %)



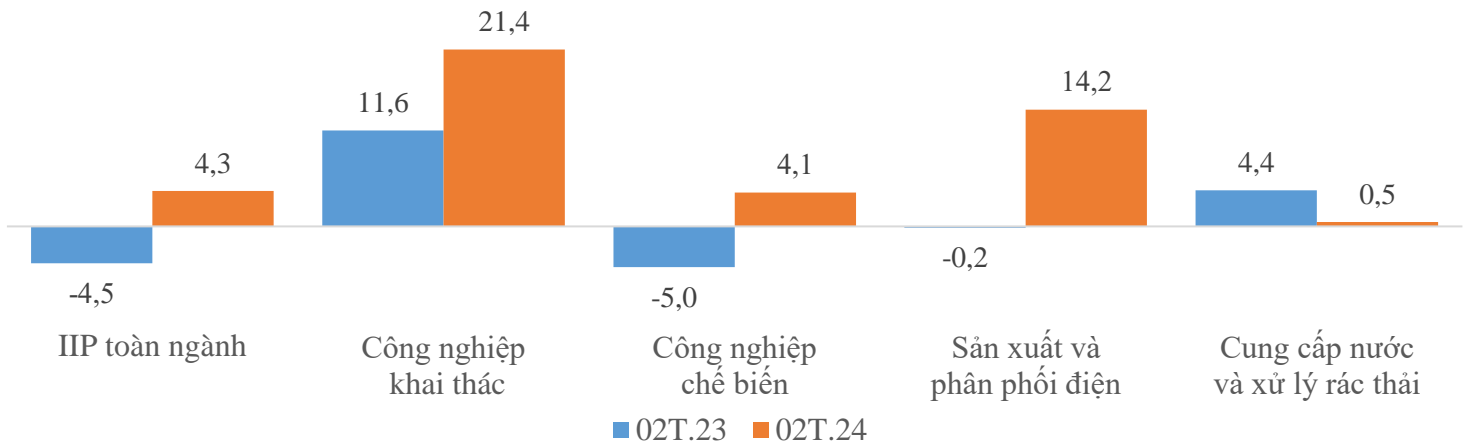
IIP so với tháng trước (theo tháng, %)



IIP so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)

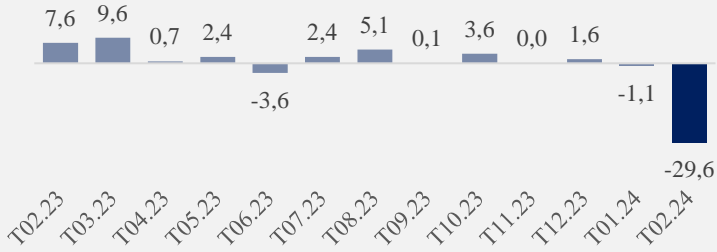


IIP các ngành (% so với cùng kỳ)

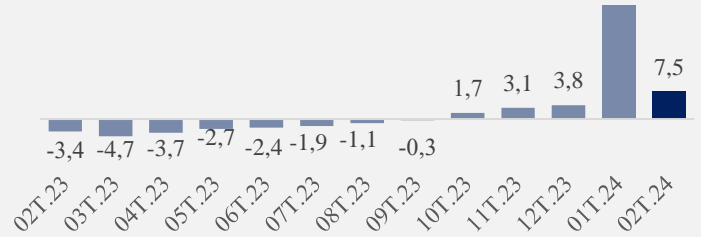


Chỉ số ngành chế biến, chế tạo

Chỉ số tiêu thụ so với tháng trước (theo tháng, %)



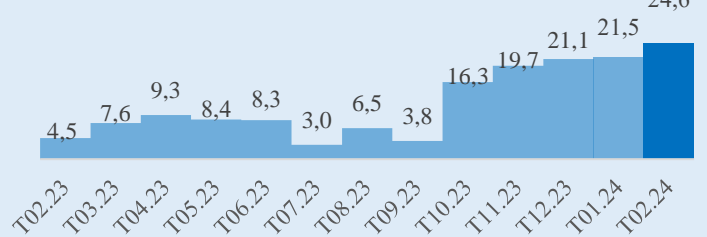
Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ (lũy kế, %)



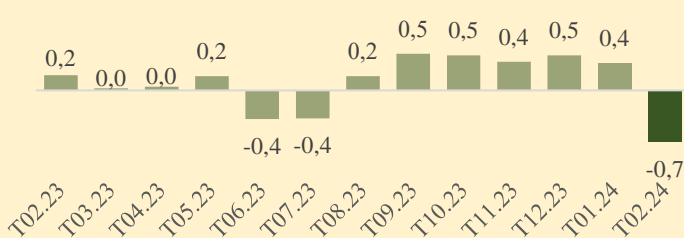
Chỉ số tồn kho so với tháng trước (theo tháng, %)



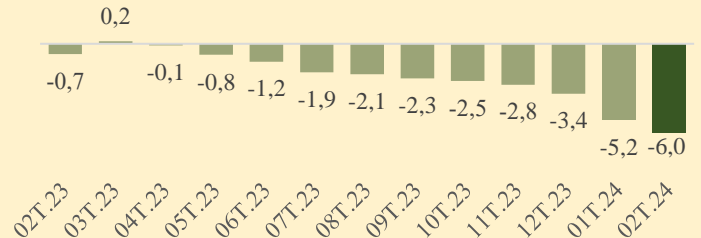
Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ (theo tháng, %)



Chỉ số lao động so với tháng trước (theo tháng, %)

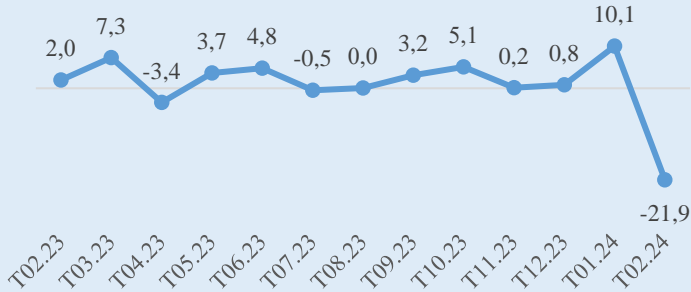


Chỉ số lao động so với cùng kỳ (lũy kế, %)

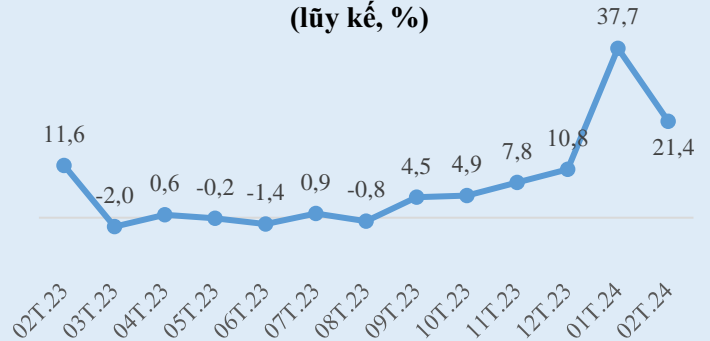


Chỉ số IIP một số ngành công nghiệp chủ yếu

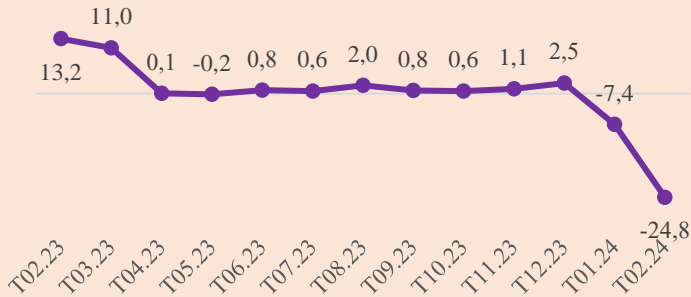
**Ngành khai thác so với tháng trước
(theo tháng, %)**



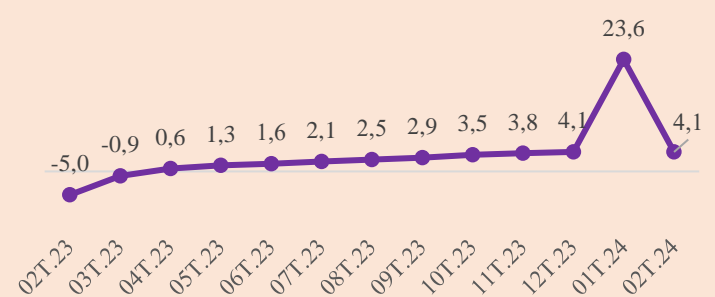
**Ngành khai thác so với cùng kỳ
(lũy kế, %)**



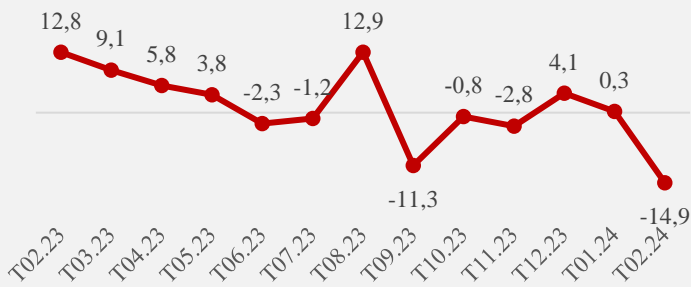
**Chế biến, chế tạo so với tháng trước
(theo tháng, %)**



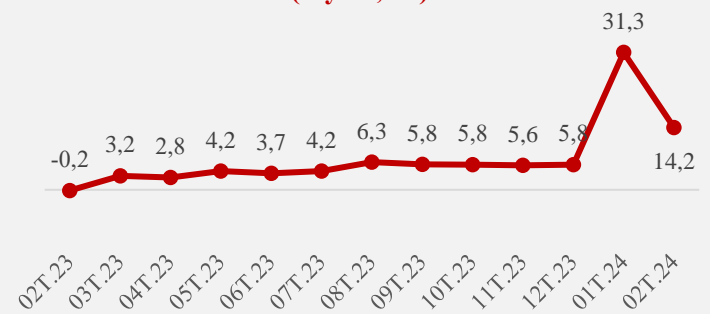
**Chế biến, chế tạo so với cùng kỳ
(lũy kế, %)**



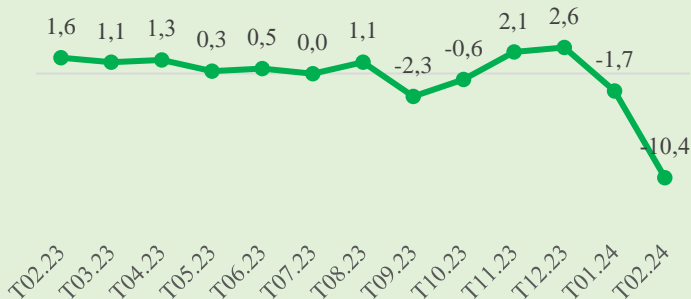
**Điện so với tháng trước
(theo tháng, %)**



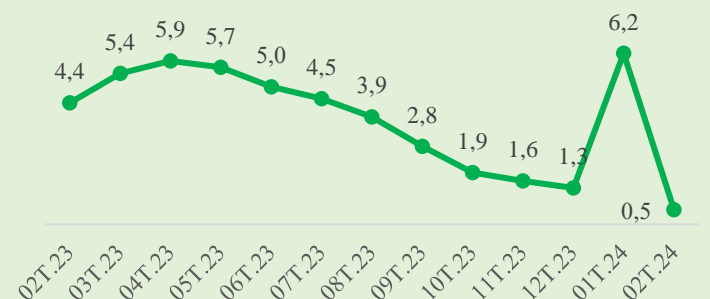
**Điện so với cùng kỳ
(lũy kế, %)**



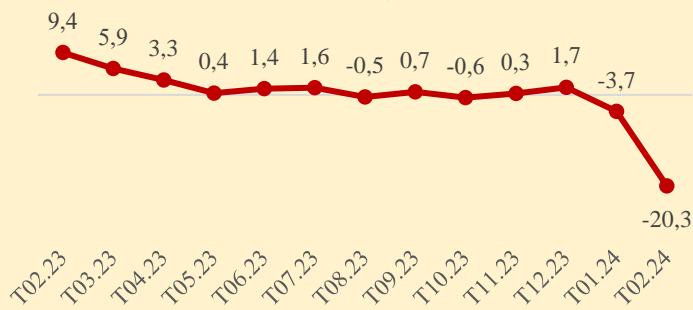
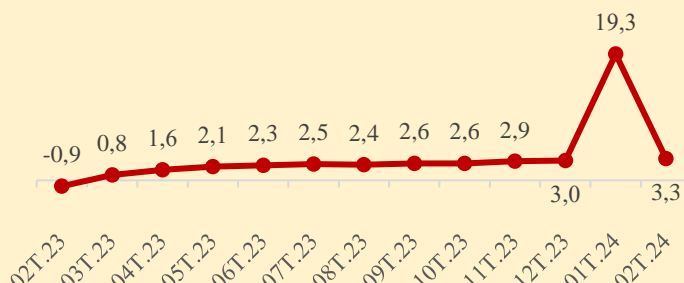
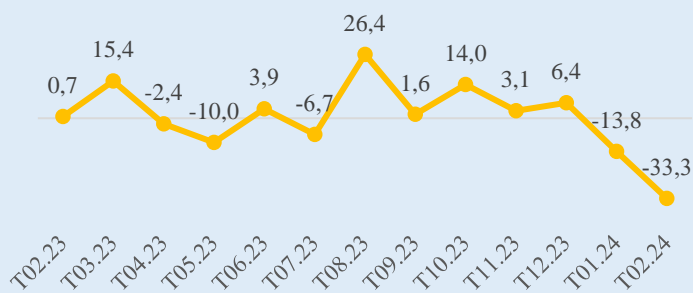
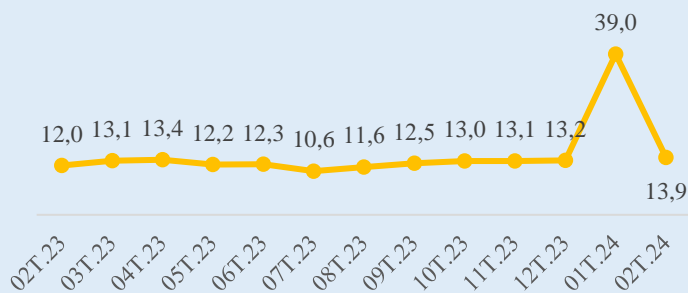
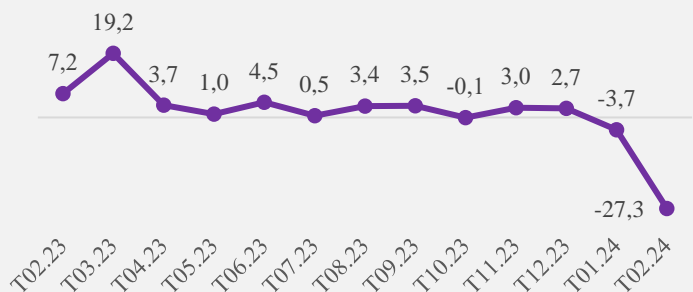
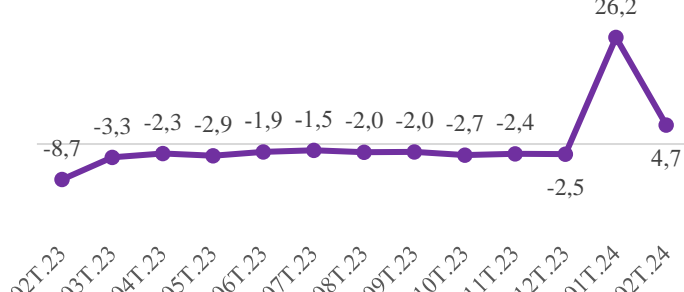
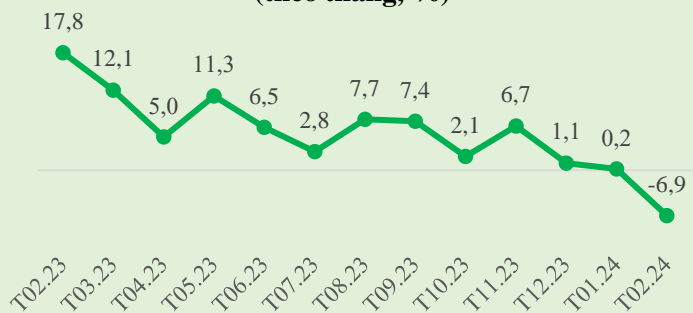
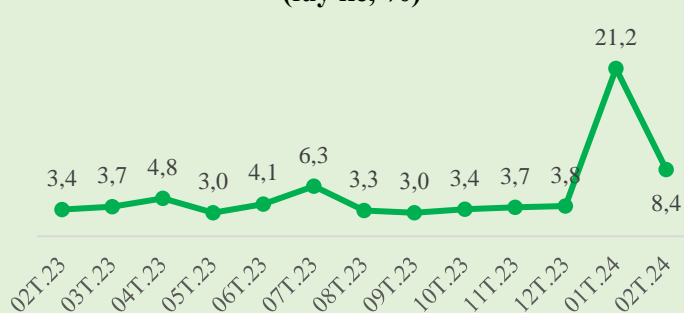
**Nước và rác thải so với tháng trước
(theo tháng, %)**



**Nước và rác thải so với cùng kỳ
(lũy kế, %)**

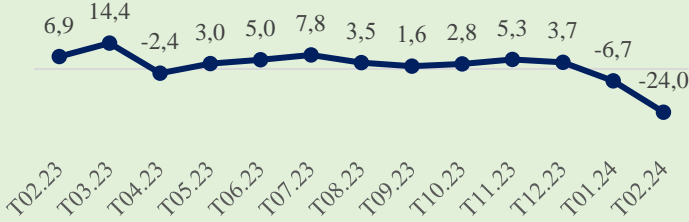


Chỉ số IIP của các Thành phố trực thuộc Trung ương

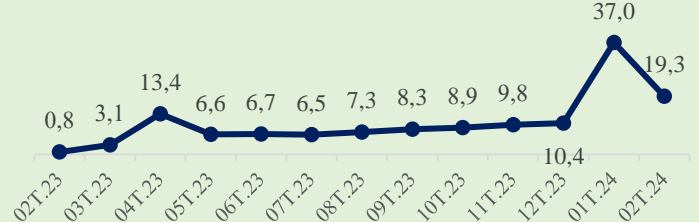
Hà Nội: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)**Hà Nội: IIP so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)**Hải Phòng: IIP so với tháng trước**
(theo tháng, %)**Hải Phòng: IIP so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)**Đà Nẵng: IIP so với tháng trước**
(theo tháng, %)**Đà Nẵng: IIP so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)**Cần Thơ: IIP so với tháng trước**
(theo tháng, %)**Cần Thơ: IIP so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)

Chỉ số IIP của các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ

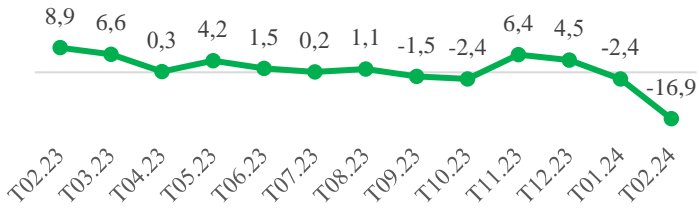
Bình Phước: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



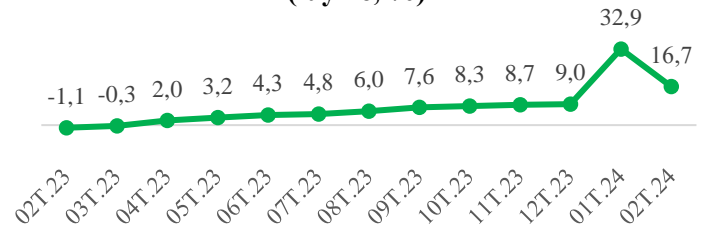
Bình Phước: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



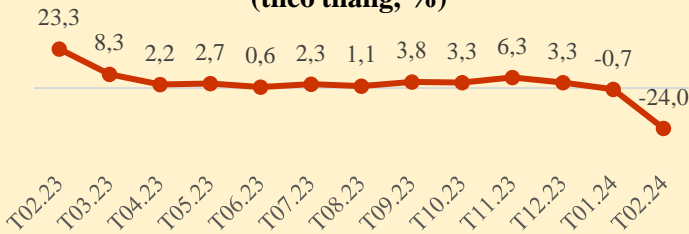
Tây Ninh: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



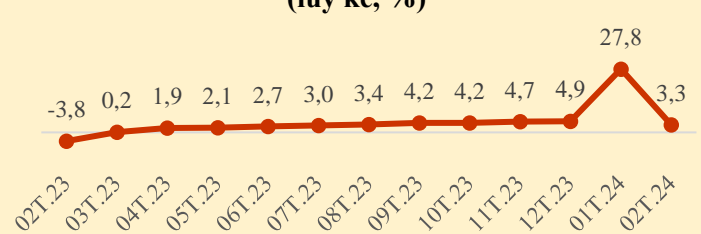
Tây Ninh: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



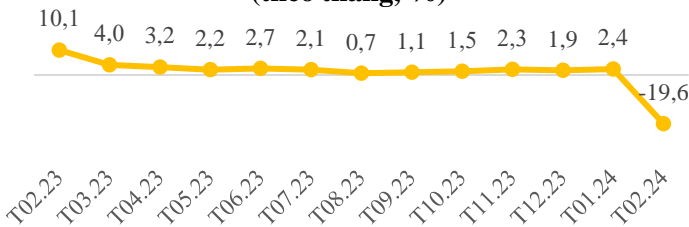
Bình Dương: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



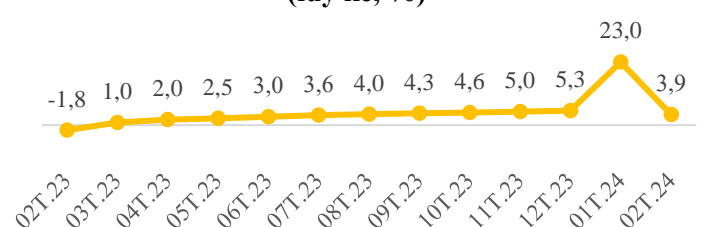
Bình Dương: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



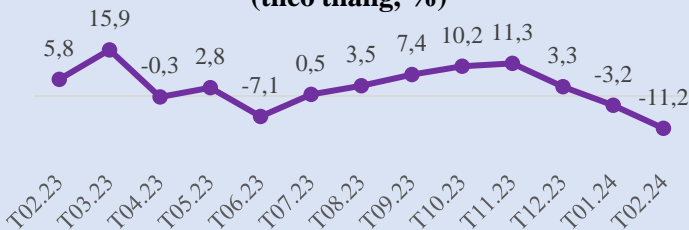
Đồng Nai: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



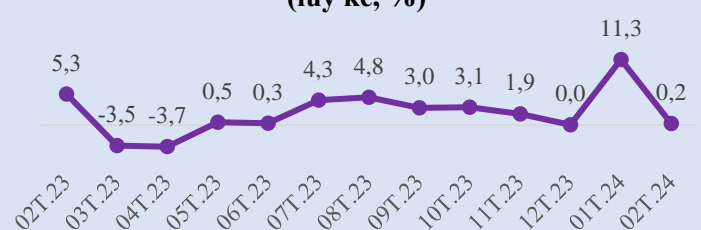
Đồng Nai: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



Bà Rịa-Vũng Tàu: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



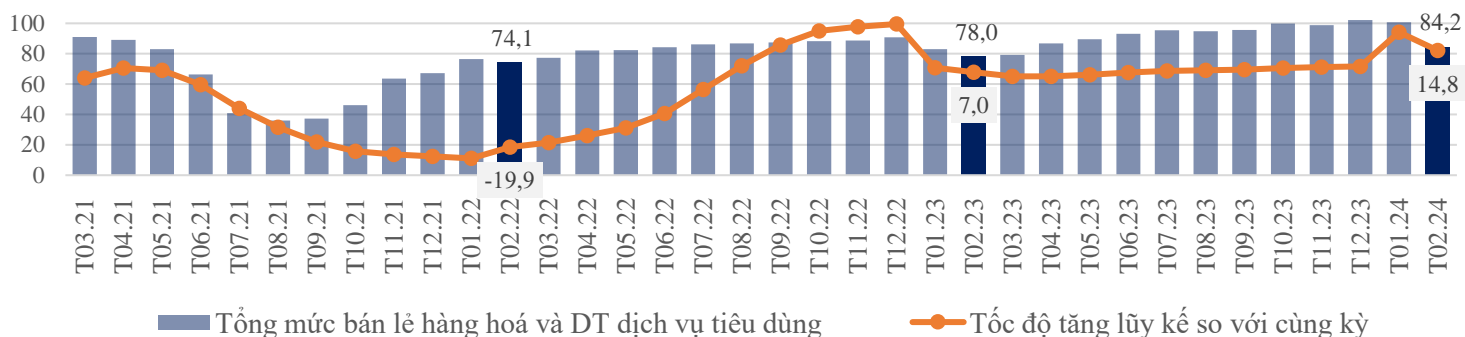
Bà Rịa-Vũng Tàu: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



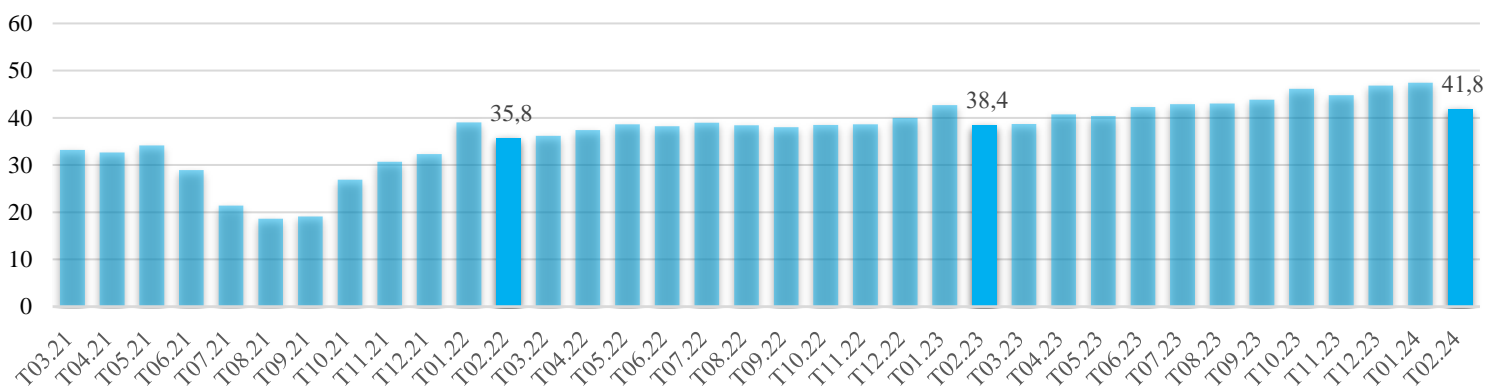
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 02 năm 2024 ước giảm 16,4% so với tháng trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ giảm 11,9%; doanh thu lưu trú ăn uống giảm 11,5%; dịch vụ lữ hành tăng 4,1%; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác giảm 24%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 02 tháng đầu năm 2024 ước tăng 14,8% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ tăng 10%; doanh thu lưu trú ăn uống tăng 13,6%; dịch vụ lữ hành tăng 31,6%; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tăng 20,9%.

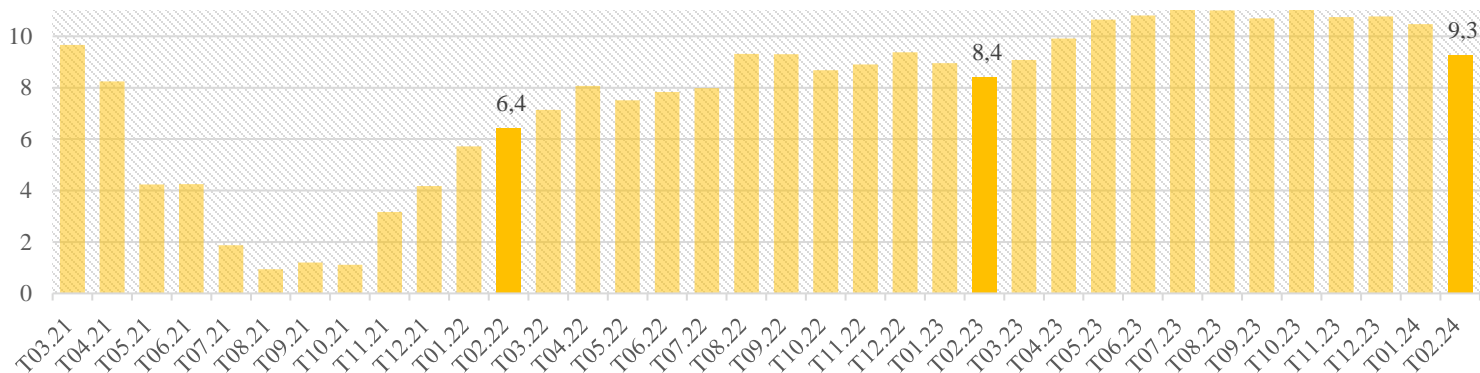
**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (theo tháng, nghìn tỷ đồng)
Tốc độ tăng so với cùng kỳ (lũy kế, %)**



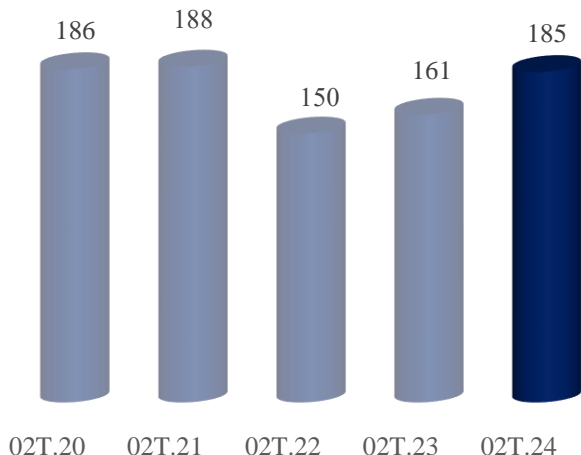
Tổng mức bán lẻ hàng hóa (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



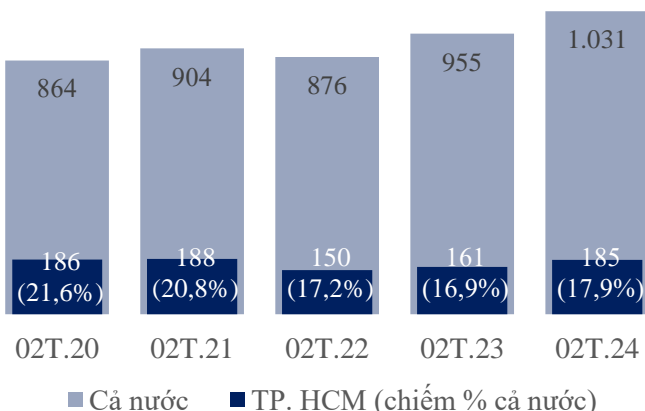
Dịch vụ lưu trú, ăn uống (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



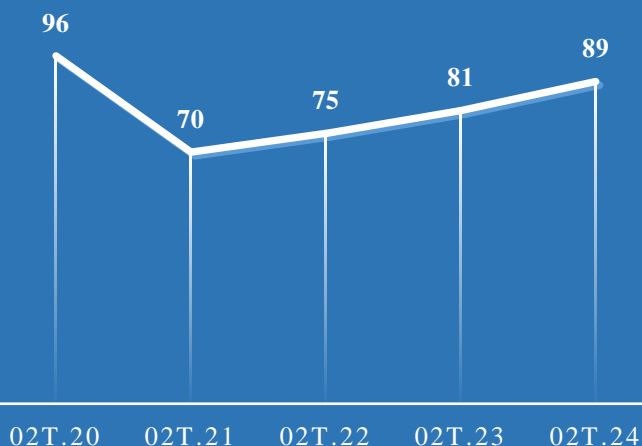
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



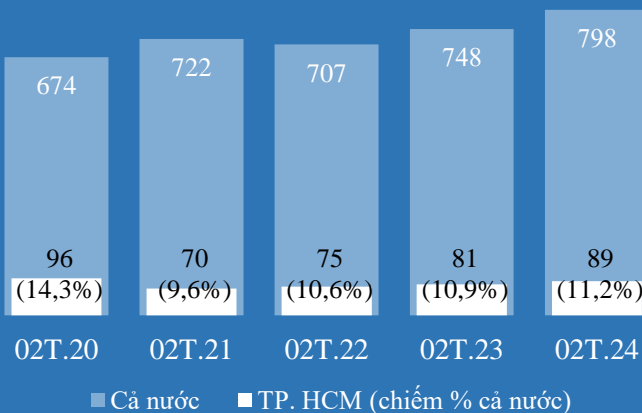
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ
TP. HCM và Cả nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



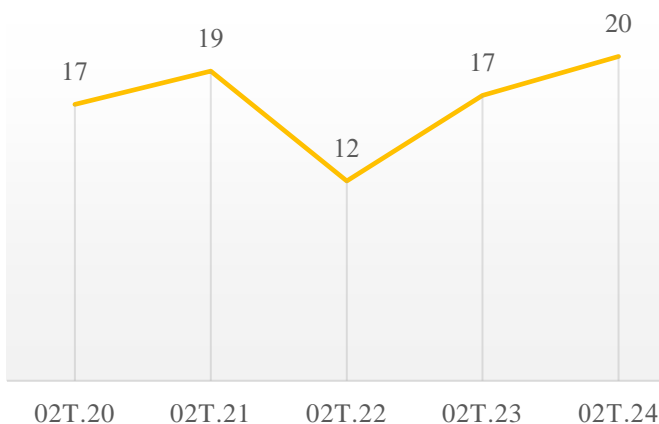
Tổng mức bán lẻ hàng hoá
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



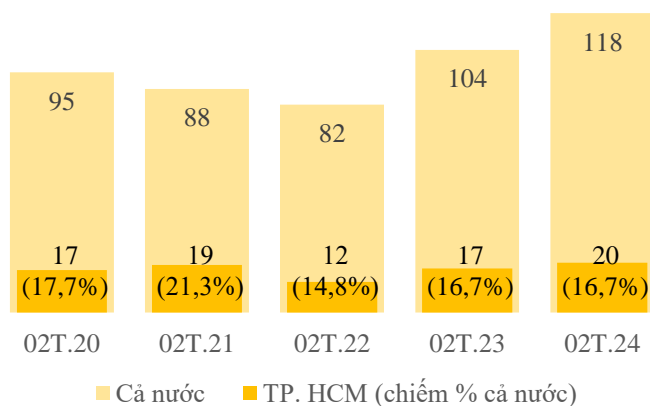
Tổng mức bán lẻ hàng hoá
TP. HCM và Cả nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)

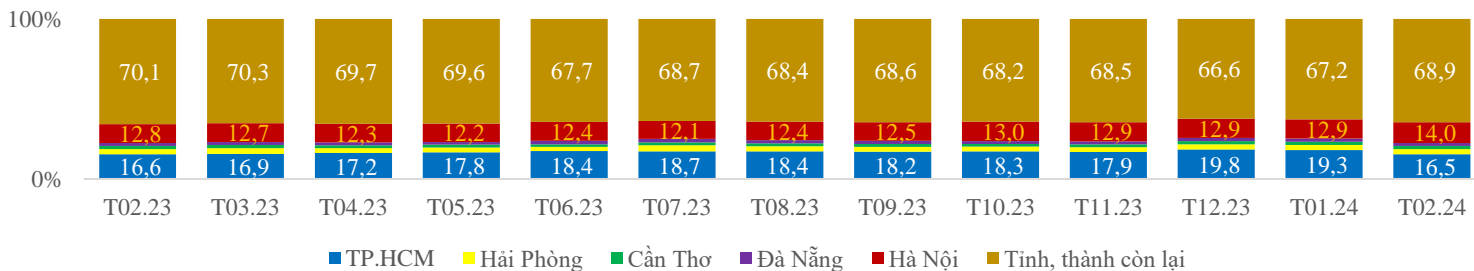
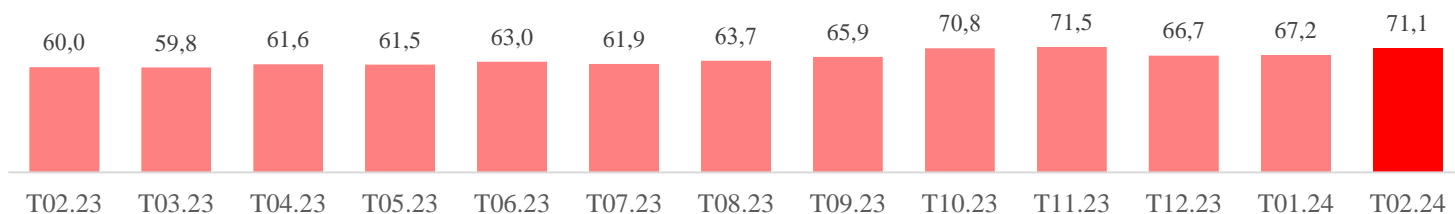
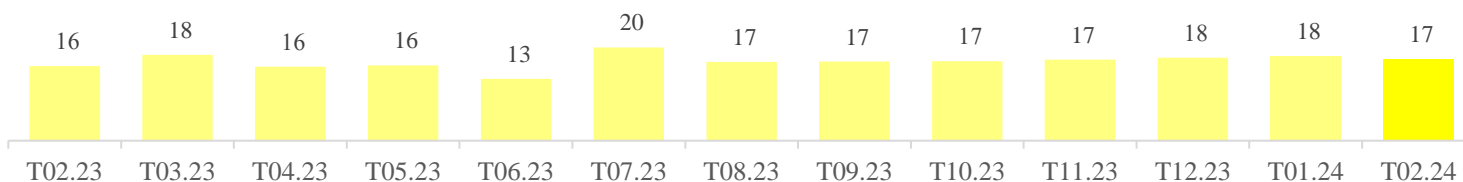
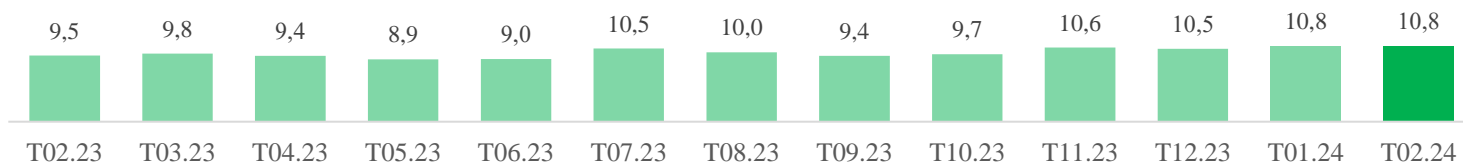
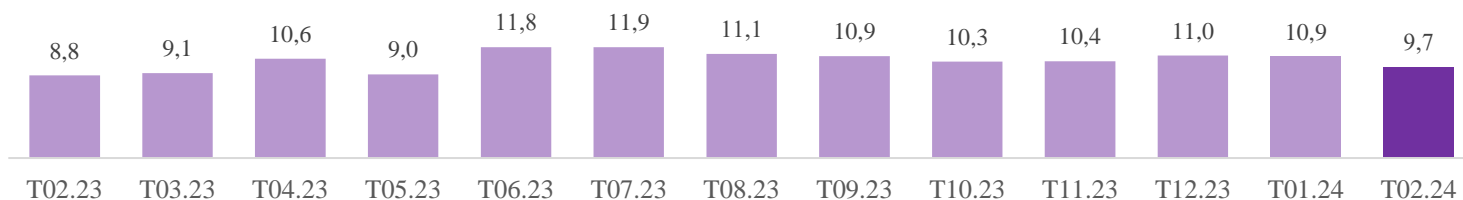


Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống
TP. HCM và Cả nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)

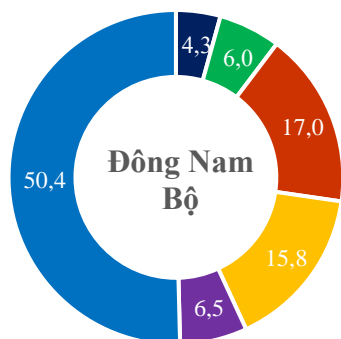


Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các Thành phố trực thuộc TW

Tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của các Thành phố trực thuộc TW so với Cả nước (theo tháng, %)

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Hà Nội
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Hải Phòng
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Cần Thơ
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Đà Nẵng
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)

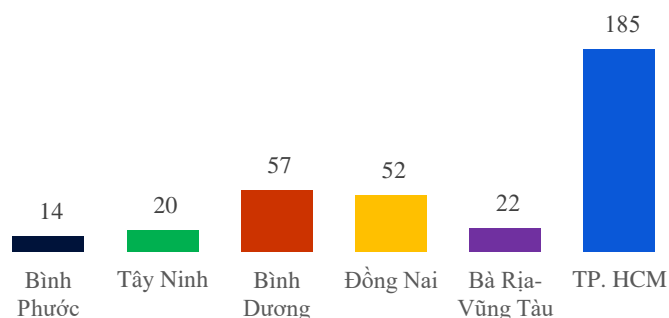
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các tỉnh vùng Đông Nam Bộ



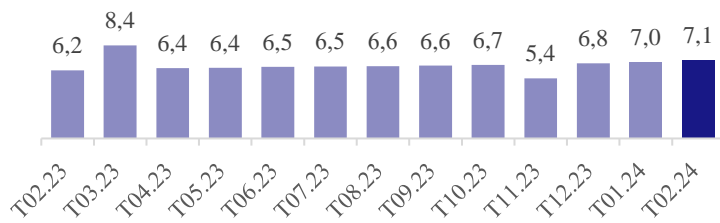
Tỷ trọng Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ các tỉnh (tháng 02, %)

- Bình Phước
- Tây Ninh
- Bình Dương
- Đồng Nai
- Bà Rịa-Vũng Tàu
- TP.HCM

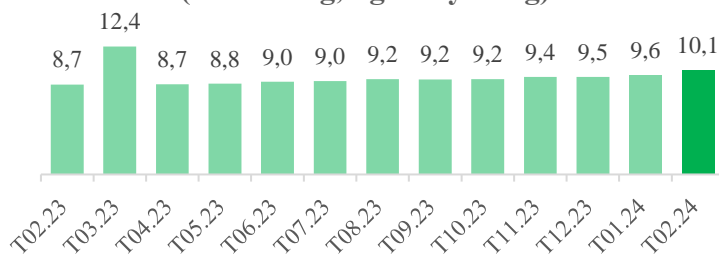
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ các tỉnh (tháng 02, nghìn tỷ đồng)



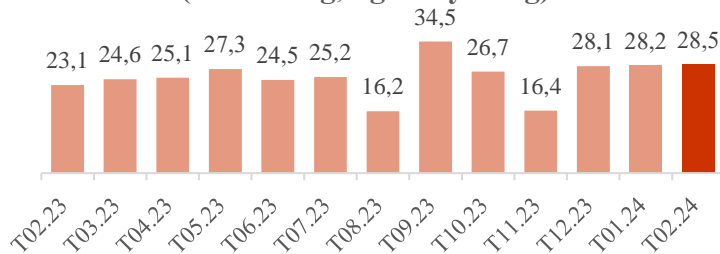
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tỉnh Bình Phước (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



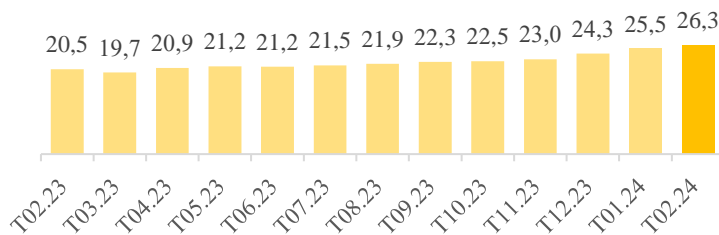
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tỉnh Tây Ninh (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



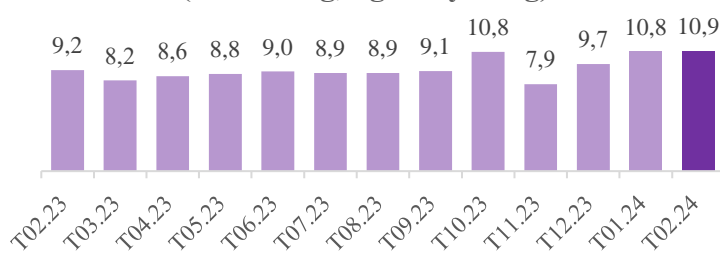
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tỉnh Bình Dương (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



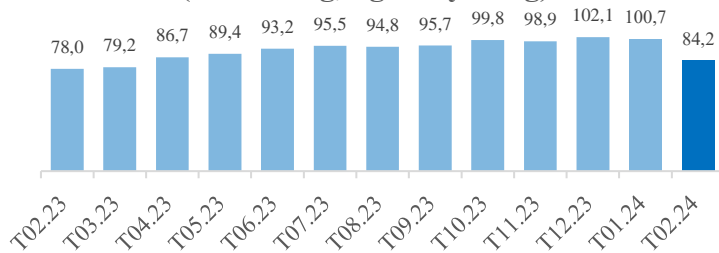
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tỉnh Đồng Nai (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (theo tháng, nghìn tỷ đồng)

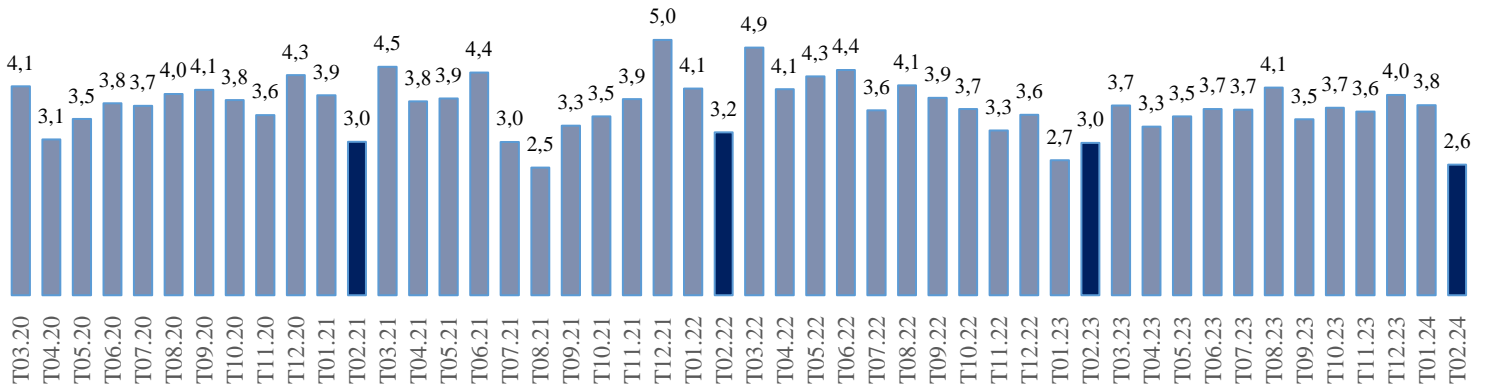


Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ TP. Hồ Chí Minh (theo tháng, nghìn tỷ đồng)

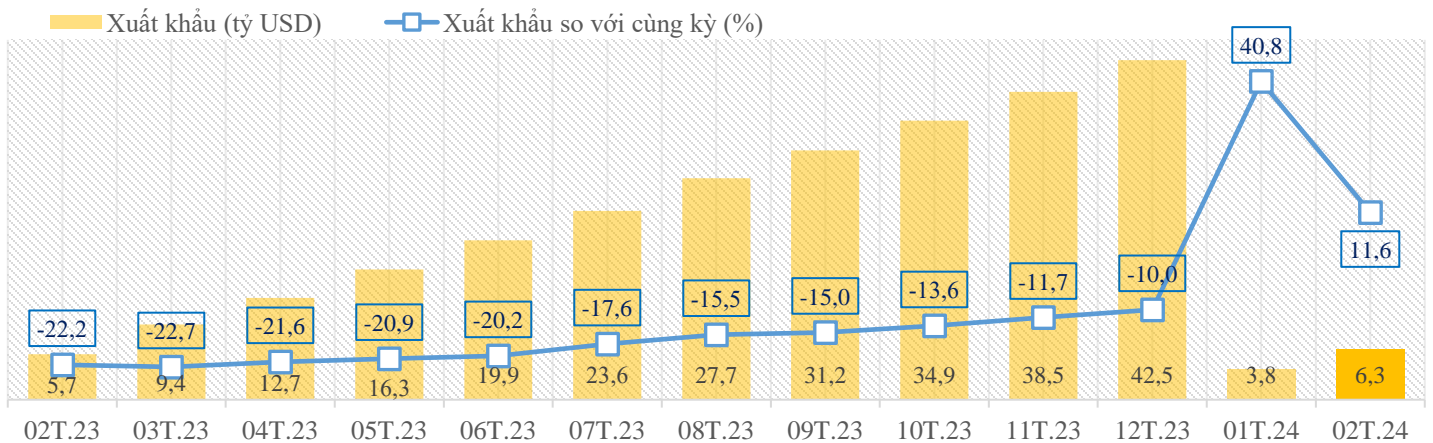


Tình hình xuất, nhập khẩu tháng 02 năm 2024 trên địa bàn Thành phố chưa có nhiều dấu hiệu khởi sắc, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu qua cảng Thành phố trong 02 tháng đầu năm 2024 đạt 6,3 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ. Giá trị nhập khẩu qua cảng Thành phố đạt 8,5 tỷ USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ. Theo đó cán cân thương mại hàng hóa của Thành phố nhập siêu 2,2 tỷ USD, trái ngược với cán cân thương mại hàng hóa của cả nước là xuất siêu 4,7 tỷ USD.

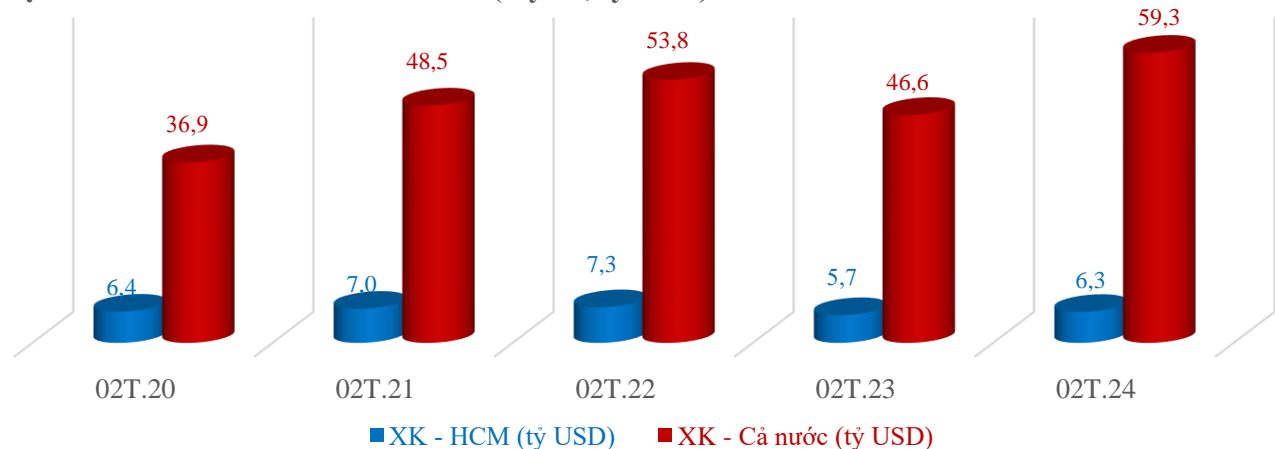
Giá trị xuất khẩu hàng hóa (theo tháng, tỷ USD)



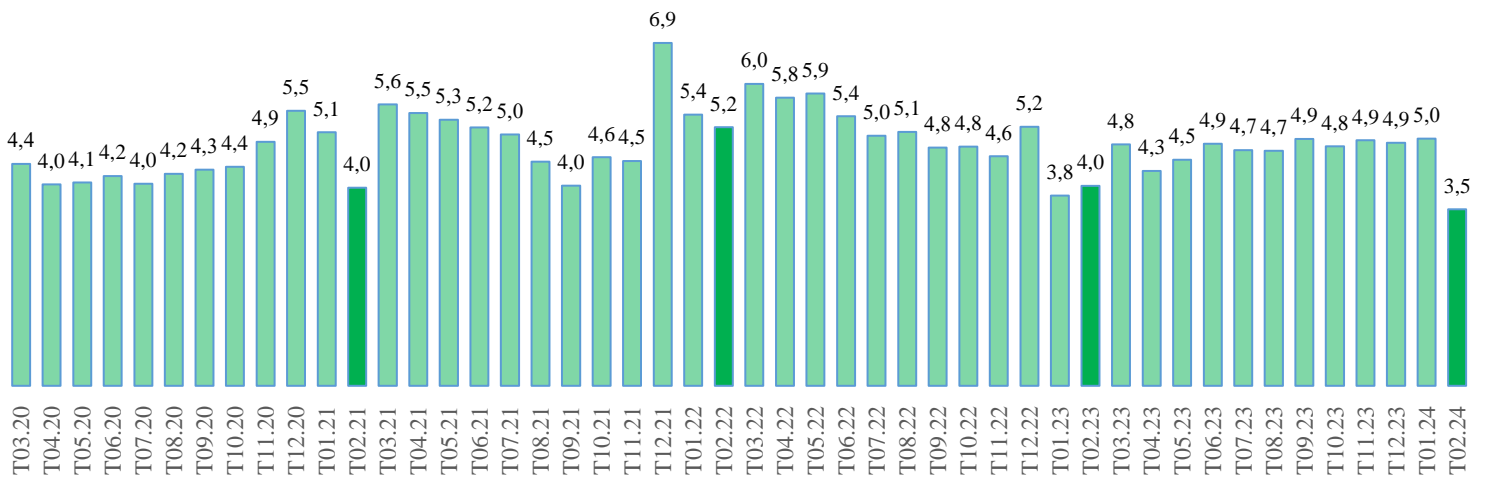
Giá trị xuất khẩu hàng hóa (lũy kế, tỷ USD)



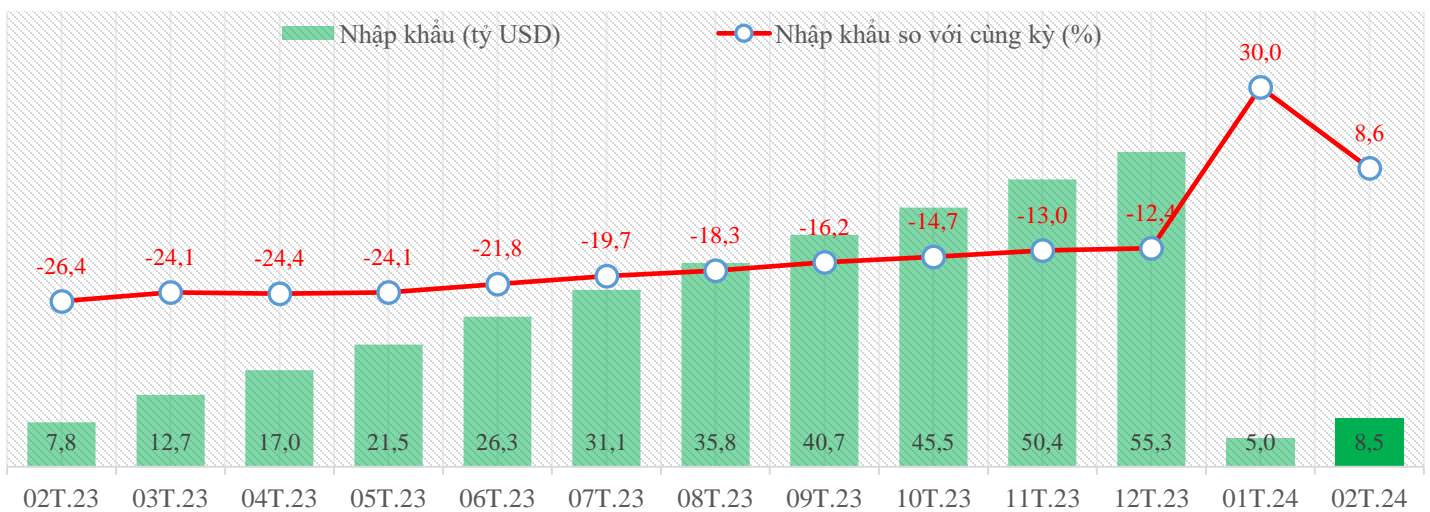
Giá trị xuất khẩu TP. HCM và Cả nước (lũy kế, tỷ USD)



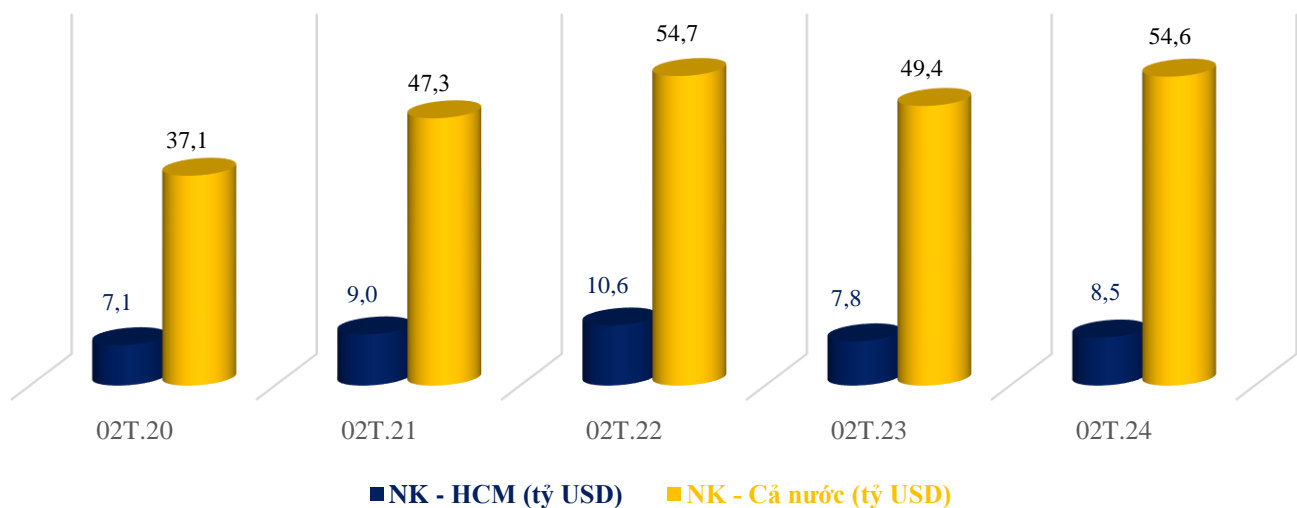
Giá trị nhập khẩu hàng hóa (theo tháng, tỷ USD)

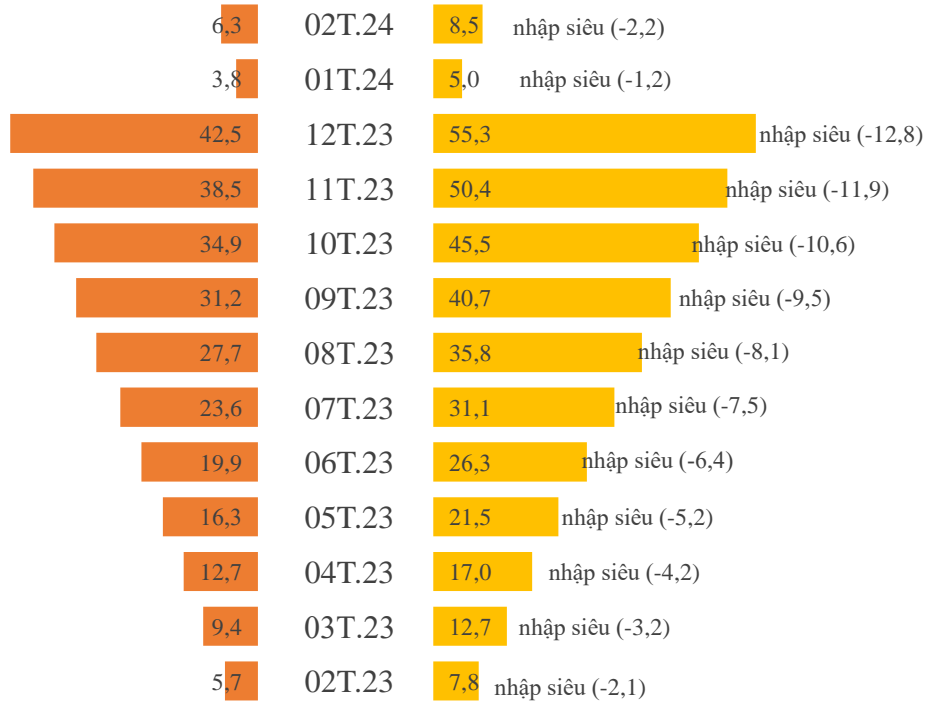


Giá trị nhập khẩu hàng hóa (lũy kế, tỷ USD)

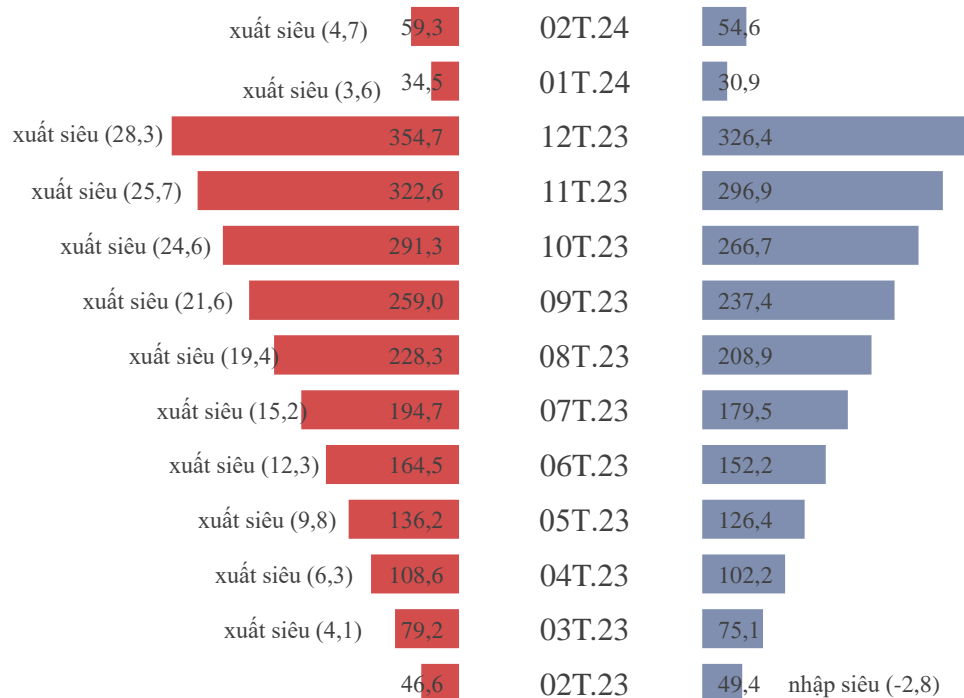


Giá trị nhập khẩu hàng hóa TP. HCM và Cả nước (lũy kế, tỷ USD)



Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của **TP. HCM** (lũy kế, tỷ USD)

■ Xuất khẩu (tỷ USD) ■ Nhập khẩu (tỷ USD)

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của **Cả nước** (lũy kế, tỷ USD)

■ Xuất khẩu - Cả nước (tỷ USD)

■ Nhập khẩu - Cả nước (tỷ USD)

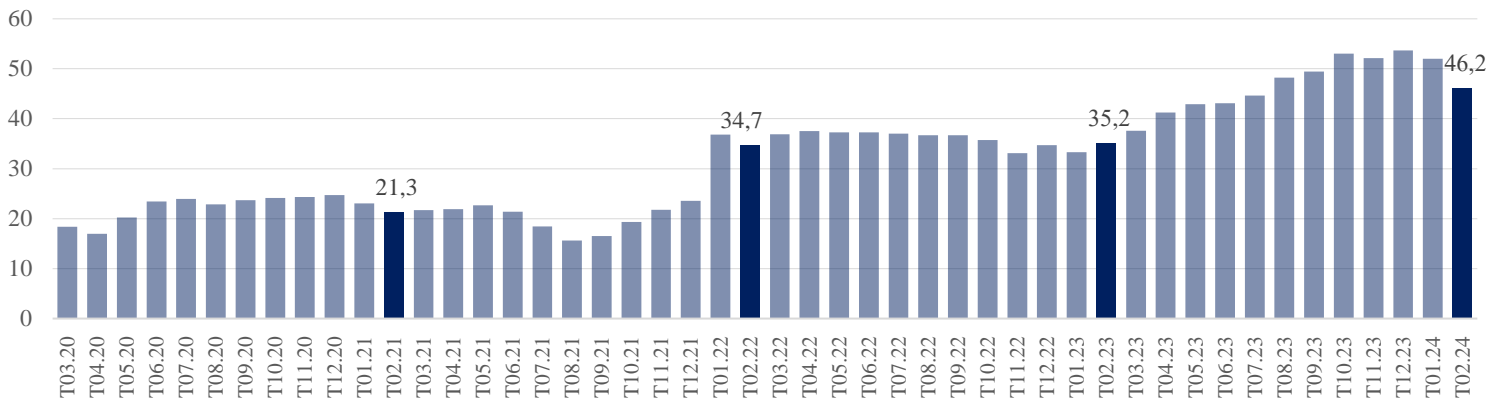
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 02 tháng đầu năm 2024 ước tăng 43,4% so với cùng kỳ. Trong đó,

Khối lượng vận chuyển hàng hóa tăng 18,4% so với cùng kỳ, góp phần làm doanh thu vận tải hàng hóa tăng 22,3%.

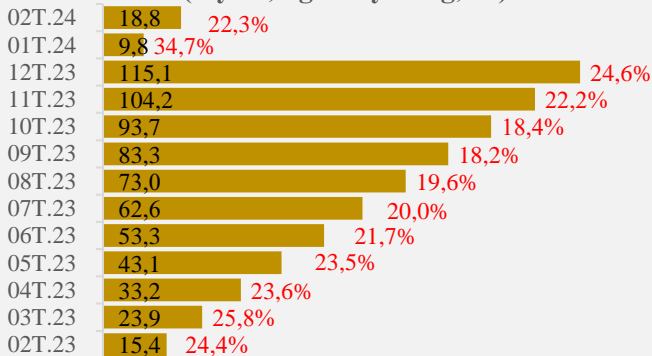
Khối lượng vận chuyển hành khách giảm 27,3% so với cùng kỳ, tuy nhiên giá cước vận chuyển hành khách tăng đã góp phần làm doanh thu vận tải hành khách tăng 0,7% so với cùng kỳ.

Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát tăng 52,8% so với cùng kỳ.

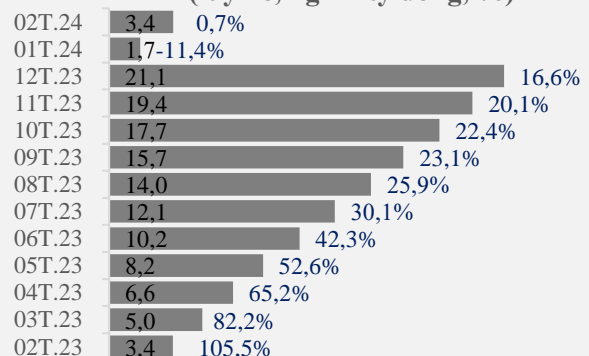
Doanh thu vận tải (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



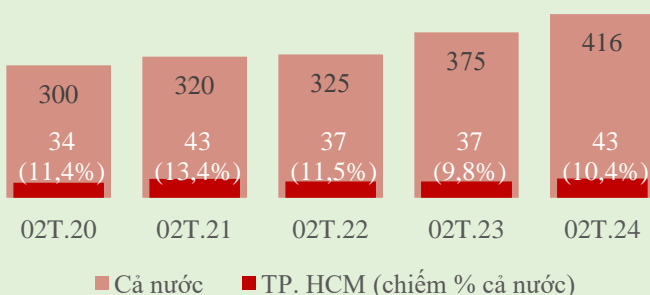
Doanh thu vận tải hàng hóa và tốc độ tăng (lũy kế, nghìn tỷ đồng, %)



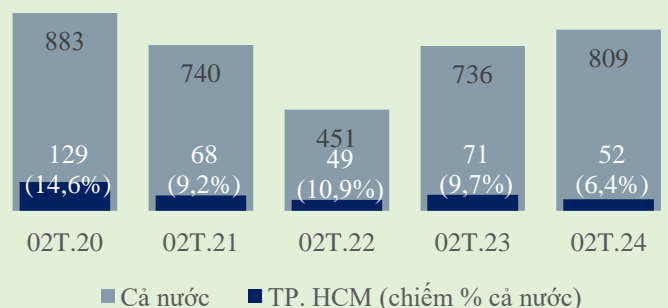
Doanh thu vận tải hành khách và tốc độ tăng (lũy kế, nghìn tỷ đồng, %)



Khối lượng vận chuyển hàng hóa TP. HCM và Cả nước (lũy kế, triệu tấn)



Khối lượng vận chuyển hành khách TP. HCM và Cả nước (lũy kế, triệu khách)



Trật tự an toàn giao thông: Trong tháng, xảy ra 143 vụ tai nạn giao thông đường bộ, tăng 10,0% so với cùng kỳ, làm chết 39 người, giảm 36,0%; bị thương 91 người, tăng 34,0%.

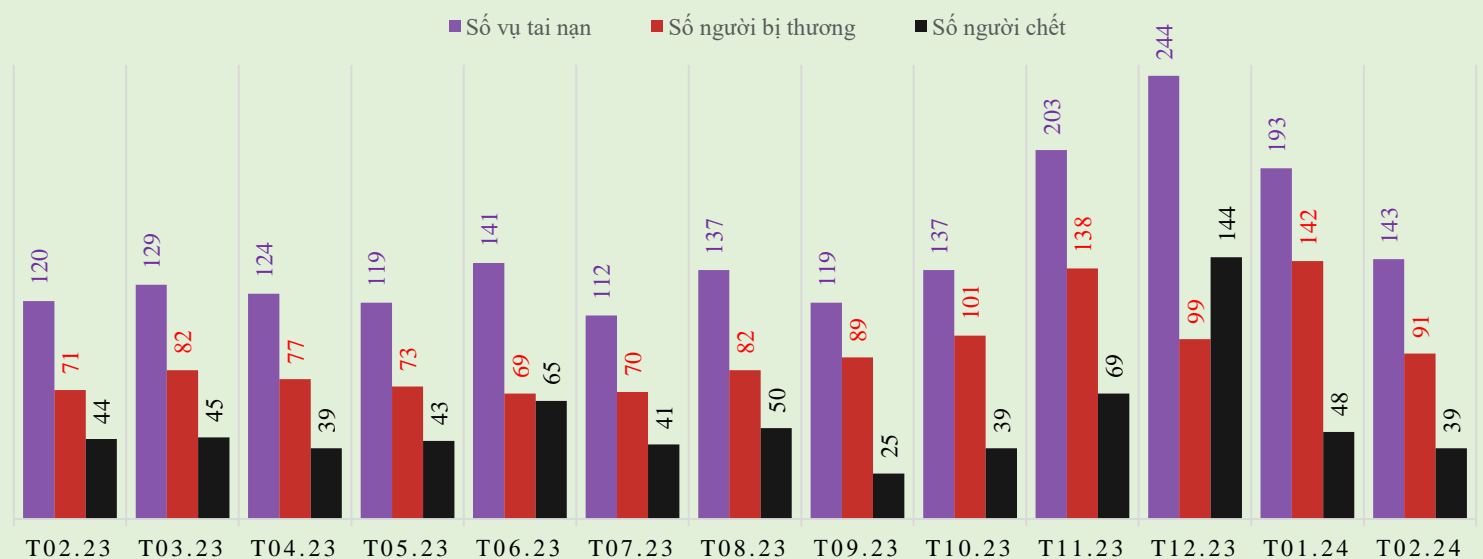
Tình hình cháy nổ: Từ ngày 16/01/2024-16/02/2024 trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 56 vụ cháy, làm chết 01 người, bị thương 01 người.

Vi phạm kinh tế: Trong tháng đã phát hiện, xử lý 188 vụ, 20 tổ chức, 185 cá nhân vi phạm về kinh tế, tham nhũng và buôn lậu.

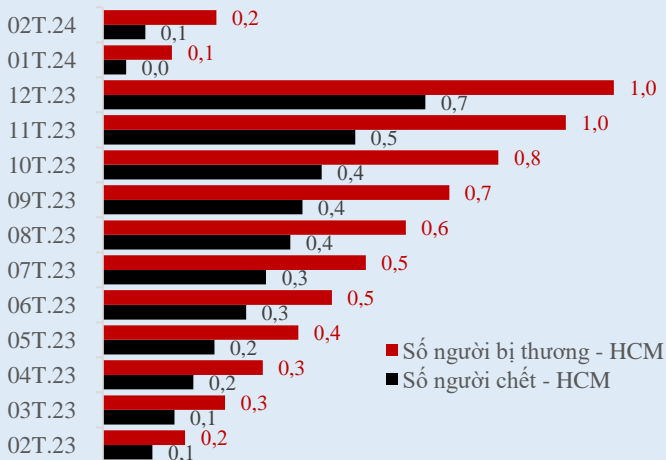
Giải quyết việc làm: Trong 02 tháng đầu năm 2024 đã giải quyết việc làm cho 54.579 lượt người, đạt 18,2% kế hoạch và có 25.085 chỗ việc làm mới được tạo ra, đạt 17,9% kế hoạch.

Giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp: Trong tháng đã tiếp nhận 9.814 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 12.432 người lao động đủ điều kiện.

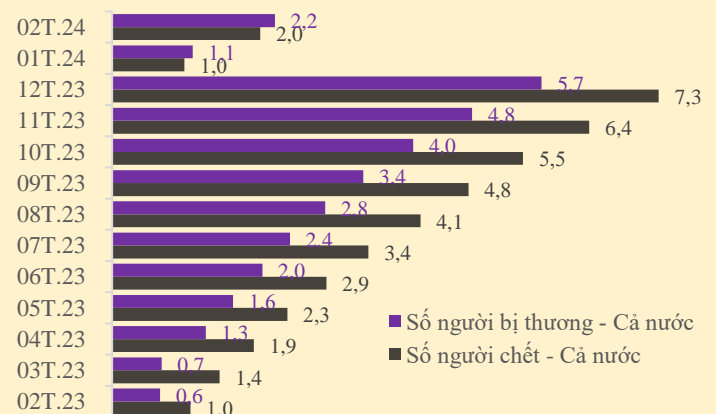
Tình hình tai nạn giao thông (theo tháng, số lượng)



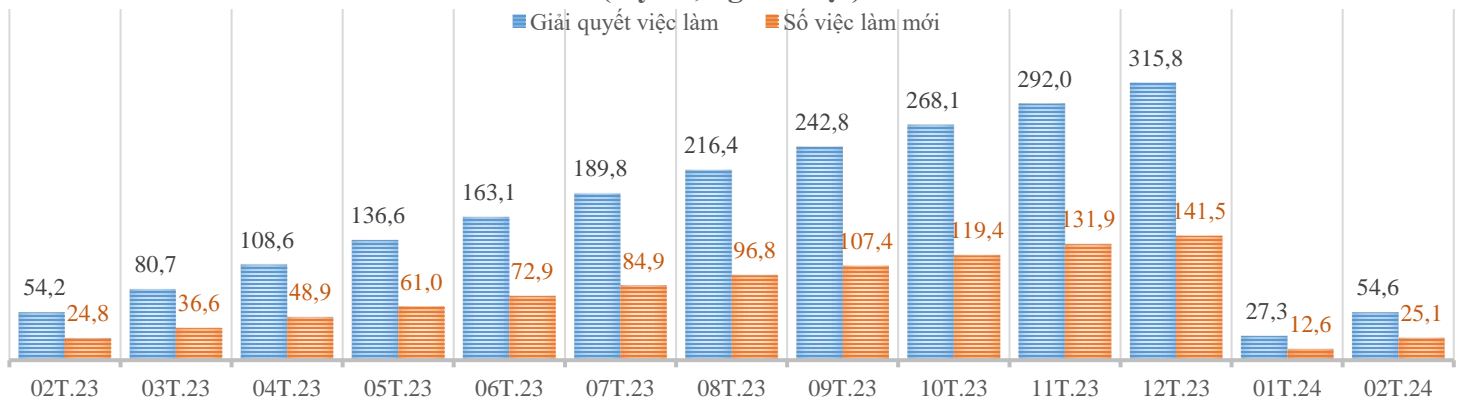
Số người chết và bị thương do tai nạn giao thông (lũy kế, nghìn người)



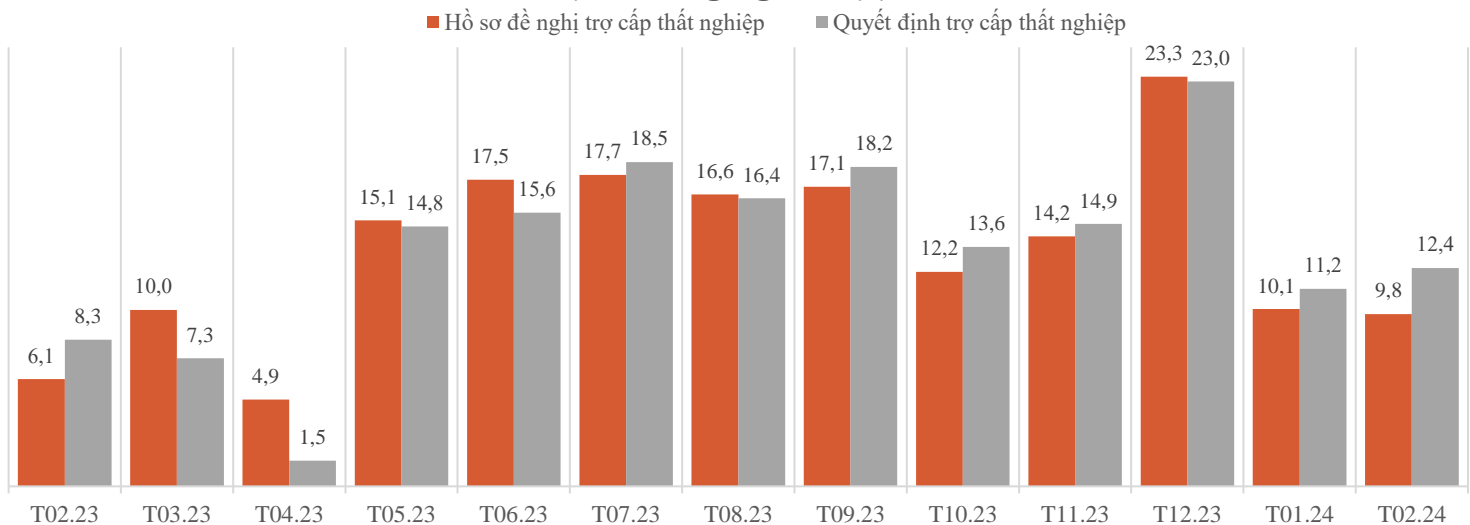
Số người chết và bị thương do tai nạn giao thông Cả nước (lũy kế, nghìn người)



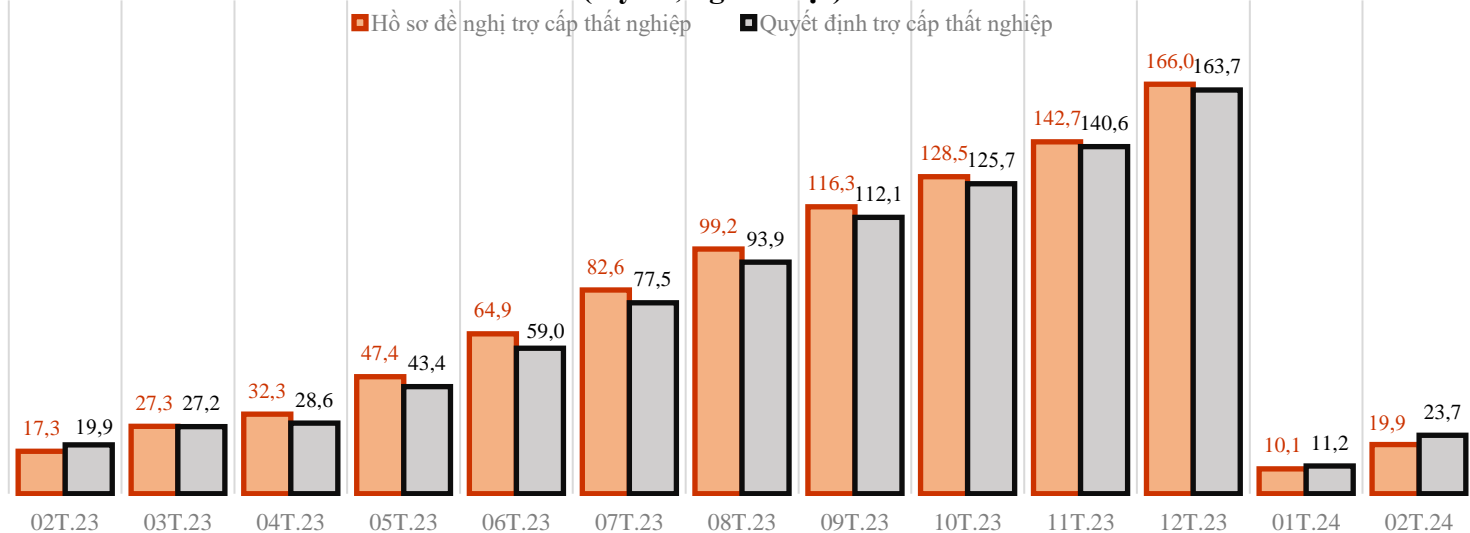
Số lượt giải quyết việc làm và số việc làm mới tạo ra (lũy kế, nghìn lượt)



Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (theo tháng, nghìn lượt)



Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (lũy kế, nghìn lượt)



1. Kích cầu tiêu dùng nội địa

Tiêu dùng nội địa là động lực chính của tăng trưởng Thành phố và hiện tổng cầu nội địa khá thấp so với mức tiềm năng. Trong bối cảnh xuất khẩu chưa thể cải thiện rõ nét; Cùng với việc Chính phủ triển khai đồng loạt chính sách tài khóa, tiền tệ linh hoạt thì Thành phố cần tiếp tục triển khai các chương trình khuyến mãi với quy mô lớn hơn để kích cầu tiêu dùng nội địa qua đó góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước. Đề xuất Chính phủ chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước thực hiện các gói vay tiêu dùng tín chấp với lãi suất đặc biệt nhằm kích cầu nội địa, bên cạnh đó Thành phố tiếp tục thực hiện tốt việc kiểm soát lạm phát bằng Chương trình bình ổn giá đã thực hiện hiệu quả trong thời gian qua.

2. Giải ngân vốn đầu tư công

Giải ngân đầu tư công nổi lên như một điểm sáng trong năm 2023, là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế vẫn đang gặp nhiều khó khăn, giải ngân vốn đầu tư công có ý nghĩa chiến lược, tạo sự lan tỏa sang các ngành khác và thúc đẩy kinh tế xã hội trong trung hạn và dài hạn. Thành phố tiếp tục các giải pháp nhằm phát huy vai trò, gắn trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu giải quyết vốn đầu tư công, đồng thời khẩn trương nâng cao năng lực chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây lắp. Tập trung xử lý vấn đề giải phóng mặt bằng và bố trí giải phóng mặt bằng thành một dự án độc lập, được thực hiện với các quy định đặc thù, phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm nâng cao tính sẵn sàng cho việc triển khai dự án. Các cơ chế và mức bồi thường phải thỏa đáng, bảo đảm quyền lợi cho người dân khi di dời, tái định cư để có sự đồng thuận khi triển khai. Bên cạnh đó, cần có cơ chế điều chỉnh kịp thời định mức thầu, giá thầu và giá các loại vật tư, vật liệu xây lắp khi có biến động giá trên thị trường; đảm bảo đầy đủ, kịp thời vật liệu xây lắp, đắp nền.

3. Đẩy mạnh xuất nhập khẩu

Xuất, nhập khẩu vẫn là động lực quan trọng đến tăng trưởng Thành phố vì vậy Thành phố cần khẩn trương, đi đầu thu hút các ngành, lĩnh vực sẽ trở thành xu hướng phát triển của kinh tế thế giới như xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao. Bên cạnh đó Thành phố đẩy nhanh việc đa dạng hóa sản phẩm và đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu.

4. Xây dựng
nguồn nhân
lực chất
lượng cao

Thực hiện hiệu quả Đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao. Nâng cao hiệu quả kết nối cung cầu lao động góp phần đảm bảo nhu cầu lao động cần thiết cho nền kinh tế vừa đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực, từ đó góp phần cải thiện năng suất lao động.

5. Cải thiện
chất lượng
tăng trưởng

Tăng cường đầu tư cho khoa học - công nghệ, đề khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực, là giải pháp đột phá chiến lược quan trọng để Thành phố phát triển nhanh và bền vững. Thành phố tập trung các giải pháp nâng cao năng suất lao động từ chính tăng trưởng nội sinh từng ngành kinh tế mang lại, qua đó sẽ góp phần dịch chuyển cơ cấu theo chiều sâu.

6. Chính
quyền Thành
phố

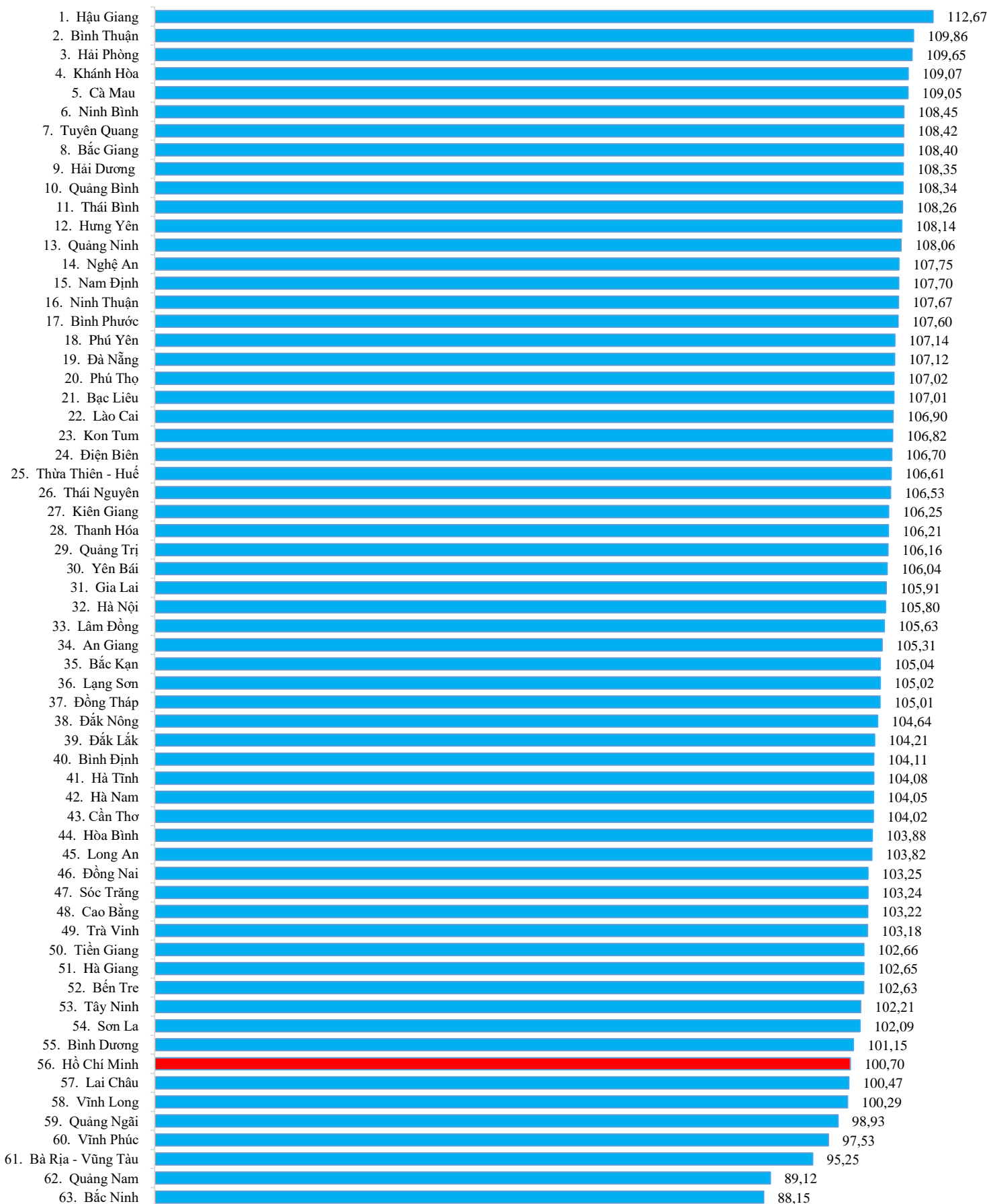
Triển khai hiệu quả Nghị Quyết 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Hồ Chí Minh.

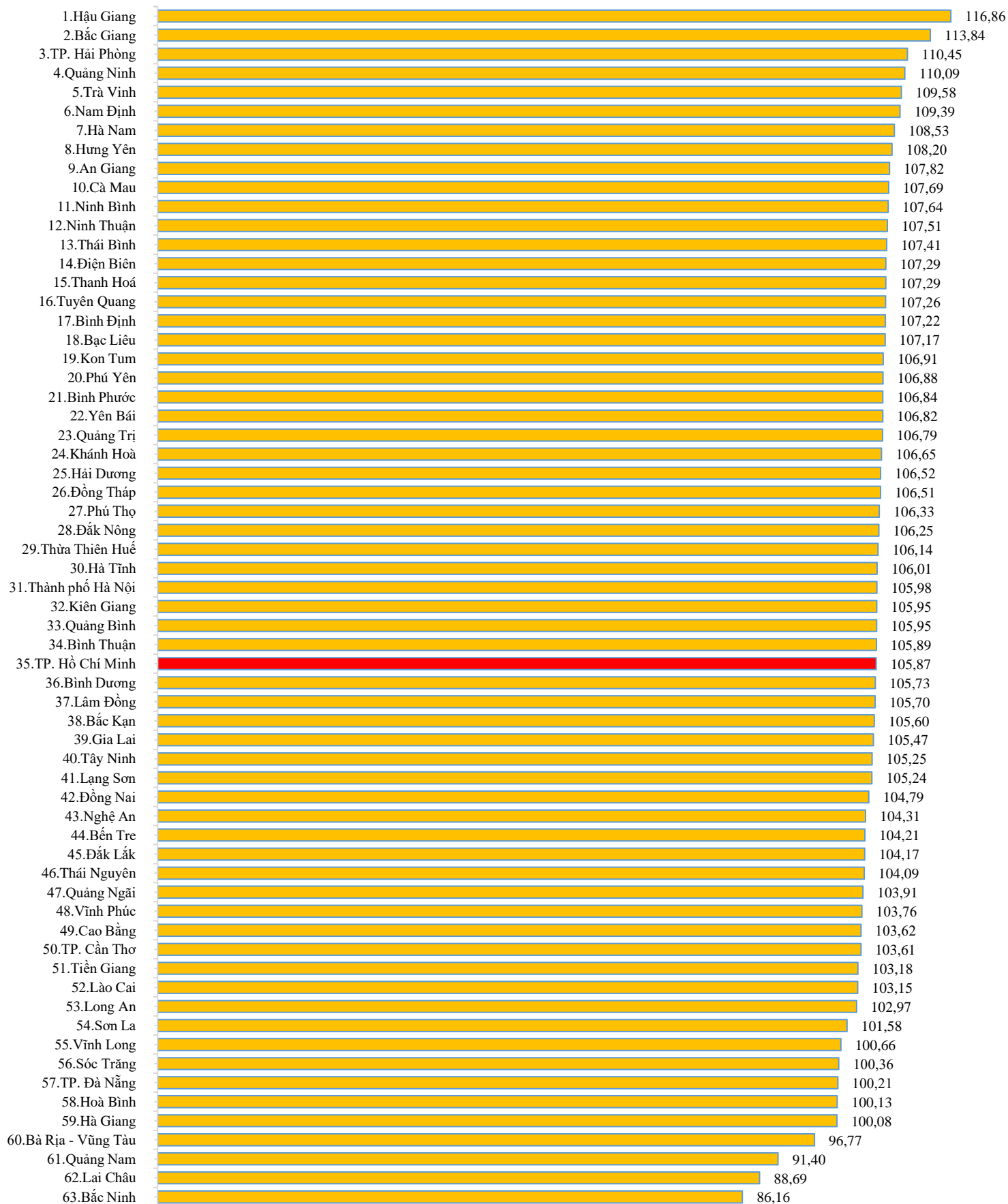
Đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân để phát triển sản xuất kinh doanh, rà soát và giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng của mà doanh nghiệp đã kiến nghị trong thời gian qua.

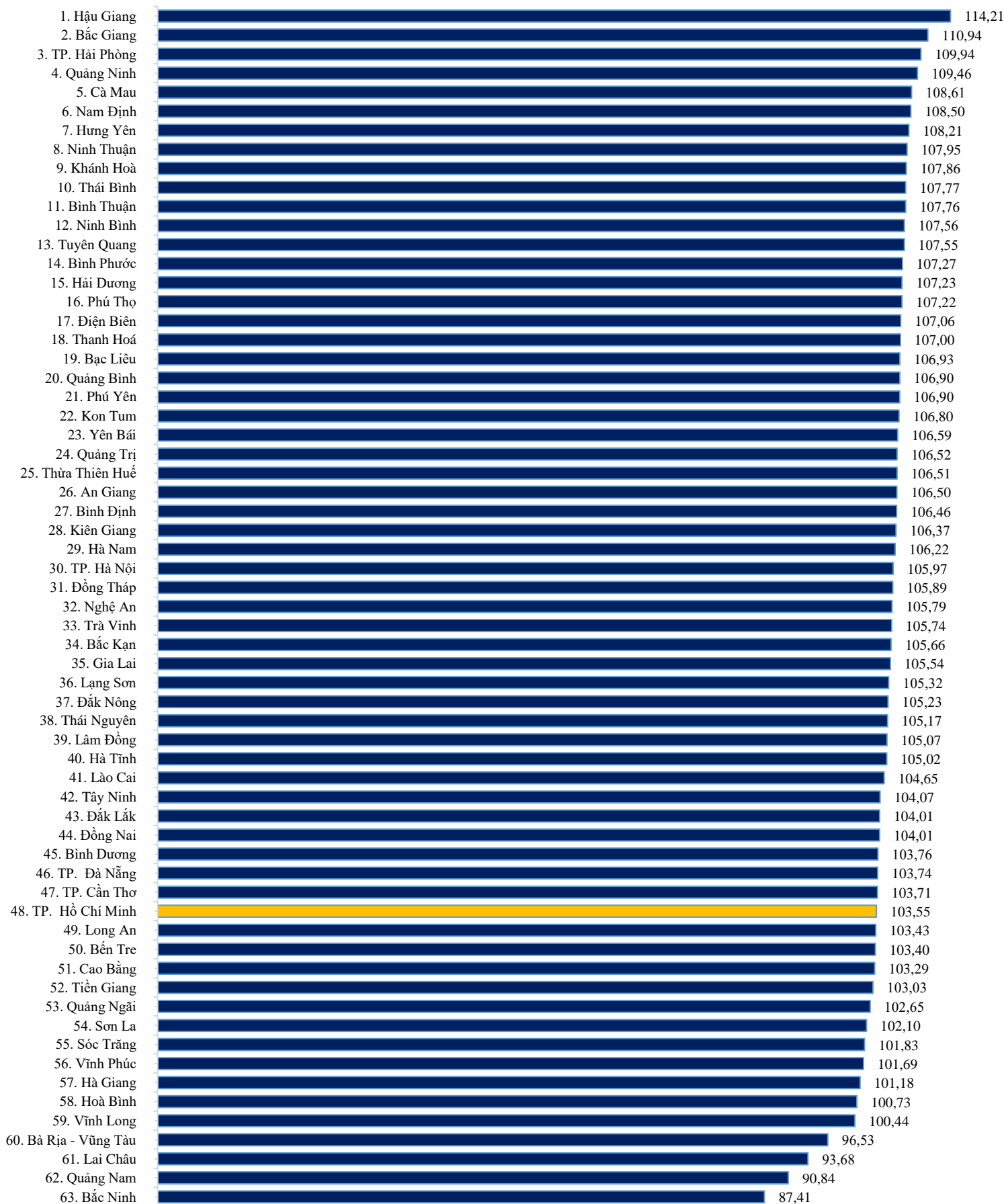
Chỉ đạo các Sở, Ban ngành khẩn trương xây dựng kịch bản, đánh giá những tồn tại đang cản trở tăng trưởng, đặc biệt đối với nhóm thể chế và môi trường pháp lý, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm khơi thông nguồn lực gắn tinh thần trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị với tinh thần khẩn trương, sát sao, cụ thể trong điều hành và xử lý nghiêm đối với cán bộ thiếu trách nhiệm.

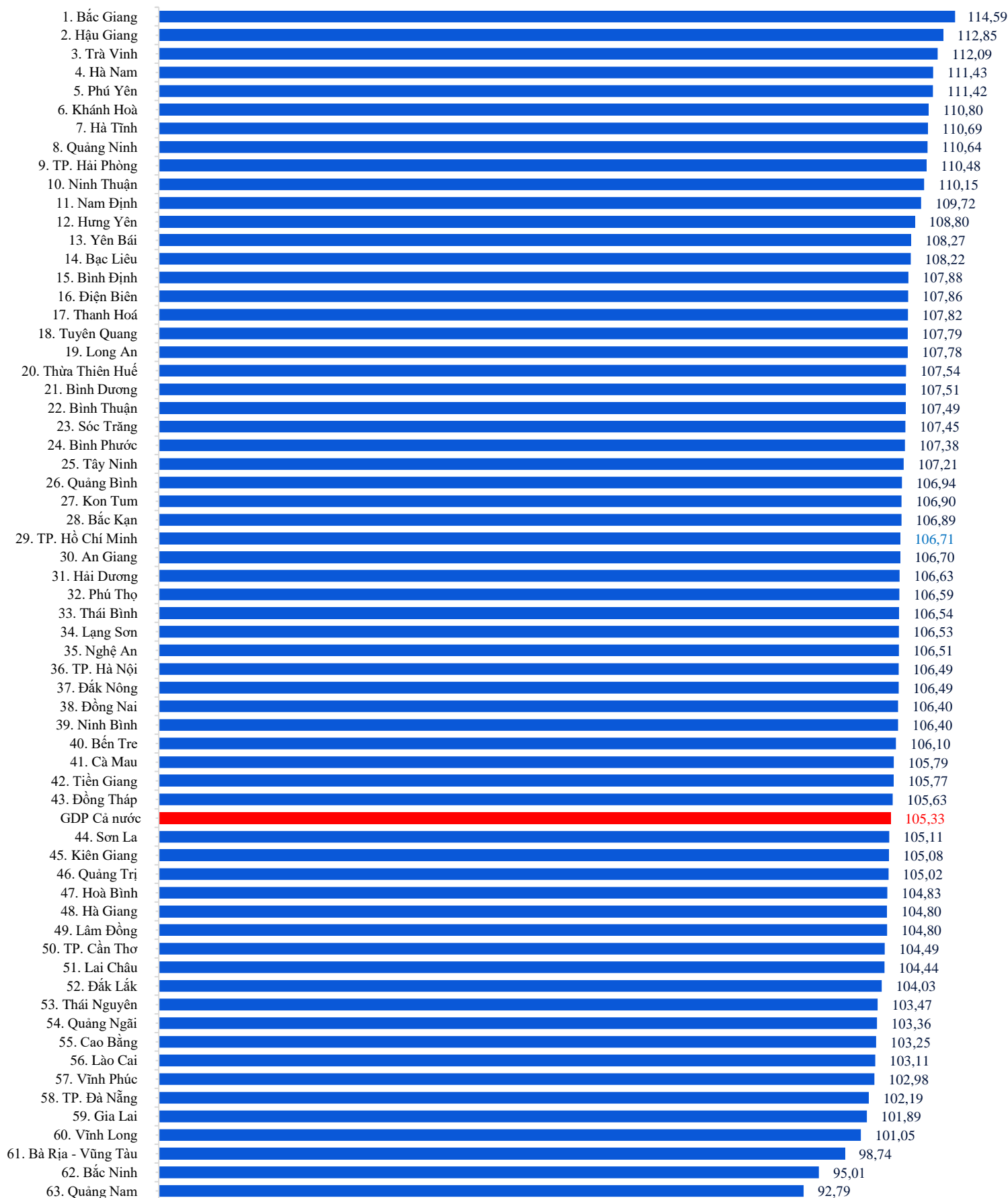
Thực hiện hiệu quả các Đề án về cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số quản trị và hành chính công. Xây dựng Thành phố là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với định hướng phát triển Thành phố thành trung tâm giáo dục, khoa học công nghệ, trung tâm tài chính; trung tâm khởi nghiệp, lập nghiệp.

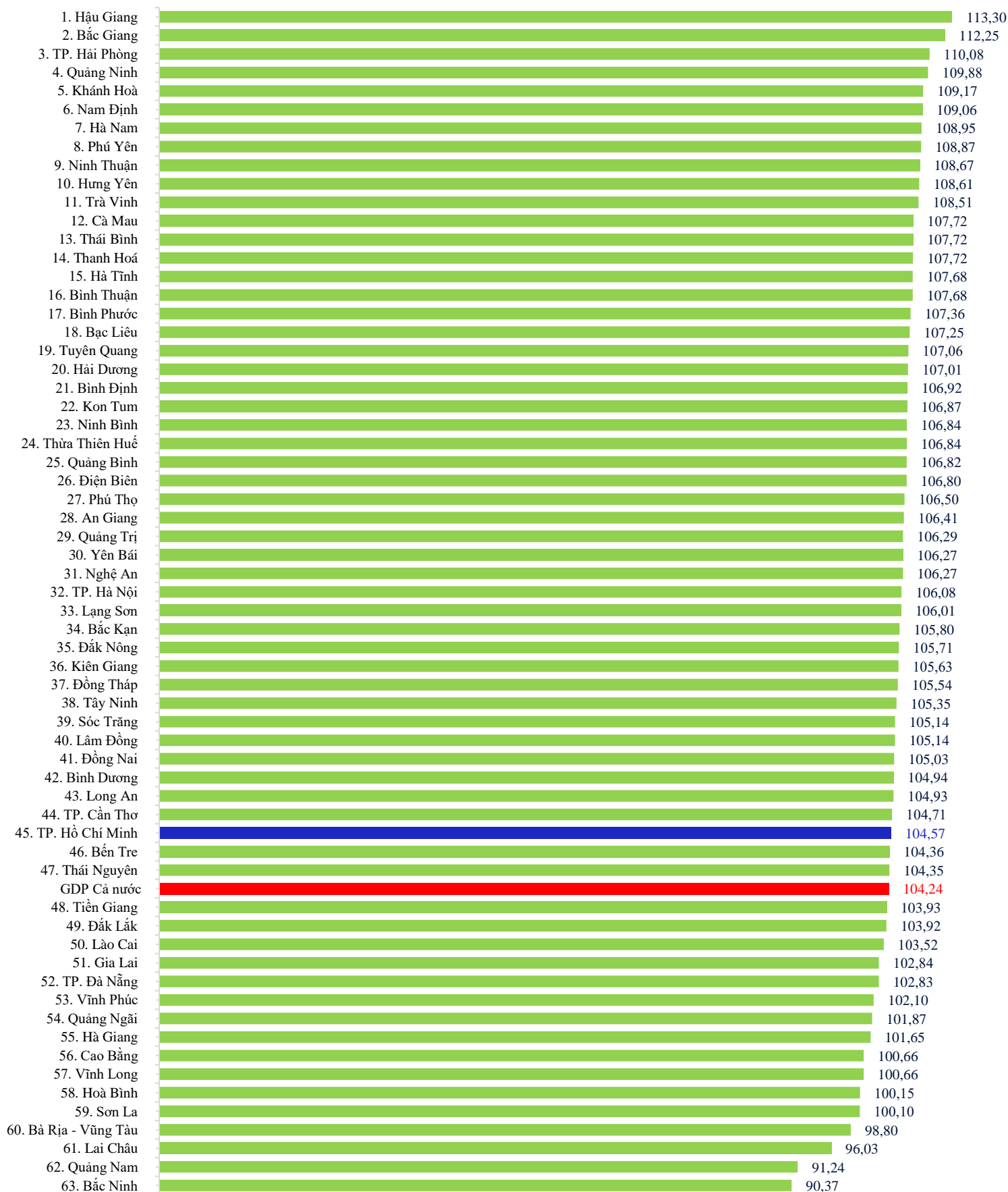
Cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

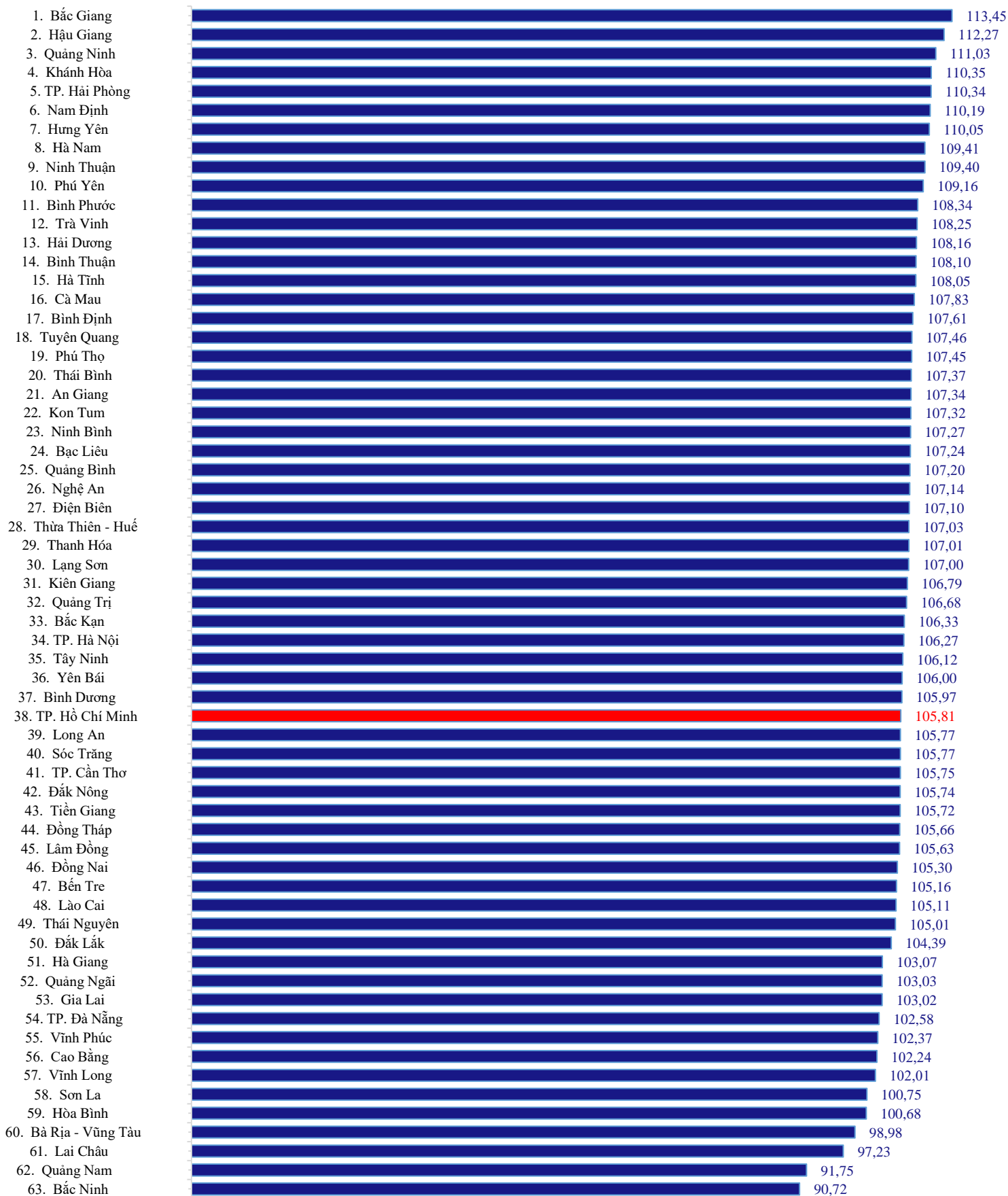








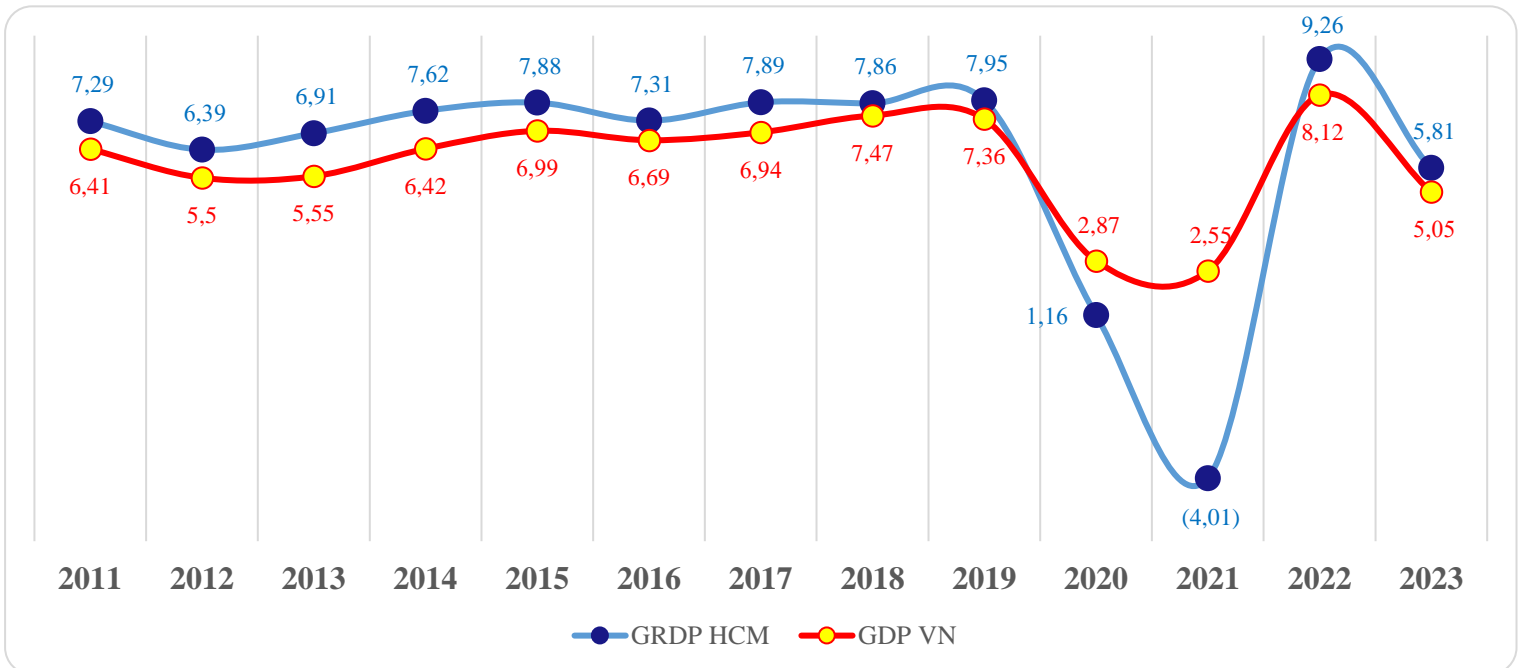




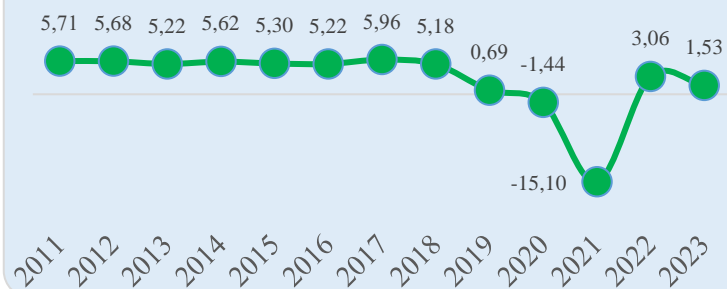
Tốc độ tăng GRDP Thành phố năm 2023

| Năm 2023 | | Nông nghiệp | | Công nghiệp, xây dựng | | Dịch vụ | |
|-------------|---------------|-------------|---------------|-----------------------|---------------|---------|---------------|
| GRDP | +5,81% | | +1,53% | | +4,42% | | +6,79% |

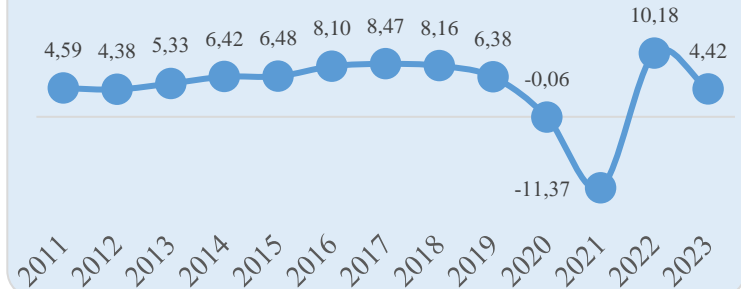
Tốc độ tăng GRDP Thành phố và GDP Việt Nam giai đoạn 2011-2023 (%)



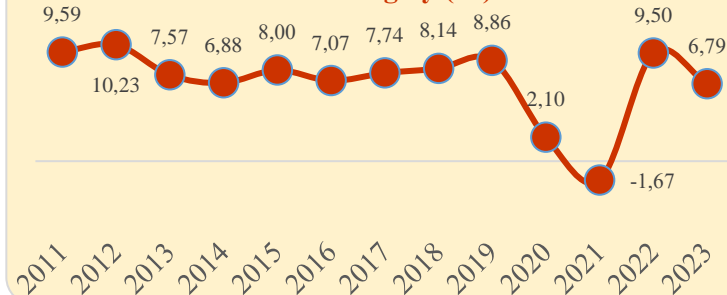
Giá trị tăng thêm khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản so với cùng kỳ (%)



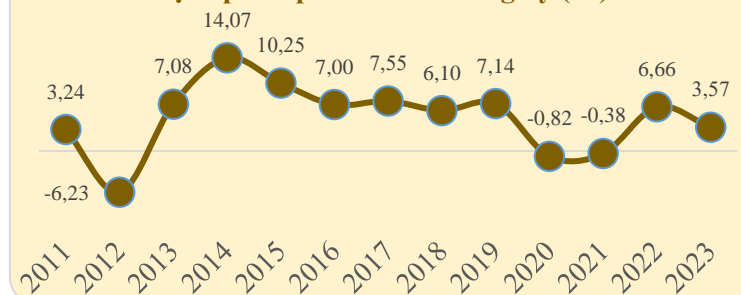
Giá trị tăng thêm khu vực Công nghiệp, xây dựng so với cùng kỳ (%)



Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ so với cùng kỳ (%)

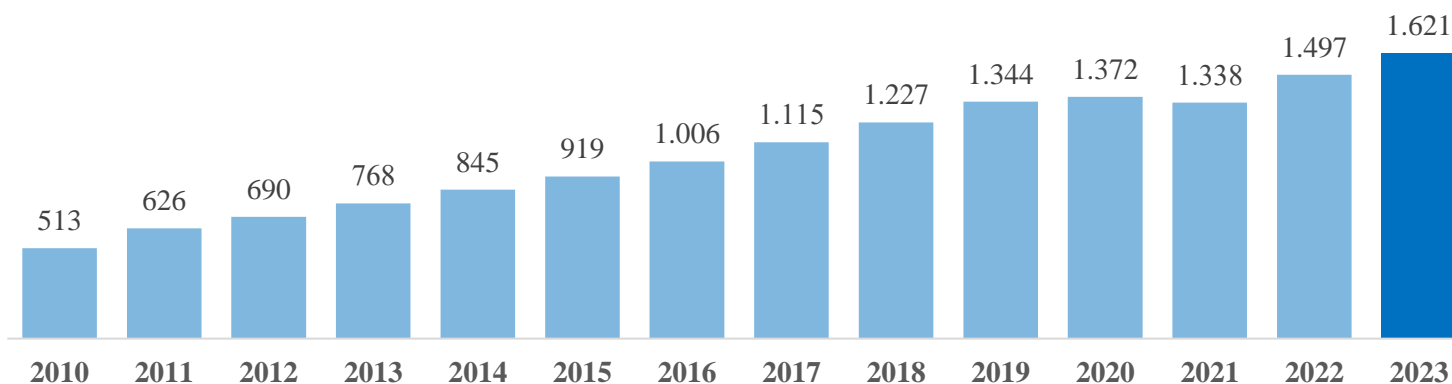


Giá trị tăng thêm khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm so với cùng kỳ (%)



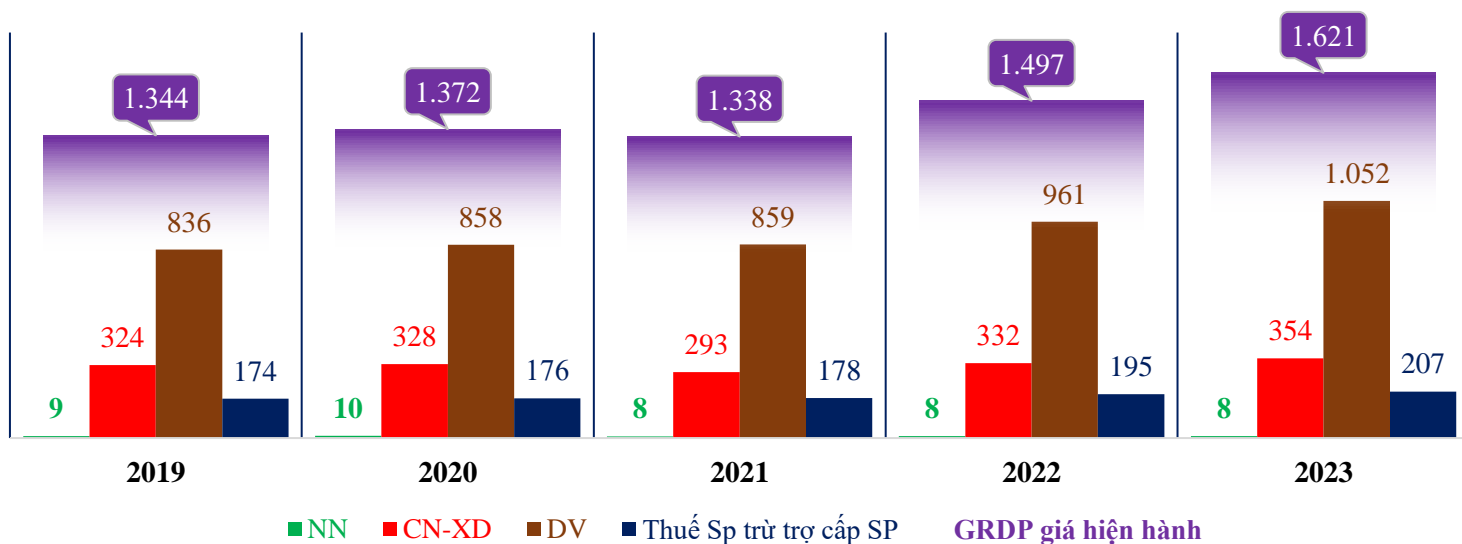
Quy mô GRDP các ngành giai đoạn 2019-2023 (theo giá hiện hành)

Quy mô GRDP Thành phố giai đoạn 2010-2023 (1.000 tỷ đồng)



Quy mô GRDP các ngành giai đoạn 2019-2023 (theo giá hiện hành)

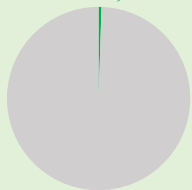
Quy mô GRDP theo giá hiện hành (1.000 tỷ đồng)



Cơ cấu GRDP năm 2023 (theo giá hiện hành)

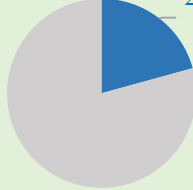
Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)

0,51



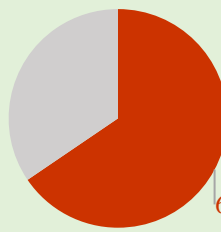
Công nghiệp, xây dựng (%)

20,73



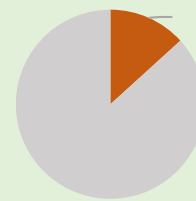
Dịch vụ (%)

65,50



Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)

13,26



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

<https://thongkehochiminh.gso.gov.vn>